VĂN HỌC

tạp chí sáng tác
nhận định văn nghệ

Khánh trường

SỐ 55 THÁNG 9 - 1990

VĂN HỌC

TRONG SỐ NÀY:

● **Thư tòa soạn:** trang 1 ● **Nguyễn Mộng Giác:** *phan huy ích ở phú xuân* trang 3 ● **Nguyễn Xuân Hoàng:** *người khách* trang 21 ● **Huỳnh Liễu Ngạn:** *phương trời* thơ trang 30 ● **Mai Kim Ngọc:** *trốn về dĩ vãng* trang 31 ● **Trần Sa:** *men mùa hạ* thơ trang 52 ● **Hoàng Xuân Sơn:** *ngôn ngữ* thơ trang 53 ● **Nguyễn Mạnh Trinh:** thơ trang 54 ● **Khánh Trường:** *thảm cỏ nát trong khu vườn hoang* trang 55 ● **Nguyễn thị Ngọc Nhung:** *chuyện tình, đoạn cuối* trang 70 ● **Giang Hữu Tuyên:** *tiếng kêu* thơ trang 85 ● **Trần Dạ Từ:** *nụ hôn nhỏ* thơ trang 86 ● **Trầm Phục Khắc:** *bên này - một người* thơ trang 88 ● **Thụy Khuê:** *võ phiến* trang 89 ● **Nguyễn Đức Lập:** *phong vũ tiêu tiêu...* chuyện dài trang 106 ● **thư bạn đọc** trang 117 ● **giới thiệu sách báo, thư văn học**

Ban Chủ Biên:
Nguyễn Mộng Giác, Nguyễn Xuân Hoàng, Cao Xuân Huy, Hoàng Khởi Phong, Nguyễn văn Sâm, Trịnh Y Thư, Khánh Trường, Trương Vũ
Tổng Thư Ký: Cao Xuân Huy
Trị Sự: Khánh Trường

Đại diện Văn Học ở Âu châu: Mrs Lê Tất Luyện
15 Place Souham, 75013 Paris, France. Phone: 45.831.912
Đại diện Văn Học ở Úc châu: Nguyễn Khắc Phú
14 Lester Rd, Padstow
New South Wale 2211 Australia. Phone: (02)771.1770
Thư từ tiền bạc xin gửi về: Văn Học
P.O. Box 3192 Tustin CA 92680 USA
Phone: **(714) 898.9074**
Số đăng ký tại Thư Viện Quốc Hội Hoa Kỳ: ISSN - 0885 - 128X

thư tòa soạn

●

Sau khi số báo kép 53 và 54 được phát hành, Văn Học nhận được rất nhiều khích lệ - qua thư từ, điện thoại - của độc giả và văn hữu xa gần. Ban chủ biên cũng được góp ý để tờ báo thêm khởi sắc mà vẫn giữ nguyên chiều hướng cùng phẩm chất sẵn có từ trước đến nay. Văn Học thành thật cảm tạ và đón nhận lòng ưu ái này của quý bạn đọc. Sự khó khăn trong việc thực hiện một tờ báo thuần túy văn học ở xứ người đôi lúc tưởng chừng như không sao khắc phục được. Tuy nhiên, lòng yêu mến văn chương của những người chủ trương tờ báo cộng với sự hỗ trợ tích cực của quý bạn đọc đã là hai yếu tố chính khiến Văn Học vẫn mạnh mẽ tồn tại và chỉ cần với hai yếu tố đó thôi, ban chủ biên Văn Học sẽ không để quý bạn đọc thất vọng.

Số này, Văn Học trích đăng ba đoản văn từ ba tác phẩm sắp xuất bản của ba nhà văn được xem là trong số những người cầm bút uy tín nhất của văn học Việt nam hải ngoại. Ba tác phẩm đó là: bộ trường thiên *Sông Côn Mùa Lũ* của nhà văn Nguyễn Mộng Giác viết trong thời gian 78-81 và vừa được chuyển từ trong nước ra; truyện dài *Bụi Và Rác* của nhà văn Nguyễn Xuân Hoàng; và truyện dài *Thuyền Nhân* của nhà văn Mai Kim Ngọc. Ba tác phẩm, ba sắc thái, ba khung cảnh, ba ý tưởng hoàn toàn khác biệt, nhưng tất cả đều hứa hẹn sẽ là những tác phẩm văn học quan trọng ra mắt độc giả trong những ngày tới.

Trong phần nhận định văn học, chúng ta có bài viết của chị Thụy Khuê nhận xét về nhà văn Võ Phiến. Viết về Võ Phiến đã có khá nhiều người, nhất là từ sau 1975, về con người cũng như văn nghiệp của ông. Nhưng dưới ngòi bút của Thụy Khuê, những mâu thuẫn sâu xa trong tư

tưởng của ông được soi chiếu một cách rạch ròi, nghiêm túc. Theo tác giả, Võ Phiến đã thành công khi ông thể hiện những mâu thuẫn ấy trong tác phẩm, vì sự mâu thuẫn ấy chỉ là hiện thân của cái tầm thường, cái bình thường nhất trong con người mỗi chúng ta.

Phần sáng tác thơ và truyện ngắn có những cây viết quen thuộc của Văn Học Việt nam hải ngoại như: Nguyễn thị Ngọc Nhung, Khánh Trường, Trầm Phục Khắc, Huỳnh Liễu Ngạn, Nguyễn Mạnh Trinh, Hoàng Xuân Sơn, Trần Sa, Giang Hữu Tuyên, Trần Dạ Từ...

Trong những số tới, Văn Học sẽ cố gắng thực hiện những số báo mang chủ đề. Hai trong số những chủ đề được nhắc đến là Thơ Việt Hải Ngoại và điểm qua các dòng văn học chính trên thế giới. Văn Học đón chờ sự đóng góp của độc giả và các văn hữu bốn phương cho các chủ đề nêu trên.

Văn Học

NGUYỄN MỘNG GIÁC

PHAN HUY ÍCH Ở PHÚ XUÂN

trích từ trường thiên tiểu thuyết
SÔNG CÔN MÙA LŨ

●

Lời tòa soạn: *Văn Học hân hạnh giới thiệu một chương trong bộ trường thiên "Sông Côn Mùa Lũ" của nhà văn Nguyễn Mộng Giác, do nhà xuất bản An Tiêm và Văn Nghệ in và sắp phát hành trong năm nay. Bộ trường thiên dày hai ngàn trang trong bản thảo này, Nguyễn Mộng Giác đã viết ở Sàigòn trong bốn năm từ 1978 đến 1981, và nhờ may mắn, mới đây tập bản thảo đó lọt qua lưới kiểm soát của nhà nước Cộng sản và tới tay tác giả. Toàn bộ trường thiên trình bày lại thân phận giới trí thức nho sĩ ở giai đoạn vừa hào hùng vừa bi thảm nhất của lịch sử Việt nam (giai đoạn Tây Sơn), đặc biệt là giới nho sĩ Bắc hà, trong đó có Ngô Thì Nhậm và Phan Huy Ích. Chương truyện này đề cập đến tâm trạng của Phan Huy Ích, lúc ông được (hay bị?) triệu vào Phú Xuân để nhận chức Hình bộ Tả thị lang.*

Văn Học

[1]

Đây là lần thứ hai Phan Huy Ích vào thành Phú Xuân.

Mười một năm về trước, ở cái tuổi hai mươi sáu phơi phới danh vọng, ông đã được Tĩnh Vương Trịnh Sâm giao trọng trách vào Phú Xuân (1) giải quyết vấn đề biên giới với Tây Sơn. Bây giờ sau mấy năm chán chường vì hoạn lộ thăng trầm, gần kề cái tuổi "tứ thập nhi bất hoặc", ông trở lại Phú Xuân với mái tóc đốm bạc và đôi mắt mệt mỏi.

Trong nhóm nho sĩ Bắc hà theo Chính Bình Vương về Phú Xuân lần này, Phan Huy Ích là người có kiến thức và danh vọng cao nhất. Bạn bè xét nét ông để tìm một lối cư xử vừa đỡ mất thể diện "ông nghè Đàng Ngoài" vừa khỏi nguy hiểm. Các quan văn võ ở Phú Xuân thì đãi đưa với ông, luôn luôn giữ một khoảng cách vừa phải nào đó trong giao tiếp để ông nhớ rằng dù được vương thượng cho làm Tả thị lang bộ Hình, tước Thụy Nham hầu, ông vẫn cứ là người ngoài như thường. Ông không đến

nỗi lơ láo như một hàng thần, nhưng, giữa cảnh xe ngựa nhộn nhịp nghi vệ oai dũng hơn cả Phú Xuân năm Bính Thân, Phan Huy Ích cảm thấy lạc loài. Ngôi nhà vắng chủ nằm sâu trong khu vườn chuối xanh um ở Phủ Cam dành riêng cho nhóm nhà nho Bắc hà, công đường của bộ Hình, điện Tiêu Dương nơi ông được vương thượng vời đến hỏi han công việc, cái bến đá bên bờ sông đào nước xanh mầu rêu thẫm nơi ông thường đến mỗi chiều để nhớ tiếc da diết cái thời làm quan ở trên mặt sông, không chỗ nào Phan Huy Ích thấy là "của ông" cả. Điều ông khổ tâm là không tìm ra được lý lẽ xác đáng để giải thích tâm trạng lạc lõng ấy. Ông nhớ tiếc thời vàng son cũ chăng? Không. Ông đã bị thất sủng ngay từ khi vua Lê chúa Trịnh còn tại vị, khiến ông chán nản đến nỗi không thèm ngó ngàng gì đến việc quan, "không tới dinh làm việc mà ghép mấy chiếc thuyền bè làm nhà ở, trên bờ dựng vài gian cho nha lại lính tráng đóng, văn án không tra xét, chỉ khi nào có việc quan trọng mới đến giải quyết" (2). Ông ray rứt khốn khổ vì lòng trung chăng? Có lẽ không, vì nếu vậy, ông đã hành động cần vương dứt khoát như bọn Nguyễn Đình Giản, hoặc bạo hơn nữa, như Nguyễn Huy Trạc. Ông bất phục chế độ mới chăng? Cũng không. Dù tìm thấy ở cung cách hành động, cư xử của quan lại Tây Sơn nhiều điều thiếu văn nhã, Phan Huy Ích cũng phải thầm kính phục sự quyết đoán, tài thao lược, và tầm hữu hiệu của họ. So với bọn tham tụng, bồi tụng, thị lang, thiêm sai, đồng liêu của ông trước đây, các quan văn võ Phú Xuân tự tín và khí khái hơn nhiều. Vậy thì tại sao ông lạc loài? Một hôm đứng bên bờ đá, ông thấy đám con nít bơi lội, té nước vui vẻ với nhau dưới sông, và các cô gái nhà nghèo tíu tít đem đồ giặt xuống bến cười nói luôn miệng, ông chợt nghĩ mình bị cuộc sống hồn nhiên rộn rã (cuộc sống tiến về phía trước như thời gian, vươn lên cao như khói tỏa) bỏ lại đằng sau, phía dưới, nên mới lạc lõng hoang mang vì sự yếu đuối. Đó là nỗi lạc loài của kẻ chồn chân mỏi gối đứng nép bên lề nhìn kẻ đi người lại tấp nập trước mặt mình. Ý nghĩ đó khiến Phan Huy Ích khổ sở hơn. Ông thầm ao ước được dứt khoát chọn phía như Nguyễn Đình Giản hoặc Ngô Thì Nhậm anh vợ của ông. Chọn một lần rồi thôi, sau đó mạnh bạo, tự tín, nếu cần thì quyết liệt hành động để tiếp tục phụng sự cho mục tiêu đã lựa chọn. Ông cũng có lựa chọn đấy. Nghe lời tuyên triệu, ông cũng đã vội vã rời Phương Liệt ra Kinh trình diện với Chính Bình vương. Nhưng ra đi trong dùng dằng, ra mắt giữa lúc rụt rè và giờ đây về Phú Xuân trong lạc loài.

Ông tiếc Ngô Thì Nhậm phải ở lại Thăng Long, không được về đây với ông. Nhậm đối với ông có cái gì hơn cả một người bạn học, một người anh vợ, một đồng liêu, một văn hữu. Do tuổi tác, kiến thức, tài năng, nhất là do sức mạnh của ý chí, Nhậm là cái mẫu hiển hiện gần gũi (phải, gần gũi đến nỗi Phan Huy Ích tưởng chỉ cần cố thêm một chút nữa thì thế nào cũng theo kịp Nhậm) của Ích. Là chỗ dựa êm ái của một phút mệt mỏi, là cái lều tạm để tránh gió. Ngô Thì Nhậm không vượt hẳn lên cao, khoảng cách nhỏ nhoi giữa ông và Nhậm mới nhìn tưởng không quá cái nhón gót. Thế mà... Phan Huy Ích tự thẹn với mình.

[2]

Cả nhu cầu việc công lẫn tâm tư riêng đều thúc đẩy Phan Huy Ích gần gũi Trần văn Kỷ. Ông có quá nhiều điều để nói với quan trung thư: những gợi ý rụt rè về cách tổ chức chưa được hợp lý ở các bộ, những lời tự khai dè dặt về vai trò của mình trong chuyến công cán vào Phú Xuân năm Bính thân, đề phòng trường hợp một vài chức sắc Thuận hóa còn nhớ cảnh đưa rước rầm rộ mười một năm trước nên tâu trình nói xấu Ích, những suy nghĩ về văn chương, đạo học giữa thời loạn; những bài thơ vừa làm xong cần một người đồng điệu thẩm định giá trị cuối cùng, vào những lúc hiếm hoi cả hai quên vị trí xã hội của mình, Phan Huy Ích có thể thổ lộ với quan trung thư những cảm giác hoang mang chưa định, những nỗi buồn vô duyên cớ; những yếu đuối đẩy đưa đến tâm trạng lạc lõng, nói chung là những tình cảm xa lạ với cảnh rộn rã lạc quan chung của Phú Xuân. Có một đề tài hai người rất thích thú khi bàn luận với nhau là thơ văn Ngô Thì Nhậm. Phan Huy Ích giữ được khá nhiều các bài đường luật, phú, ký của Ngô Thì Nhậm. Trần văn Kỷ rất thích bài Mộng Thiên Thai phú, nên muốn được đọc phần trước tác còn lại của tác giả. Kỷ không thể tìm được một người sưu tầm diễn giải, phê bình văn chương Ngô Thì Nhậm nào thích hợp hơn viên tân Thị lang Hình bộ. Cho nên hễ gặp nhau là họ có sẵn những điều cần nói cho nhau nghe. Một lần sau buổi chầu, Trần văn Kỷ vội vã tìm cách gặp cho được Phan Huy Ích để hào hứng bảo:

- Đêm qua tôi ngồi một mình đến quá khuya để đọc đi đọc lại mãi tập phú của ông Hi Doãn. Thật lạ lùng. Ông có nhớ bài Lâm Trì phú không?

Phan Huy Ích mỉm cười lễ phép đáp:

- Thưa quan trung thư, nhớ ạ.

- Lâm Trì ở đâu thế? Tôi nghe đây chỉ là cái tên mượn.

- Thưa không ạ. Theo ông Hi Doãn (Ngô Thì Nhậm) cho biết, thì ao này ở làng Đông Nhuế, vùng Vũ Thư trấn Sơn Nam.

- Ông ấy làm bài này lúc nào?

- Lúc đi lánh nạn, sau vụ án Canh tý.

- Tôi cũng đoán thế, nhờ dựa vào các câu như:

Dựa cành cây chừ, cho qua ngày
Mong người đẹp chừ, chưa thấy được
Đạo lớn mất chừ, về đâu?
Cá trong chậu chừ, cạn nước
Ý tạo hóa chừ, mông lung
Nhớ thánh hiền chừ, xa lắc
Ôi! Tháng ngày như quán trọ
Trời đất chiếc bè trôi
Cứ gì quê ta nhỉ
Cảnh đẹp ở nhà ai? (3)

Ông thấy không, tôi đọc mãi đến thuộc làu cả bài. Phong vị giống y như phong vị Tiền Xích Bích phú.

Phan Huy Ích thấy các quan khác đã về hết, nên đối đáp về văn chương trở nên thoải mái, tự nhiên hơn. Ông nói:

- Thưa đúng như vậy. Quả là có phong vị Xích Bích phú nhưng Lâm Trì phú không phải là bản sao chép nhập nhèm của Xích Bích phú. Đọc kỹ, ta thấy có cái gì ấm cúng, gần gũi.

Trần văn Kỷ thích thú đến nỗi reo lớn tiếng:

- Đúng đấy. Tôi cũng cảm thấy như thế mà không nói được gãy gọn chính xác như ông. Hai câu của Tô Đông Pha:

Diễu diễu hề dư hoài
Vọng mỹ nhân hề thiên nhất phương
về ý cũng giống như hai câu của ông Hi Doãn:
Ỷ thụ chi dĩ dị thời
Vọng mỹ nhân hề vị kiến

Cũng là "vọng mỹ nhân", nhưng một bên thì canh cánh hoang mang, một bên thì như tần ngần, hay cái gì tương tự như thế.

Phan Huy Ích nói:

- Tôi có được nghe ông Hi Doãn giải thích về điều này. Cái ý muốn thuở vẫn là cuộc phù sinh. Tô Đông Pha được cái may mắn thả thuyền trên dòng Xích Bích, nên cảm giác bập bềnh trôi nổi dễ diễn tả bằng sự hoang mang, bé bỏng trước trời đất vô cùng. Ngài có nhớ một đoạn dài sau hai câu thơ của Tào Mạnh Đức không? Vâng, hai câu: *Nguyệt minh tinh hi. Ô thước nam phi* (nghĩa là trăng sáng sao thưa, quạ bay về nam). Sau hai câu thơ đó, Tô Đông Pha viết: "*Đương khi Tào Mạnh Đức phá đất Kinh châu, xuống thành Giang lăng, thuận dòng mà sang mặt đông, tàu bè muôn dặm, cờ tán rợp trời. Rót chén rượu đứng trên mặt sông, cầm ngang ngọn dáo ngâm câu thơ, đó thực là anh hùng một đời, mà nay thì ở đâu? Huống chi tôi với bác đánh cá kiếm củi ở trên bến sông này, kết bạn cùng tôm cá, chơi bời với hươu nai, bơi một chiếc thuyền nho nhỏ, nhấc chén rượu để mời nhau, gửi thân phù du ở trong trời đất, nhỏ nhặt như một hạt thóc ở trong bể xanh, thương cho sự sống của ta không bao lâu mà khen cho con sông này dài vô cùng*". (4) Ông Hi Doãn thì chỉ được ngồi "tần ngần"; đúng như ngài nói vừa rồi, là tác giả ngồi tần ngần bên bờ ao hẹp, nhưng vẫn phải làm thế nào viết được cái ý phù du. Chờm ngợp trước trời đất bao la, hay cảm thấy cùng quẫn trong cảnh tù túng chật hẹp, vẫn thế thôi. Chẳng những thế, ông Hi Doãn vẫn cố nói được cái lớn qua cảnh chật hẹp:

Đạo lớn mất chừ, về đâu?
Cá trong chậu chừ, cạn nước!
Ý tạo hóa chừ, mông lung
Nhớ thánh hiền chừ, xa lắc
Ôi, tháng ngày như quán trọ
Trời đất chiếc bè trôi!...
Trần văn Kỷ cất lời Ích:

- Đạo lớn mất chừ về đâu? Nhớ thánh hiền chừ, xa lắc! Không được. Có dịp gặp lại ông Hi Doãn, tôi sẽ nói thẳng cho ông ấy biết là ý hai câu này không được. Đã là đạo lớn thì không bao giờ mất. Còn thánh hiền xa hay gần là tùy ở ta. Có những kẻ thuộc lầu tứ thư ngũ kinh nhưng xa thánh hiền vì không thể hiểu được lời dạy của thánh nhân. Đọc bài phú Lâm Trì đến chỗ này tôi khựng lại, hơi thất vọng cho ông Nhậm. Nhưng đọc tiếp sang đoạn cuối thì mới biết ông ấy đánh lừa mình. Không.

Hoang mang thất vọng chỉ là tâm trạng yếu đuối của một vài khắc chán nản. Phần còn lại của nhà nho ta vẫn là trọn tin ở thiên mệnh, vững chãi, sáng suốt "kiến cơ nhi tác". Phần kết đầy cả nao nức. Tôi còn nhớ được mấy câu:

Ta đứng ngắm ao
Lòng vui chẳng ngớt
Gió thoảng mát chừ hiu hiu
Sóng gợn vân chừ lớp lớp
Chẳng có gương mà sáng ngời
Không có lầu mà cao vót
Không hư sự vật suy rành
Máy tạo xưa nay tỏ rạng

Phan Huy Ích cũng hứng thú đọc nốt:

Tắm sông Nghi chừ, ai kia?
Ở ngõ hẻm chừ, (5) sá quản
Huống đây ao nước trong ngời
Rửa muộn giúp ta thanh thản
Chương cuối thiên Hương đảng giở xem
"Thời vậy thay! Thời vậy thay
Kêu ba tiếng rồi chim bay đi" (6)

Cả hai không hẹn mà cùng reo lên: "Thật tuyệt", rồi cười lớn. Vài viên quan nhỏ thuộc hạ của Trần văn Kỷ nghe tiếng cười ầm, quay lại ngơ ngác. Quan trung thư vẫn cười tự nhiên, nhưng Phan Huy Ích thì làm mặt nghiêm, bối rối như vừa làm điều quấy.

[3]

Điều đáng tiếc là tại bộ Hình, nhiệm sở của Phan Huy Ích, không bao giờ có những khắc thoải mái như vậy.

Hình bộ Thượng thư Hồ Công Thuyên không giao cho quan Hình bộ Tả thị lang Phan Huy Ích công việc gì cụ thể. Cách đối đãi cư xử của Thuyên thật hòa nhã, kính cẩn. Không thể chê trách điều gì được. Ngay sau khi Phan Huy Ích đến bộ Hình, Thuyên bắt các quan lớn nhỏ vào lạy ra mắt quan Tả thị lang. Sau đó là một tiệc rượu linh đình, Thuyên nhường cho Ích chỗ ngồi vinh dự nhất trong tiệc rượu. Vài hôm lại có

lính bộ mang đến chỗ Ích ở quà biếu của quan Thượng thư, nào trà tàu thơm, rượu ngon, nào gạo trắng, thịt, tôm cá tươi, đồ sứ pha trà, ống nhổ thau, chiếu hoa... Có thể nói suốt cuộc đời làm quan của Phan Huy Ích, chưa bao giờ ông được trọng vọng, cung phụng đầy đủ như thế. Nhưng ngoài tiện nghi xa hoa đó, Thuyên không giao cho Ích việc gì cả. Phan Huy Ích có mạnh dạn đề nghị vài điểm cần sửa đổi trong cách tổ chức nhân sự, hoặc trong thủ tục ngục tụng, cốt làm sao cho việc xét xử được nhanh chóng hơn, quan Thượng thư chăm chú lắng nghe, rồi cảm ơn rối rít. Ngày hôm sau, hôm sau nữa, Hồ Công Thuyên không hề nhắc lại câu chuyện trao đổi hôm trước, giả lờ như chưa bao giờ họ nói chuyện với nhau. Một lần Phan Huy Ích lấy bạo nhắc lại, Hồ Công Thuyên hơi nhíu mày rồi hỏi:

- Nhưng ông đã nói với quan trung thư lệnh chưa? Nói với ông ấy đi. Tôi thì... ông thấy đấy, tôi có quyền hành gì ở đây đâu. Có phải quan trung thư tâu với chúa thượng bổ ông về bộ Hình không? Tại sao không bổ về bộ khác, mà lại bổ về bộ Hình? Có phải quan trung thư nghĩ rằng tôi đã già yếu (Thuyên cười, trỏ lên mái tóc dày và đen mướt của mình), tóc sắp bạc hết nên phải gửi một nhân tài Bắc hà đến giúp sức? Ông đã từng vào Phú Xuân, từng đảm đương nhiều việc lớn, thì cái bộ Hình tồi tàn nhỏ xíu này đâu phải là chỗ xứng dáng. Hay là vì chức trung thư lệnh không có cấp phụ tá?

Càng nói, giọng Hồ Công Thuyên càng mỉa mai, cay đắng. Phan Huy Ích không dám nói thêm gì nữa, cũng không dám héo lánh đến bộ Hình. Ngoài các buổi chầu, ông chỉ nằm khoèo ở nhà đọc sách hoặc thơ thẩn trên bờ sông. Ông bắt đầu thấy những điều phức tạp của triều đình Phú Xuân như đã thấy các cuộc tranh chấp điên đảo ở Thăng Long. Phan Huy Ích có thừa khôn ngoan để dè dặt, cố đứng ngoài các cuộc tranh chấp.

Nhưng người ta không để cho ông yên. Một hôm Lại bộ Hồ Đồng tìm đến hỏi Ích:

- Lâu nay ngài vẫn đi lại với quan trung thư đấy chứ?

Phan Huy Ích đáp lơ lửng:

- Chỉ thỉnh thoảng thôi. Quan trung thư có mượn tôi tập thi tuyển của các danh sĩ Bắc hà.

Hồ Đồng cười, ranh mãnh hỏi:

- Thảo nào sau mỗi buổi chầu, các ngài cứ quấn lấy nhau để xướng họa. Không thấy gì đang xảy ra chung quanh cả. Ngài đã đến thăm tư dinh Bùi tướng công chưa?

Phan Huy Ích ngơ ngác hỏi:

- Tướng công nào họ Bùi đấy ạ?

Hồ Đồng cười to:

- Tôi biết thế nào ngài cũng hỏi câu ấy, nên mới đến đây. Tôi dốt nát vô học, nhưng cũng có nghe thiên hạ trầm trồ tài học của ngài, nên tuy chưa thân đã kính phục. Ngài có biết không, mỗi lần ngài nói chuyện với quan trung thư, Bùi tướng công đều cố ngồi nán lại để... để làm gì, chắc ngài đã đoán biết.

Phan Huy Ích lo sợ hỏi:

- Thật thế ư? Thật thế ư?

Hồ Đồng nghiêm nét mặt, hạ giọng nói:

- Chỗ thân tình, tôi khuyên ngài nên chăm thăm hỏi Bùi tướng công hơn. Dĩ nhiên đồng thời ngài nên bớt thân thiết với quan trung thư. Ngài không cần hỏi vì sao, vì thế nào ngài cũng phải biết điều rắc rối phức tạp đó rồi. Chúng tôi ở bên bộ Lại, nên biết được nhiều việc ở các bộ khác. Có phải lâu nay ngài rảnh rỗi lắm phải không?

Phan Huy Ích hơi khó chịu hỏi lại:

- Ông hỏi làm gì vậy?

Lại bộ Hồ Đồng cười không chút bối rối:

- Dĩ nhiên không phải tự ý tôi đến đây. Tôi đang làm việc quan đấy, vì "an nguy của xã tắc" đấy. Ngài thử nghĩ mà xem: nếu không khéo, có thể vì sự sơ ý của ngài mà thành Phú Xuân bị xẻ làm hai, làm ba. Ngài không nghe người ta xì xào rằng chúa thượng bắt đầu "mê hát chèo" rồi hay sao? (Hồ Đồng lại cười). "Mê hát chèo"! Miệng lưỡi thiên hạ thật là... thật là phi thường, không có cách ví von nào hay hơn! Ngài nên giữ ý giữ tứ, nếu không người ta sẽ nghĩ là ngài cũng thuộc gánh hát chèo Bắc hà đấy!

[4]

Phan Huy Ích vào Phú Xuân vào đầu mùa thu, bộ Hình mới tìm được việc để giao cho ông. Thượng thư Hồ Công Thuyên mời Phan Huy Ích đến bộ hỏi:

- Hình như trước đây ông đã từng làm thiêm sai tri hình ở phủ chúa thì phải?

Phan Huy Ích đáp:

- Vâng. Tôi về triều thay cho Phạm Nguyễn Du đi án sát Kinh Bắc.

Hồ Công Thuyên thắc mắc:

- Làm Đốc đồng Thanh hoa sướng hơn chứ, sao ông lại xin về triều? Thanh hoa không khổ vì việc phòng vệ như Nghệ An, cũng không quá gần mặt trời. Tôi nghe nói được về làm quan ở Thanh hoa người nào cũng "dẫy đà" lên.

Phan Huy Ích mím môi không nói gì. Quan Thượng thư thấy Ích bất bình, nên vội chuyển sang chuyện khác:

- Tôi mời ông tới vì bộ Hình ta đang gặp khó. Việc này ngoài ông ra, không ai kham nổi đâu. Xin ông chớ khiêm nhường. Sự thật đúng như vậy. Không phải các quan Hình bộ đều là hạng thiếu khả năng đâu. Họ xuất thân võ biền, nên có điểm hơn các văn thần là dám mạnh bạo. Bộ ta chuyên coi các án tụng, hình ngục, thì sự cương quyết, mạnh bạo càng cần hơn nữa. Tuy vậy, riêng vụ án này thì chỉ có ông mới giải quyết được.

Phan Huy Ích nói:

- Tôi sợ vì mới chân ướt chân ráo vào đây...

Hồ Công Thuyên cắt lời Ích:

- Chính vì thế mà được việc. Nói thật với ông, vụ này dây dưa lâu rồi vẫn chưa ngã ngũ. Kẻ liên can có nhiều thế lực che chở, nên nhiều lần bộ Hình định làm án mà không xong. Chúng tôi đang ở cái thế tiến thối lưỡng nan. May mắn có ông vào kịp thời. Ông nhận xét án thì không ai dám bảo ông thiên vị bên nào cả.

Rồi Hồ Công Thuyên thuật sơ lược vụ Lợi liên can với các ghe buôn Đồng nai. Phan Huy Ích thắc mắc:

- Hắn chỉ là một viên quan nhỏ bộ Công, lẽ nào hai ba lần bộ Hình làm án mà không được? Hắn là hoàng thân quốc thích chăng?

Thượng thư Hồ Công Thuyên lắc đầu đáp:

- Không. Nhưng hắn giúp việc buôn trầu của nhà vua thời hàn vi. Vợ hắn cũng không xa lạ gì với vương thượng.

Phan Huy Ích vỡ lẽ, nói:

- Thế à!

Thuyên cười nhỏ một tiếng, mắt liếc tinh ranh:

- Ông sợ rồi phải không? Sĩ phu Bắc hà mỗi lần gặp trường hợp cậy thế lộng hành như vậy thì làm gì?

Phan Huy Ích lừ mắt nhìn Hồ Công Thuyên, hỏi lại:

- Các quan bộ Hình đã làm đến đâu rồi?

Hồ Công Thuyên không hiểu thâm ý câu hỏi đó, với tay lấy xấp hồ sơ vụ án gạo Đồng nai đưa cho Ích:

- Bộ Hình đã tra án mấy lần, được bao nhiêu đây. Nếu ông muốn tự mình xem xét từ đầu, thì cứ ra lệnh. Vụ này liên quan đến Qui nhơn và Đồng nai, nếu ông làm sáng tỏ thì công lao không phải nhỏ. Nhưng chỗ đồng liêu tôi có điều này nói riêng với ông, là ông không nên nói gì với quan trung thư cả. Cứ lẳng lặng làm việc. Chắc ông đã hiểu vì sao rồi!

Phan Huy Ích chỉ hiểu lờ mờ, nhưng Hồ Công Thuyên đã đứng dậy để tiễn khách, nên ông không thể hỏi gì thêm.

Ngay buổi chiều hôm đó, Phan Huy Ích ra lệnh cho quan giữ ngục giải từng tên lái buôn Đồng nai lên bộ Hình để hỏi cung. Không cần tra khảo gì cả, quan thị lang cho phép các tội phạm được ngồi đối diện với mình, mời uống trà, ăn trầu, và từ tốn hỏi thăm công việc buôn bán của họ. Ông ghi nhận được một điều đáng ngờ: Số gạo bọn lái buôn đã bán cho Phú Xuân quá lớn so với trọng tải các ghe bầu. Phan Huy Ích cho đòi các chức sắc phụ trách việc nhập kho để hỏi thể thức nhập kho thế nào. Thủ tục xuất nhập có nhiều sơ hở, khiến việc kiểm soát số lượng chỉ có giá trị tương đối. Lần tìm người chịu trách nhiệm các sơ hở đó, Phan Huy Ích nhận thấy cách tổ chức luộm thuộm không do sự dốt nát, mà do có chủ ý. Ông không thể đi sâu thêm nữa, vì các chức sắc từ chối xuất trình tất cả sổ sách lấy cớ chưa được quan Thượng thư bộ Công chuẩn y. Ngay Hồ Công Thuyên cũng nói xa gần khuyên Phan Huy Ích chú ý đến các tội nhân, đừng tra hỏi các quan bộ Công gây nên bất hòa giữa hai bộ.

Phan Huy Ích lại thẩm vấn các con buôn, chất vấn họ vì sao có sự chênh lệch giữa khả năng vận tải tối đa của đoàn ghe bầu và số gạo nhập kho. Ban đầu họ chối. Về sau Phan Huy Ích hỏi họ có dám trở về Đồng nai trên một chiếc ghe đã chở từng ấy gạo đúng như lời họ khai hay không, thì cả bọn do dự. Cuối cùng họ thú nhận đã dùng gạo rải đều từ bến lên kho nên phải thông đồng với các quan bộ Công khai dôi số gạo

bán. Họ phải làm như vậy, nếu không phải lỗ vốn vì chi phí chuyên chở cao, chi phí giao tế lại càng cao hơn nữa. Phan Huy Ích hỏi họ đã hối lộ cho ai, và hối lộ bao nhiêu để việc buôn bán được thuận lợi suốt mấy năm liền. Họ từ chối trả lời, khai rằng đã thú hết với quan Thái sư Bùi Đắc Tuyên. Phan Huy Ích không tìm thấy tờ tự khai này trong xấp hồ sơ.

Không còn cách nào khác, Phan Huy Ích phải gặp Trần văn Kỷ để xin lệnh của vương thượng cho phép bộ Hình được kiểm soát tất cả sổ sách xuất nhập kho của bộ Công. Ông nhớ lời dặn trước của thượng thư Hồ Công Thuyên, nhưng tự ái của một viên đại thần không cho phép Phan Huy Ích dừng lại ở lưng chừng. Ông ngờ ngợ hiểu rằng chẳng những đây là một cuộc thử thách cho ông, mà còn là cuộc thử thách cho tất cả các quan văn võ cựu triều, về khả năng lẫn ý chí. Nghĩa là Phan Huy Ích không có một con đường nào khác ngoài việc bậm môi chấp nhận cuộc thử thách!

[5]

Thái bảo Phạm văn Hưng vừa ở Gia định về, chưa kịp ghé qua tư dinh đã có lệnh triệu vào chầu ngay. Đích thân quan trung thư lệnh và thượng thư bộ Binh chờ Hưng ở bến thuyền để đưa viên tướng vừa viễn chinh vào gặp Nguyễn Huệ.

Biết chủ tướng nóng lòng muốn biết tình hình Gia định nên vừa sụp xuống lạy Chính Bình vương xong, Phạm văn Hưng đã nói:

- Tâu chúa thượng, tình hình trong đó...

Nguyễn Huệ xua tay nói:

- Không việc gì phải vội. Bọn thằng Chủng có theo sát thuyền ông về đây ta vẫn còn thì giờ uống với nhau một chén trà thơm. Đi đường có nhọc không? Hãy ngồi xuống đây đã.

Phạm văn Hưng ngồi ghé vào góc chiếc sập Chính Bình vương đang ngồi. Vương quay về phía Trần văn Kỷ và quan Thượng thư bộ Hình:

- Các ông kéo ghế ngồi dịch lại đây.

Hai người vâng lời Nguyễn Huệ, nâng hẳn hai chiếc ghế khảm xa cừ nặng lên, đem đến đặt nhẹ sát chiếc sập thếp vàng, để khỏi gây tiếng ồn. Trong phòng không ai nói với ai lời nào. Chính Bình vương chăm chú

rót nước ra bốn cái chén nội phủ bịt vàng. Tiếng nước thanh và ấm. Rót nước xong, Nguyễn Huệ đẩy cơi trầu về phía Phạm văn Hưng:

- Ông ăn trầu đi đã.

Phạm văn Hưng không khách sáo, lắc đầu từ chối:

- Xin vương thượng ban cho chén nước.

Nguyễn Huệ cười:

- Miếng trầu của các cô các bà trong Gia định têm khéo hơn hay sao? Ông già đi đấy. Má hóp, mắt thâm quầng.

Phạm văn Hưng tưởng đã đến lúc phải bẩm báo tình hình trong Nam, ngồi ngay người thưa:

- Tâu vương thượng, khi chúng tôi vào đến Gia định...

Một lần nữa Nguyễn Huệ cười lớn, cản lại:

- Chưa cần bẩm báo vội. Ông uống cho hết chén nước này đi!

Phạm văn Hưng vâng lệnh Chính Bình vương, một tay che mặt một tay nâng chén nước lên uống cạn. Nguyễn Huệ chú ý thấy cánh tay áo của Phạm văn Hưng bị cháy xém vì thuốc súng, vương cảm động, giọng nói hơi run run:

- Ta trông tin ông còn hơn trẻ con trông mẹ về chợ. Thấy ông và anh em trở về mạnh khỏe, ta rất mừng. Quan trung thư lấy giùm cho ta tấm bản đồ Gia định. Cuốn giấy cứng cao nhất trong cái lọ sứ ấy. Không phải. Cuốn kia kia. Đúng rồi. Quan Thái bảo khỏe rồi chứ?

Cả bốn người quây quần quanh tấm bản đồ. Nguyễn Huệ ngồi thẳng lưng trên sập, tay cầm một thanh gỗ mun đen hai đầu có bịt bạc dùng để chằn giấy, nghiêm mặt theo dõi báo cáo của Phạm văn Hưng. Hưng dùng ngón trỏ chỉ lên bản đồ nói:

- Lúc tôi vào tình thế đã khá nguy ngập rồi. Thượng Sâm phải một mình chống cự với thuộc hạ của tên Chủng khi Đông Định vương bỏ về Qui nhơn. Tháng Mười năm trước, Hồ văn Lân đánh ở sông Lương Phú, đô đốc Nguyễn văn Mân không cự nổi phải rút về giữ Thang Trông. Chưởng cơ Chân, tả hiệu Huấn đầu hàng giặc rồi làm tiền phong cho chúng.

Nguyễn Huệ hỏi:

- Thang Trông? Bản đồ ghi Thám Lung mà.

Phạm văn Hưng nói:

- Tâu chúa thượng, Thám Lung là tên chữ. Dân địa phương gọi theo cách nôm là Thang Trông. Vâng, chỗ đó thuộc Bến Tranh, tên chữ là Tranh giang, Định tường. Trong lúc đó thì Nguyễn văn Trương, Đỗ văn Hựu đánh tập hậu ở sông Mỹ lung đuổi chưởng cơ Từ khỏi Mỹ lung. Bộ hạ của chưởng cơ đầu hàng, đem theo cả mấy mươi chiến thuyền. Giặc cứ tiến dần, tiến dần như tằm ăn dâu. Thượng Sâm rút về sông Mỹ tho, rồi lại phải rút về Sàigòn, vì Tôn Thất Hội đã chiếm Ba giồng; Hoàng văn Khánh, Trương Phú Ngan, Nguyễn văn Trương, Tô văn Đoái đắp lũy ở Nước Xoáy (7). Cho đến đầu năm nay giặc đã chiếm giữ vùng Trà lọt, giồng Triệu, giồng Sao. Ta chỉ còn kiểm soát được vùng Sàigòn, Mỹ tho.

Nguyễn Huệ nóng ruột, dùng cây thước mun chỉ lên bản đồ hỏi:

- Còn phía dinh Trấn biên?

Phạm văn Hưng buồn rầu đáp:

- Lưu thủ Khoa, bộ hạ tên Chủng đã chiếm mất rồi. Thượng Sâm chỉ còn biết dựa vào thủy binh làm lực lượng phòng ngự chính yếu.

Nguyễn Huệ đăm chiêu bần thần không nói gì. Cả phòng hoàn toàn yên lặng. Một lúc sau, vương nói:

- Mất Ba giồng với Trấn biên tức là đường bộ đã bị cô lập rồi. Khi thủy binh của ta kéo vào, tình thế có gỡ được rối không?

Phạm văn Hưng nói:

- Bẩm có. Cả bọn địch lẫn Thượng Sâm đều hoang mang không hiểu ta vào làm gì. Ban đầu chúng tưởng Qui nhơn đưa viện binh vào. Thượng Sâm cũng tưởng thế. Sau biết là thủy binh Phú Xuân, Thượng Sâm lo ngại. Ông ấy đóng chặt cửa thành không cho tôi vào. Nhiều lượt thư qua thư lại, kèm theo thề thốt, ông ấy mới tin là tôi vào để cứu viện. Ông ấy rơm rớm nước mắt rồi nói với tôi: "Đông Định vương ngờ tôi làm phản nên bỏ về Qui nhơn. Hoàng thượng có lẽ cũng ngờ tôi nốt. Tôi mà có lòng nào thì trời chu đất diệt ba họ nhà tôi. Tình thế nguy ngập thế này mà Bề Trên không trọn tin thì làm sao chống giữ được đất Gia định. Tôi còn biết trông chờ về phương nào đây?"

Nguyễn Huệ hấp tấp hỏi:

- Lúc ông về tình thế đã tạm yên chưa?

Phạm văn Hưng không giấu được bối rối khi đáp:

- Bẩm chưa ạ. Giặc vẫn cố thủ ở các điểm quan yếu như Ba giồng, dinh Trấn biên. Thủy binh của ta có làm cho chúng nao núng, nhưng về

sau, có một thổ hào người Gò công (Võ Tánh) đem thuộc hạ đông cả vạn quân lên giúp tên Chủng. Chúng loan truyền trong dân chúng cái tin sẽ hạ thành Sàigòn vào tháng Sáu này.

- Dân có tin lời chúng phao truyền không?

- Tâu chúa thượng, lòng dân Gia định dao động lắm. Tên Chủng cho tay chân rao khắp nơi: ai nuôi một lính Tây Sơn bỏ chạy về làng thì binh dịch được miễn một nửa, hai người thì được miễn hết, ba người trở lên thì được thưởng. Đối với binh lính gốc Thuận hóa thì bọn chúng nhắc nhở đến dòng họ Nguyễn Gia Miêu để vuốt ve tự ái địa phương. Ai muốn mau về xứ thì nên đầu hàng bọn Chủng, lập công phò tá để chóng về đất cũ.

Nguyễn Huệ quay về phía Trần văn Kỷ nói:

- Lại vẫn cái chiêu bài chính thống! Các ông thấy không, muốn gỡ rối ở Gia định lẫn Bắc hà chỉ còn một cách là làm sao cho dân hiểu rõ rằng mệnh trời đã đổi. Rằng bọn ruồi nhặng từng rước quân Xiêm về dày xéo Gia định lẫn bọn con cháu họ Trịnh họ Lê ở Bắc hà đều là những thân cây mục, không còn dùng làm gì được nữa. Ta biết thuyết phục cho được điều đó không phải dễ. Phía nam, ta còn vướng Hoàng đế thành. Phía bắc, các ngài khoa bảng thuộc làu kinh truyện còn ôm khư khư lấy chữ "trung quân". Ta có nghe báo lại các lời bàn tán của giới sĩ phu Bắc hà, khi họ đọc tờ chỉ dụ ủy cho Sùng Nhượng công làm giám quốc dán tại cửa Đại Hưng. Ta không ngạc nhiên, cũng không vội vã nôn nóng. Cái gì mục nát tất nhiên phải gãy đổ. Có chút gió thổi thì đổ nhanh hơn. Thế thôi. Chẳng lẽ các ngài cứ khư khư bám lấy những điều lỗi thời, thậm chí còn chết dại như bọn Lý Trần Quán, Nguyễn Huy Trạc. Phải có người thức giấc chứ! À này, lâu nay mấy ông nghè Đàng Ngoài làm việc thế nào, quan trung thư? Ông đã sai đem biếu quế cho La sơn phu tử chưa?

Trần văn Kỷ đáp:

- Thưa đã gửi quế cho quan trấn thủ Nghệ an rồi ạ.

Trần văn Kỷ tránh trả lời câu hỏi thứ nhất, vì không dễ gì trả lời cho đúng và gọn một vấn đề quan trọng như thế. Nguyễn Huệ cũng quên ngay câu vừa hỏi, quay về phía Phạm văn Hưng ân cần dặn:

- Bây giờ ông về gấp cho gia đình mừng. Khao thưởng số anh em vừa vào Gia định cho xứng đáng. Việc này quan thượng thư bộ Hình sẽ lo. Ông gầy hẳn đi, thế nào bà vợ ở nhà cũng oán ta.

Cả Nguyễn Huệ lẫn Phạm văn Hưng đều cười. Vương tiễn quan Thái bảo đến tận thềm điện Tiêu Dương. Lúc quay vào, Nguyễn Huệ đã thấy Phan Huy Ích chờ đợi từ lâu ở tiền sảnh để được chầu hầu.

[6]

Chỉ còn lại Chính Bình vương, Trần văn Kỷ và Phan Huy Ích trong văn phòng. Trần văn Kỷ thắc mắc không hiểu do đâu quan Tả thị lang xin ra mắt Chính Bình vương mà chưa hỏi gì ông cả. Nguyễn Huệ thì thích thú, nhớ lại câu mình vừa hỏi quan trung thư về các ông nghè Đàng Ngoài. Vương nghĩ: "Sẵn tiện hỏi thẳng xem các ông nghĩ sao trước vận hội mới". Trần văn Kỷ cố giữ thế chủ động, ân cần mời Phan Huy Ích ngồi lên chiếc ghế cẩn xa cừ gần sập ngự, rồi thưa với Nguyễn Huệ:

- Tâu chúa thượng, từ lâu quan Tả thị lang vẫn có ý xin được riêng ra mắt chúa thượng để tạ cái ơn tái tạo...

Nguyễn Huệ gạt phắt cung cách khách sáo của quan trung thư:

- Thôi, ân với huệ cái gì! Chính ta cũng muốn được gặp riêng các ông để nghe những lời nói thẳng thắn, chín chắn, nhìn xa trông rộng. Nhất là những ông nghè Bắc hà am hiểu việc đời như quan thị lang đây.

Phan Huy Ích nhún nhường đáp:

- Vương thượng dạy quá lời. Chúng tôi chỉ vỡ vẽ được vài ba câu kinh truyện, thi phú, làm sao am tường được hết nhân sinh như vương thượng. Giữa sách vở với cuộc thế, khoảng cách thật khôn lường, vì sách vở chỉ ghi những điều con người mơ ước, chứ không phải những gì sẽ xảy ra để ứng phó.

Nguyễn Huệ gật gù, rồi hỏi Phan Huy Ích:

- Xưa nay thiên hạ không phải của riêng một dòng họ. Ở nước ta mệnh trời chuyển từ họ Ngô, Đinh đến Tiền Lê, từ Tiền Lê đến Lý, rồi đến họ Trần. Họ Trần suy vi để cho họ Hồ chuyên quyền, đất nước suy yếu dẫn đến cái họa bị quân Minh xâm lược. Lê Thái Tổ đánh đuổi giặc Minh sáng lập nhà Hậu Lê. Ta không đọc sách được nhiều, nhưng cũng dám lấy bạo đoán già đoán non rằng mỗi lần thay đổi triều đại, không thiếu gì kẻ bắt chước Bá Di Thúc Tề trốn lên núi Thú Dương để khỏi ăn thóc nhà Châu. Trong bọn đó có bậc hiền triết, cũng có bọn ngu xuẩn. Có thời mệnh trời chuyển mà nhân tâm ít động. Có thời dao động dữ dội. Ông đọc sách nhiều, có hiểu vì sao hay không?

Phan Huy Ích suy nghĩ một lúc mới đáp:

- Một vương triều đổ xuống cho một vương triều khác dựng lên, tất nhiên phải gây dao động. Phải có kẻ mất quyền lợi đâm oán hờn và kẻ trở nên phú quý giàu sang nhờ vận hội mới. Điều đó không tránh được. Sự dao động nhiều hay ít là tùy cái được và cái mất mà vương triều mới đã đem đến cho thiên hạ. Sự so sánh này thực khó khăn. Những kẻ càng có học thức bao nhiêu càng dễ lầm lẫn trong việc cân đo được mất.

Nguyễn Huệ thích thú cười to:

- Ông nói hợp ý ta. Đúng lắm. Kinh truyện dễ khiến cho các ngài đâm ngờ mọi sự, đến nỗi các ngài sợ sự thay đổi như người bệnh sợ gió. Cuộc đời đổi thay thì các ngài không còn yên tâm với chữ nghĩa nữa. Cái gì cũng phải đặt lại từ đầu, và tự mình quyết định điều đáng làm và không đáng làm. Các ngài run tay, và khổ sở. Bọn chân đất chúng tôi cư xử đơn giản hơn. Ai đem đến cho chúng tôi cơm ăn áo mặc, cho chúng tôi được hy vọng sẽ sống khá hơn, kẻ đó xứng đáng được tôn vương.

Phan Huy Ích nói:

- Tâu chúa thượng, ở cái buổi giao thời, không bao giờ nhà sáng nghiệp có khả năng đem ngay cơm no áo ấm đến cho thiên hạ. Họ chỉ phá tan được cái ách đè nén thiên hạ, chứ chưa cải thiện ngay được đời sống thiên hạ. Đôi khi do đổi đời mà thiên hạ phải đóng góp sức lực, của cải nhiều hơn cả thời trước, nói trắng ra là khổ hơn thời trước. Nhưng cái mà nhà sáng nghiệp như Lưu Bang đem lại cho thời đại là nguồn hy vọng được sống khá hơn thời bạo Tần. Và vì mới chỉ là một nguồn hy vọng, chưa có gì cụ thể, nên sự so sánh được mất trở nên khó khăn. Đối với hạng người được triều cũ ưu đãi, thì cái mất quá lớn lao, còn cái được thì nhỏ nhoi, bẽ bàng. Quan lại, nhà nho, tôn thất dễ hoang mang dao động hơn bọn con buôn và người lao động là vì vậy.

Nguyễn Huệ liếc về phía Trần văn Kỷ mỉm cười. Trần văn Kỷ hiểu được ngụ ý cái nhìn ấy, hiểu quan thị lang đang bộc bạch tâm sự thầm kín của mình và các quan lại cựu thần nhà Lê. Trần văn Kỷ chen vào hỏi:

- Có lúc nào phần được phần mất chênh lệch rõ ràng đến nỗi ai ai cũng hân hoan chào đón vận hội mới không?

Phan Huy Ích do dự một lúc lâu mới đáp:

- Khó lắm. Ngay cả bọn hôn quân như Kiệt Trụ vẫn còn có bọn bề tôi cố chấp như Bá Di Thúc Tề.

Nguyễn Huệ vui vẻ nói lớn:

- Có chứ. Ông nghè quên mất trường hợp các nhà sáng nghiệp giành đất nước, thiên hạ lại từ tay bọn xâm lăng, như Lê Thái Tổ chẳng hạn. Lúc đó thì sự được mất thật rõ ràng. Mất gì? Mất ách nô lệ, mất cái nhục làm tôi mọi cho ngoại bang. Được gì? Được tất cả. Trời đất, cây cối, nhà cửa, ruộng vườn, cả đến câu ca, lời hát, kiểu áo mặc, kiểu đội khăn, trở thành của ta. Lúc đó cả thiên hạ làm thành một khối sức mạnh vô địch. Ta đã nghiệm ra được điều đó khi cầm quân diệt bọn Xiêm La ở Rạch Gầm, Xoài Mút. Ta nghĩ trong Bắc sử, Nam sử còn nhiều trường hợp chứng minh điều đó.

Trần văn Kỷ và Phan Huy Ích thực sự bị ý tưởng của Nguyễn Huệ thuyết phục, nên từ đó về sau họ lục hết sử sách để tìm bằng chứng sức mạnh của một dân tộc bị ngoại xâm lúc một bậc anh hùng hô hào toàn dân đứng dậy đánh đuổi bọn xâm lược. Họ nói nhiều đến Lê Thái Tổ và Nguyễn Trãi. Đà câu chuyện đưa đẩy, họ quay sang bàn đến sức mạnh của những áng văn như Bình Ngô Đại Cáo. Phan Huy Ích sung sướng tìm được cái lý lẽ đủ nâng cao địa vị nhà nho trong thời loạn, càng nói càng quên được những bực dọc, bẽ bàng trong mấy tháng qua. Ông chỉ bứt rứt khi nhớ lại mục đích buổi chầu này. Làm sao quay trở lại một điều tầm thường vụn vặt như vậy? Phan Huy Ích quyết định chờ dịp khác, và chỉ nên gặp riêng Trần văn Kỷ cũng đủ. Nhờ thế về sau, ông nhớ buổi chiều hôm ấy như một kỷ niệm đẹp nhất của đời ông vì chưa lúc nào ông được hào hứng bênh vực cho tầng lớp nho sĩ, cho văn chương, cho đạo học như vậy!□

Chú Thích:

(1) Theo "nguyên dẫn" của chính Phan Huy Ích trong bài thơ *Phụng Mệnh Nam Hành* (Nam trình tạp vịnh).

Giữa mùa thu (Bính thân 1776), sứ giả Tây Sơn đến trấn Phú Xuân, dâng trình tờ biểu, đồng thời tiến sản vật quý của địa phương để cầu được giao hảo, trong đó có nhiều uẩn khúc khó phân biệt được thực hay giả. Theo chỉ dụ thì phải chọn một quan văn mẫn cán xứng đáng để sai đi cùng các quan địa phương giải quyết vấn đề ở biên giới. Lúc đó thân phụ tôi làm việc ở đồn Động Hải, chính phủ định tuyển vào chức đó. Khi trình lên, Bề Trên đặc biệt đổi tên thân phụ tôi ra tên tôi, lại triệu tôi vào để dặn dò công việc, khi nào xong phải về triều trình bày, lại được tiện đường về thăm phụ thân, như vậy càng thỏa đáng đôi đường. Tôi mới nhận chức thiêm sai hơn một tháng, nhiều lần được gọi vào hầu để chỉ bảo phương

lược, được trên ban cơm, khen thưởng yên ủi đầy đủ, và truyền xuống để cho các trấn cử quan binh lần lượt bảo vệ nghinh tiếp. Ngày 2 bắt đầu ra đi, cả đi lẫn về gần ba tháng có tập thơ Nam trình tạp vịnh.
(Thơ của Phan Huy Ích tập 1. Dụ Am ngâm lục)
(Nhà xb KHXN Hànội 1978) trang 70-71.
Tiếp theo đó, trong nguyên dẫn bài *Đáo Phú Xuân thành*, Phan Huy Ích viết: "Tôi xuất phát từ kinh thành, qua các trấn Sơn Nam, Thanh Hoa, Nghệ An, đến đâu cũng được các trấn giao cho hai viên thuộc tướng đem năm mươi người lính mang theo vũ khí đưa tiễn, lại bắt dân phu ở dọc đường thay nhau gánh hành trang qua các trạm. Đến địa giới Thuận Hóa, quan trấn thủ trước đó đã lấy dân phu ven đường san bằng đường sá, giao cho thuộc tướng đem lính và voi chờ đón. Lính ở cơ Trung bố của đồn Động Hải, lính hai cơ Tả Nhuệ, Trung Kiên ở đồn Cát Doanh đi từ sông Bái Đáp vào. Lính mười cơ của bản đạo chỉnh đốn binh khí đợi để đón rước. Đến ngoài cửa thành Phú Xuân, quan đốc suất đại tướng là Tạo quận công, quan đốc lĩnh phó tướng là Dĩnh quận công, quan đốc thị là Nguyễn Mậu Dĩnh, quan hiệp đồng là Nguyễn Lệnh Tân cùng người cũ vua sai là Phan Trọng Phiên khi ấy đã được chỉ vua gọi về, nhưng lại được lưu lại cùng tôi làm việc. Ông đem theo thuộc tướng là Trân quận công, thuộc sai Cấp sự trung là Phạm Nguyễn Du ra đón vào thành. Lúc đó, tôi được vua ban ba đạo sắc có ấn sẵn và hai đạo lệnh dụ đóng dấu sẵn, cho tôi được quyền tự tiện xử trí. Nhân đó, tôi điền vào sắc lệnh ban xuống phong cho trưởng hiệu Tây Sơn là Nguyễn Nhạc làm lưu thú Quảng Nam, tước Cung quận công. Người được phái đến là Đỗ Phú Tuấn làm hộ bộ lang trung, Nguyễn Mân làm binh bộ viên ngoại lang. Lại viết bài dụ cùng các hạng kiếm vàng, chiêng vàng của vua ban, giao cho các sứ giả đem về. Qua mười ngày thì xong việc. Nhân lúc rỗi đi thăm các cảnh ở Thiên Mụ, Hà Khê, Phủ Cam, Phố Lữ. Mông một tháng Chạp thì từ chỗ đóng quân về triều.
(2) Xem nguyên dẫn bài thơ Giang cư tức sự, Dụ Am ngâm lục, quyển 1, trang 112.
(3) Bài dịch của Ngô Linh Ngọc trong Văn thơ Ngô Thì Nhậm.
(4) Bản dịch bài phú của Phan Kế Bính (Đông Dương tạp chí, bộ mới số 63).
(5) Chỉ Tăng Điểm, học trò Khổng Tử, tính tình phóng khoáng.
(6) Chỉ Nhan Hồi, học trò Khổng Tử, nhà nghèo.
(7) Khổng Tử khen con chim trĩ biết thời: nên bay, nên đậu. Tử Lộ không hiểu, muốn bắt con chim ấy, con chim liền kêu lên ba tiếng rồi bay đi. Đó là chỉ con chim kia còn biết "kiến cơ nhi tác" nữa là người mà lại không biết lẽ nên đi, nên ở sao? (thiên Hương Đảng - Luận Ngữ).
(8) Hồi Oa của Thực Lục. Đó là địa điểm Vàm nao ở Tân châu (chú thích của Tạ Chí Đại Trường, trang 191) trong lịch sử nội chiến ở Việt nam 1771-1802.

NGUYỄN XUÂN HOÀNG

người khách

trích truyện dài **Bụi Và Rác**

●

Quán cà phê là sân của một ngôi biệt thự nằm khuất sau một bờ tường cao trơ trụi. Những chiếc bàn thấp đặt dưới những tàn cây. Cà phê thơm lừng. Thứ thiệt. Bánh "*ba tê sô*" nóng. Chỗ ngồi mát mẻ. Đủ mọi loại người đang trò chuyện bên ly nước đen sánh bốc khói. Một quán cà phê rất Sàigòn trong một Sàigòn đang bị chìm khuất, u ám. Nó có cái vẻ thanh bình của những năm tháng trước Bảy Lăm. Nhưng mọi người đều biết không phải thế. Chỉ cần đặt chân ra khỏi cái cổng sắt rỉ sét kia, người ta sẽ gặp một thế giới khác, in tuồng như cái cổng là rặng núi Pyrénées mà một bên là sai lầm, còn bên kia là chân lý.

Vũ ngồi đối diện tôi. Hai cánh tay anh xếp lại. Một khuôn mặt vuông. Đôi mắt tình cảm. Da mặt xanh. Cái cảm giác lần đầu khi gặp Vũ là tôi đang đối diện với một tâm hồn yếu ớt và lãng mạn. Nhưng dần dần được đọc những bài viết của anh, tiếp xúc với anh, tôi hiểu cái cảm tưởng đầu tiên ấy là sai. Cái bề ngoài của một con người đôi khi chả vẽ lên được bản chất của con người đó chút nào cả. Vũ có một tâm hồn khỏe mạnh, những suy nghĩ sâu sắc và thâm thúy. Các sáng tác thơ, truyện, và nhất là kịch của anh, không những chỉ được bạn bè và người đọc, người xem ở "ngoài đó" ưa thích mà đối với dân Sàigòn, những người nhậy cảm cũng tìm thấy một tâm hồn đồng điệu. Bảy năm sau ngày Sàigòn mất tôi gặp Vũ ở một hàng sách chợ trời đường Bùi thị Nhu. Con đường ấy, hai đầu được chận lại bằng cái rào gỗ đóng tạm. Sách báo trước Bảy Lăm không những chỉ bày trên vỉa hè mà còn tràn ra cả mặt đường. Hôm đó tôi ngồi núp sau hàng sách của Vĩnh, uống cà phê. Vĩnh trước làm ở Đài phát thanh Sàigòn, phụ trách một chương trình ca nhạc. Anh bị tật ở chân nên không phải đi lính. Gia đình Vĩnh vượt biên hết, anh nhất định không đi. "Để coi thử thời thế nó ra sao". Hàng sách của Vĩnh có đủ loại Anh, Việt, Pháp, Tàu, sách, báo, tạp chí... từ những cuốn xưa cũ đến những cuốn mới nhất. Xưa như Nam Phong Tạp Chí, Tản Đà Vận Văn, gần nhất như tạp chí Sáng Tạo, Hiện Đại, Bách Khoa, Trình Bày, Văn...

mới như các tờ Newsweek, Time, Paris Match, L'Express... có hàng tuần do những người dọn dẹp phi cơ trên Tân Sơn Nhất tuồn ra. Những tạp chí này chỉ cần cho người đầu tiên thuê trong vòng một tuần, Vĩnh đã lấy lại vốn. Còn sách cũ khi gặp mối, do những người có giấy xuất cảnh đi ngoại quốc hoặc do những người chuẩn bị vượt biên, anh mua cả tủ sách gia đình của họ, giá rất rẻ. Và sau đó, Vĩnh giữ giá bán lời lên cả mấy chục lần. Vĩnh cũng mua sách "Lê nin toàn tập" xé ra lấy giấy bán kí lô, còn bìa đem bán cho các nhà đóng sách. Tôi quen Vĩnh qua Tâm Khô Khốc Thiền Sư. Tâm là khách hàng của Vĩnh, sau khi đã là bạn của Vĩnh. Một người đọc sách nhiều như Tâm dễ làm khách ngộp thở. Một lần vào chơi nhà bạn, tôi chỉ thấy sách và sách, báo và báo. Ở chỗ nào cũng có sách. Sau Bảy Lăm, khi chợ trời sách bắt đầu xuất hiện, trước tiên là sách Hànội loại hiếm, sau đó là sách Sàigòn, loại đã bị sở Văn hóa Thông tin tịch thu vì gán cho cái nhãn hiệu phản động và đồi trụy, Tâm gặp Vĩnh, và anh trở thành người cung cấp hàng sách đầu tiên cho "ông chủ sạp" sách Vĩnh. Bán hết sách, Tâm đâm ra thèm và nhớ sách. Ngày nào, cũng một lần đi chợ trời sách ngắm nghía những cuốn sách của chính mình bán ra. Lật lại từng trang, sờ từng cái gáy sách. Cuốn nào Vĩnh bán được cũng làm Tâm đau xót. Có lúc Tâm đề nghị mua lại những cuốn mình đã bán. "Để làm chi? Mày bán rồi mà!" Vĩnh hỏi. "Chẳng để làm chi hết!" Có lần, tình cờ ra thăm Vĩnh, Tâm thấy một người khách đang săm soi cuốn *L'Être et le Néant* của Jean Paul Sartre, Tâm trả giá cao hơn người khách và lấy lại cuốn sách mà ngay trang đầu có chữ ký của anh kèm theo con số ghi rõ ngày tháng mua.

Từ chiếc ghế thấp sau sạp sách, vừa nhấp cà phê vừa nhìn những người qua lại mua bán sách, tôi chợt thấy một người đàn ông tròn và hơi thấp, mang dép da, mặc quần jean xanh, đang cúi xuống cuốn *Bếp Lửa* của Thanh Tâm Tuyền. Một lúc sau anh ta cầm lên lật từng trang đọc rất nhanh.

"Tôi muốn mua cuốn này". Người đàn ông nói, mặt hướng về phía tôi. Có lẽ anh ta nghĩ tôi là chủ sạp.

Tôi thấy một khuôn mặt vuông vức, cằm bạnh, nước da tái, hai con mắt buồn rầu, giọng nói rõ ràng không phải là dân Sàigòn.

"Vĩnh, có người mua sách!"

Tôi đặt ly cà phê xuống dưới đất. Vĩnh bước ra, liếc mắt nhìn tựa đề

cuốn sách và chỉ thoáng liếc thấy mắt của người khách, Vĩnh nói một cái giá mà tôi vừa nghe đã đỏ lỗ tai. Chỉ mấy năm làm nghề bán sách chợ trời Vĩnh khám phá ra cái giá của một cuốn sách tùy thuộc vào con mắt của người khách. "Khi người ta đã kết cuốn sách rồi thì bất cứ giá nào họ cũng mua". Đó cũng là bí quyết của Vĩnh.

Người khách nói:

"Đắt quá! Tôi tưởng giá vừa phải thì tôi lấy quyển này!"

"Ông muốn bao nhiêu?" Vĩnh hỏi lại, rõ ràng là sẵn sàng hạ giá.

"Tôi chỉ còn có hai chục thôi".

"Không được đâu ông. Giá chót là một trăm". Vĩnh nói chắc như đinh đóng cột.

Người khách đặt cuốn sách trở lại chỗ cũ.

"Tiếc quá. Tôi không đủ tiền". Anh ta vừa nói vừa bỏ đi.

"Thôi, để tôi bớt một tiếng chót. Tám chục". Vĩnh lại ra giá.

Anh ta lắc đầu, khuôn mặt vuông tái lại, nụ cười buồn. Bỏ đi.

"Cám ơn. Để chừng nào mượn đủ tiền tôi sẽ quay lại".

Hôm đó tôi có tiền, không nhiều, một số tiền tàm tạm nhờ bán bộ đồ vía sau cùng, kèm theo hai lố khăn mù soa Quỳnh đã mua tặng sinh nhật tôi năm Bảy Tư.

Tôi đứng dậy nói với Vĩnh:

"Ông để tôi mua cuốn đó".

Và thật nhanh, tôi chộp cuốn *Bếp Lửa* chạy theo người đàn ông.

"Sách ông đây! Người ta chịu bán giá hai chục rồi!"

Người đàn ông nhìn thẳng vào mặt tôi, thoáng một cái tôi có cảm tưởng như anh ta biết là tôi nói dối.

"Đây, sách của ông đây!" Tôi dúi cuốn sách vào tay anh ta.

Đúng như tôi nhận thấy cái thoáng mắt ấy, sau này Vũ nhắc lại chuyện cũ hỏi tôi "Sao anh tặng sách cho tôi, khi mà mình chưa quen nhau?"

"Không biết. Lúc đó tôi nghĩ là tôi thích anh vì anh cũng thích cuốn sách mà tôi thích".

Bẵng đi một thời gian khá lâu, tôi gặp lại người khách mua sách tại một quán cà phê với Tâm Khô Khốc Thiền Sư.

"Đây là anh Vũ. Lâm Quốc Vũ. Nhà viết kịch. Và đây là Thăng, bạn tôi".

Tôi bắt tay Vũ nhớ ra lần gặp gỡ ở sạp sách của Vĩnh. Vũ cũng vậy, anh nhìn ra tôi ngay.

"Quen nhau rồi à?" Tâm hơi ngạc nhiên.

"Không. Chỉ mới biết nhau thôi". Vũ nói, "Nhưng cũng nhờ ông Thăng này mà tôi biết ông Tâm".

"Tại sao?" Lần này tôi ngạc nhiên.

"Bởi vì, tôi đọc cuốn *Bếp Lửa*, in lần thứ hai có lời tựa của ông Tâm này. Nhờ đó mà tôi quen. Chẳng phải sao?"

"Trời ơi! Sao mà rắc rối!" Tôi đập tay lên trán.

Và như thế chúng tôi quen nhau.

Vũ nói: "Tôi sắp về Hànội. Người ta đang dựng một vở kịch mới của tôi. Tôi không biết vở này có được trình diễn không. Dù sao...".

Vũ không nói hết câu. Vở trước bị cấm sau khi diễn phúc khảo, chỉ vì Vũ đã để cho một nhân vật câu cá ở Hồ Tây khi bị công an bắt đã nói rằng: "Ông bắt được tôi chỉ vì tôi ngủ gục chứ nếu tôi *tỉnh táo* thì...".

Vũ không phải gốc người Hànội, nhưng cung cách của anh rất là Hànội xưa. Điềm đạm, từ tốn. Người ta nói quê anh ở Đà nẵng theo cha tập kết ra Hànội. Tại đây anh đi học rồi đi bộ đội. Đào ngũ khi theo "quân giải phóng" đánh trận Hạ Lào. Trở lại Hànội, Vũ sống lêu bêu không "hộ khẩu". Người vợ trước của Vũ là một nữ diễn viên điện ảnh, sống ngay với một người khác khi anh vừa đi bộ đội. Trong thời gian sống chui rúc, Vũ làm thơ viết văn. Sau khi tập thơ đầu tay ra đời, in chung với một người bạn khác, Vũ bắt đầu viết kịch. Trong tình hình sân khấu thiếu kịch bản, hai vở kịch của Vũ gửi đến tạp chí Sân Khấu trở thành bùa hộ mệnh của anh. Hội Nghệ thuật Sân khấu bắt được một tay có cỡ đi theo ngành này, nên đứng ra che chở anh, cho anh một chỗ ở tạm tại cơ quan tờ báo. Thế nhưng trong hai năm trời, Vũ sáng tác sáu vở, và gần như vở nào cũng có vấn đề đối với Đảng và nhà nước.

"Hôm qua tôi vừa đi họp một hội nghị về sân khấu". Vũ uống một hớp cà phê, "Người ta nói tự do sáng tác là điều kiện sống còn để tạo nên giá trị đích thực trong văn hóa văn nghệ, để phát triển tài năng. Tôi có nêu trường hợp mấy vở kịch của tôi bị kiểm duyệt quá kỹ, cắt xén nhiều đối thoại, thậm chí đổi cả tính cách của nhân vật. Và tệ nhất là sau cùng còn cấm không cho trình diễn nữa".

"Như vậy theo anh có tự do trong nghệ thuật dưới chế độ xã hội chủ nghĩa hay không?"

Vũ ngồi im không trả lời. Hai con mắt anh nhắm lại. Hai bàn tay mở ra. Anh ngó chăm vào những đường chỉ tay như săm soi tìm kiếm điều gì đó. Tôi đốt thuốc. Thuốc *Vàm Cỏ* khét nghẹt. Tôi nhớ in hình như vang vọng đâu đây bài hát đang ăn khách *Vàm Cỏ Đông, Vàm Cỏ Tây:*

Ở tận sông Hồng em có biết
Quê hương anh cũng có dòng sông

Mẹ, quê hương ai mà chả có dòng sông.

Rồi tôi nhớ tới cái anh chàng bộ đội làm thơ mà tôi đã gặp trong một quán cà phê trước ngày tôi ngồi tù. Cũng Tây, cũng Đông. Mà không phải *Vàm Cỏ*. Chỉ là *Trường Sơn*. Anh ta nói anh ta mê tiếng hát Khánh Ly. Khi mới đặt chân tới Sàigòn, trong cái ngổn ngang của một thành phố bị chiếm đóng, trên vai vẫn còn mang ba lô anh ta đi hỏi thăm Khánh Ly và khi biết người nữ ca sĩ mà mình ưa thích đã bỏ đi, anh ta làm một bài thơ. Câu duy nhất mà tôi còn nhớ trong bài thơ đó là: Đã *Khánh* tận đâu mà em *Ly* biệt. Anh ta đã kể lại như vậy và chỉ vài năm sau, anh thấy câu thơ của mình sai. Đã *Khánh* tận rồi nên em biệt *Ly*...

Anh ta đọc cho tôi nghe hai câu thơ của anh đã làm anh khổ sở:

Khói bom lên trời thành một vòng đen
Trên mặt đất hiện bao nhiêu vòng trắng

Cái thằng cha này coi bộ vậy mà hay. Mình đã lếch thếch kể từ khi *cách mạng* vô, nó là *cách mạng thứ thiệt* còn lếch thếch hơn mình.

"Này!" Vũ đập tay lên tay tôi "Có lẽ tôi phải đi". Anh vẫn chưa trả lời câu hỏi tôi.

"Ngồi lại một tí nữa thôi. Tôi cũng sắp đi mà!"

"Còn anh, anh nghĩ sao?"

"Nghĩ cái gì?"

"Cái mà anh gọi là tự do...".

"Theo tôi", tôi nhìn người khách bạn, nói "chắc chắn là không có chuyện tự do dưới chế độ này. Tôi chỉ thấy bích chương tuyên truyền chứ không có họa phẩm. Chỉ có những cuốn sách tuyên truyền chứ đâu có tác phẩm văn học...".

"Theo tôi", Vũ nói, "cái chính không phải điều anh vừa nói. Ghê tởm

là sự giả dối. Hôm trước ông Tổng bí thư tuyên bố *cởi trói* văn nghệ sĩ, kêu gọi văn nghệ sĩ phải nói lên sự thật, dù là sự thật phũ phàng. Ông ta nói "dù thế nào *các đồng chí* cũng không nên bẻ cong ngòi bút của mình. Ấy vậy mà hôm sau, vở kịch tôi bị cấm trình diễn. Lý do nêu ra hết sức đơn giản: chống lại dân tộc, chống lại chủ nghĩa xã hội, phá hoại hòa bình, phá hoại nhân phẩm".

"Nhưng tôi thấy kịch anh vẫn có vở được trình diễn mà!"

"Ừ, thì cũng có vở được trình diễn chứ. Nhưng mà, anh không thấy sao, một tình trạng độc đoán và tư tưởng như vậy, văn học nghệ thuật chỉ có khô kiệt, chứ làm sao mà nẩy nở được..." Trầm ngâm một lúc, Vũ tiếp "Ôi, chỉ cần một người suy nghĩ giùm cho mọi người, một cái đầu tối cao suy nghĩ cho mọi cái đầu khác, cũng đủ rồi!"

"Tôi muốn hỏi anh một câu...".

Vũ đặt ly cà phê xuống bàn, ngó vào mắt tôi, chờ đợi.

"Có bao giờ anh nghĩ tới chuyện vượt biên chưa?"

"Tôi có một số bạn quen đã vượt biên. Tôi không nghĩ gì đến chuyện đó. Tôi chọn ở lại đất nước này. Có người thân rủ tôi đi đường bộ qua cửa hữu nghị quan vào đất Trung quốc. Tôi thấy mình không có lý gì để vượt biên. Còn anh thì sao?"

"Có phải anh muốn lên án những người vượt biên không?"

"Không. Hoàn toàn không! Tôi tin tưởng rằng những người bỏ nước ra đi đều có lý lẽ riêng của họ. Cũng như tôi, tôi tự hiểu tại sao tôi không bao giờ nghĩ đến chuyện ra đi".

"Tôi thì trái lại, tôi luôn luôn nghĩ đến chuyện phải ra đi. Vợ con tôi đã đi. Bạn bè tôi kẻ trong tù, kẻ đã chết, kẻ đã đi. Người ta không đi tìm một tình bạn khi đã quá cái tuổi bốn mươi".

Vũ không tiếp lời tôi. Anh cúi xuống ly cà phê như đang soi tìm điều chi trong đáy cốc nước đen sánh.

"Cũng chẳng ai đi lính, học nghề, theo cách mạng... ở cái tuổi *nhi bất hoặc* này".

Vũ ngước lên, hai con mắt buồn rầu của anh ngó chăm vào mắt tôi.

"Tôi vừa mới qua cái tuổi ba mươi. Tôi đoán chừng tôi thua anh đến dăm ba tuổi. Cũng như anh, tôi đã hai lần lập gia đình. Nhưng vào trong Nam này tôi mới biết tôi đang có trong tay quá nhiều cái đáng xem, đáng

nghe, đáng nói và đáng viết. Nhưng xem vậy mà chả biết thế nào là đủ thời gian cho một người cầm bút".

Tôi có kể cho Vũ nghe về tôi. Hai lần lập gia đình của đời tôi là hai lần thất bại. Người đàn bà đầu tiên đã đến với tôi bằng tình yêu và chia tay tôi trong thù hận. Những đứa con chung của chúng tôi trở thành cái thùng đựng những lời nguyền rủa của bà mẹ căm ghét người cha của chúng. Tôi không hiểu tại sao. Tôi tìm kiếm cho người đàn bà ấy lý do để căm thù tôi và tôi thấy có quá nhiều lý do để tôi khinh bỉ bà ta. Để tỏ ra mình cao thượng, tôi cố thấy mình có lỗi. Người ta không thể buộc tội một người cha quá yêu con, người ta cũng không thể lên án một người đàn ông lúc nào cũng chăm sóc gia đình nhà cửa. Người ta càng không thể trách cứ một người chồng không hề biết ghen là gì. Tôi không nhìn thấy ra một tội rất lớn đó là sự không biết làm ra tiền rằng tôi có trong một xã hội mà đồng tiền là thước đo của mọi giá trị. Mãi về sau này, khi tôi đã mất thêm người đàn bà thứ hai - cứ cho việc Quỳnh bỏ đi vượt biên như là một hình thức chạy trốn tôi - tôi còn nghiệm ra rằng thật ra tôi là một thứ người không biết yêu. Trong trái tim tôi, mọi thứ đều nhòa nhạt như thể tất cả đều chìm dưới một làn mưa. Cái nhìn của tôi bao giờ cũng phải lọc qua một tấm kính đục mờ. Tôi không yêu nổi chính con người tôi, tôi còn có thể yêu nổi được ai. Và như vậy nếu không ai yêu tôi, không yêu nổi tôi, điều đó cũng chẳng có chi là lạ. Những biến cố chính trị và thời sự có tác động đến nếp sinh hoạt tôi, nhưng hình như vẫn không làm thay đổi con người tôi: Tôi dửng dưng với tôi. Tôi nhàm chán tôi. Ngay cả trong tình bạn tôi cũng thiếu luôn cái nồng nhiệt và tận tụy. Tôi yêu một người bạn, không có nghĩa là tôi cứ phải gặp gỡ anh ta, cứ phải bênh vực những điều anh ta suy nghĩ, làm hay nói ra. Tôi yêu một người bạn có nghĩa là tôi giữ lòng quý trọng bạn, ngay cả trong khi tôi chống bạn. Tôi có đúng chăng, tôi không biết. Bạn bè tôi đã đi tản mạn. Người duy nhất tôi còn gặp là Tâm. Một con người còm cõi, đen đúa. Hai con mắt sâu hoắm trên một khuôn mặt nhô xương. Một dáng tất bật. Một nụ cười rất buồn. Những ngón tay vàng khói thuốc...

Chính Vũ tìm đến Tâm và nói cho anh biết là Vũ thán phục bài viết của anh. Và Tâm cũng nhận ra rằng anh đang đối diện với một tài năng. Vũ kể người vợ trước của anh là một diễn viên điện ảnh. "Cô ta đẹp lồ

lộ và yêu tinh lắm". Họ có với nhau một đứa con trước ngày Vũ đi bộ đội. Khi được lệnh theo quân đi chiến dịch Hạ Lào, Vũ đào ngũ. "Không, người ta sinh ra không phải để chém giết nhau", Vũ luôn luôn nghĩ như vậy. Anh sống chui rúc từ nhà người bạn này đến nhà người quen khác. Những căn "hộ" vốn chật hẹp, không tới chín thước vuông mà chứa đến bốn năm con người, chỗ nằm cũng là phòng khách, là bàn viết, là bếp núc, là thứ gì cũng được. Sau cùng Vũ chui vào hội Nghệ thuật Sân khấu. Anh viết một kịch bản. Tác phẩm như một tấm giấy tùy thân, như cái nón che đầu. Vũ tìm được một chỗ để thở là một góc trong căn phòng làm việc của Hội để đêm đêm có chỗ trải chiếc chiếu, giăng cái màn. Người đàn bà thứ hai Vũ yêu và rất yêu anh là một phụ nữ bình thường. Chị mồ côi từ lúc còn rất bé. Chị sống gian khổ và lập gia đình với một đảng viên cao cấp. Đó là một người chồng giả dối. Y húc vào đời chị như một con heo húc mõm vào chậu cám. Y nói chuyện đạo lý trong khi y đi đến đâu để con rơi con rớt đến đấy. Y luôn mồm đăng đàn diễn thuyết nói về người phụ nữ đã được giải phóng, trong khi chính chị là nạn nhân của những hành vi thô bỉ của y. Y sống trong một căn nhà khá rộng so với nhiều cán bộ đảng viên ở Hànội. Y hưởng chế độ đặc biệt: mua bán ở những quầy hàng đặc biệt với hàng hóa thực phẩm có phẩm chất cao với giá rẻ. Và chị chỉ là con vật phục vụ cho hắn từ nhà bếp đến cái giường. Chị làm quen với Vũ khi lần đầu tiên xem kịch anh ở Nhà Hát Lớn. Chị là một phụ nữ đặc biệt. Chị thấm thía những lời nói và suy nghĩ của nhân vật trong kịch của Vũ. Chị nói anh nghe những điều chị nghĩ về kịch của anh. Và họ yêu nhau. Người chồng đảng viên cao cấp của chị biết. Y đưa nội vụ ra "tổ chức". Vũ bị công an "hỏi thăm". Chị tiếp tục bị y hành hạ. Y nhốt chị trong nhà như người ta nhốt một con chó. Các vở kịch của Vũ bị soi mói từng dòng, từng chữ. Các nhân vật của Vũ bị giải thích là ám chỉ "các đồng chí lãnh đạo kính mến", phỉ báng lãnh tụ, coi thường những thành quả to lớn của cách mạng, đi chệch hướng, tư tưởng lệch lạc, văn chương theo "chủ nghĩa hiện đại"...

Nhưng tình yêu họ mạnh hơn mọi sự áp chế. Hai người được bạn bè Vũ bao che, gỡ bỏ dần những sợi dây trói buộc họ về mặt chính trị. Họ sống với nhau như thể hai người trẻ tuổi lần đầu tiên gặp nhau và yêu nhau.

"Vả lại", trầm ngâm một lúc lâu, Vũ tiếp "cũng như anh, tôi không thể nào đi học một cái nghề vào cái tuổi đã không còn trẻ nữa. Ngay như ở đây, tại Sàigòn này, mà tôi còn thấy mình sống còn khó huống gì là đến một nước Tây phương... Nhưng mà, anh Thăng này, tôi có điều muốn hỏi anh...".

Vũ ngập ngừng, lấy cái thìa ra khỏi ly cà phê, đặt xuống thành dĩa:

"Anh nghĩ gì về tôi khi anh rủ tôi vượt biên? Anh không sợ sao?"

"Anh có nghĩ rằng anh là người đáng cho tôi sợ vì anh có can đảm bán đứng một người bạn không?

Vũ không trả lời tôi. Anh bưng ly cà phê lên chiêu một ngụm.

"Không khí ở đây êm đềm quá nhỉ?"

"Nhưng mà ở ngoài kia, anh có biết mỗi căn nhà của bốn triệu dân thành phố này đang có bao nhiêu là sóng gió. Cả cái miền Nam này biết bao nhiêu là tủi nhục xót xa, chia lìa và chết chóc".

"Anh đừng quên cả miền Bắc từ năm Năm Mươi Tư mười mấy triệu con người cũng đã sống như thế. Sống như thế gần ba chục năm trời rồi. Và không biết còn đến bao lâu nữa...".

"Như vậy theo anh, chọn ở lại phải chăng là để chịu đựng một đời sống như trong một trại súc vật chăng?"

"Tôi không nghĩ vậy. Chọn ở lại là cùng với bao nhiêu con người khác làm cho cái đất nước này không phải là một trại súc vật".

"Liệu có ai làm nổi chuyện này không?"

"Liệu còn có con người nào chịu suy nghĩ và muốn làm điều đó không?"

Tôi nhìn Vũ. Đôi môi anh đỏ, hai con mắt anh lấp lánh cái màu xanh trong. Cái vẻ thư sinh của anh đã đánh lừa tôi. Vũ là một con người dũng cảm.

"Có lẽ tôi phải đi". Tôi nói với Vũ, sau khi đặt tiền lên mặt bàn.

"Bao giờ anh lên đường?" Vũ nhìn thẳng vào mắt tôi, "tôi hỏi câu này không tế nhị, nhưng tôi muốn từ giã anh... không biết lần sau tôi vào Sàigòn tôi còn có dịp nào gặp lại anh nữa không?"

"Chưa. Tôi không đủ phương tiện để đi. Nhưng nếu gặp cơ hội, chắc tôi sẽ không chần chờ đâu".

"Chúc anh Thăng may mắn!" Vũ đứng dậy bắt tay tôi.

"Còn anh, anh muốn tôi chúc điều gì?"

"Chúc cho tôi có thì giờ và không ngồi tù".

"Xin chúc cho anh như vậy đi!"

Tôi đứng dậy, bắt tay Vũ.

"Anh có muốn tôi đưa anh về không?"

"Cám ơn, tôi có xe!"

Tôi nhìn theo Vũ đẩy xe ra cổng. Hai tay giữ ghi đông, chân trái đặt trên pê đan, anh nhấp nhấp lấy đà và vòng chân phải qua bánh sau. Vũ đạp xe về phía ngã tư Duy Tân.

Tôi không biết rằng đó là lần cuối cùng tôi gặp anh□

HUỲNH LIỄU NGẠN

phương trời

●

quê nhà mưa bụi rơi trên tóc
chiều nghiêng vai nặng gánh sầu đi
chợ sớm em qua ngồi ngáp đợi
người đi người ở buồn chia ly

lâu quá không còn gì để nhớ
thôi thì cũng muộn để thương nhau
chiều ai nhóm lửa ngoài hiên chái
khói cay mắt lệ buổi cơ cầu

hẳn là em đợi mấy năm nay
nhưng thôi đời đã chết tháng ngày
phương em mây xám về giăng ngõ
phương anh mây xám về trùng vây

MAI KIM NGỌC

trốn về dĩ vãng

trích truyện dài **Thuyền Nhân**

●

– Anh ghé lại nhà em ăn trưa nhé.

– Sợ phiền cô không? Vừa đưa học trò đi chơi về, lại còn phải lo đãi khách.

– Đồ ăn có người nấu mà, em đâu có phải vào bếp. Về nhà em ăn đi.

Anh ngần ngại, cô nài nỉ.

Cô nói:

– Anh ăn ở đâu chả là ăn. Em đã hẹn với thầy em và anh chị cả là thế nào cũng mời anh về ăn trưa mà.

– Thôi cô để cho khi khác.

– Hay tại anh chê nhà chúng em nghèo.

*

Mẩu đối thoại vang lại trong tai Bách, ngộ nghĩnh dễ thương. Câu chuyện mời mọc như vọng về từ một nơi khác, từ một thời điểm khác, thanh bình lắm. Như một chương tiểu thuyết lãng mạn thời tiền chiến, khi cuộc sống có thể đạm bạc nhưng dễ dàng thân ái.

Anh biết mình đang ở trại cấm, và mới sáng nay, đồng bào anh đang còn bị nhốt trong phòng, còn chen chúc áp mặt vào những chấn song sắt để nhìn ra ngoài... Nhưng anh không ngăn cản nổi ảo ảnh của một phố chợ làng quê ngoài Bắc thời xưa. Thật là vô lý...

Nhiều người đã ăn xong, mang bát đĩa ra khu nhà vệ sinh rửa. Con nít đã tan học tụm năm tụm ba trong các hẻm giữa mấy căn nhà. Một thanh niên đứng tựa góc tường, nghêu ngao hát:

Quê nhà tôi chiều khi nắng êm đềm
Chạy dài bên khóm tre
Đàn chim rủ rỉ ca
Bao người ra ngồi hay đứng bên thềm
Đợi chồng con mắt trông về phía trời xa...

Anh đứng lại nghe. Cô Ngọc cũng dừng lại. Cô nói ở nhà bây giờ văn nghệ tiền chiến phổ thông lắm... Nhạc cũ, truyện cũ, thơ cũ đều được tái bản. Ai cũng thuộc *Thiên Thai* của Văn Cao, ai cũng đọc *Nhà Nghèo* của Tô Hoài, ai cũng ngâm *Đôi Mắt Người Sơn Tây* của Quang Dũng...

Người thanh niên tiếp tục hát:

Sáo diều êm là khúc lòng ta
Lúa vàng reo, ngàn muôn sóng nhấp nhô
Ôi chiều quê, chiều tha thiết êm đềm...

Anh thanh niên đã hát xong. Thấy Bách và cô Ngọc đang lắng nghe, anh ta bẽn lẽn nhìn hai người rồi bỏ đi.

*

Bài hát phổ thông ngoài Bắc ba bốn thập niên trước, nhiều chỗ sai lời sai điệu, chắc ngay tại quê nhà đã lạc lõng với thực cảnh từ lâu. Nhưng ở đây, nó đã đánh lừa được Bách.

Nó nhắc cho anh làng cũ thời tiền chiến, mỗi khi nghỉ hè được về quê chơi. Thuở ấy, sáng sáng cậu học sinh tiểu học thường dậy sớm, sách khẩu súng hơi ép đi bắn chim, lang thang khắp thôn. Buổi trưa có khi anh nằm nghỉ bên đống rơm ngoài miếu, hay dưới hàng cây sắn bờ ao nhà ai, lấy truyện ra đọc... gió mát hiu hiu, ngủ quên lúc nào không hay.

Thỉnh thoảng mấy người tá điền ra mời anh vào nhà ăn trưa, có khi củ khoai luộc hay khúc sắn hấp, có khi bát canh cua đồng... anh cũng đôi lần tặng họ con cò bợ, hay con cu gáy mới bắn được. Có khi anh biếu họ mấy đồng bạc lẻ mẹ cho để ra chợ huyện ăn quà. Và cả chủ lẫn khách đều giấu nhẹm với cha mẹ Bách những lần anh đi ăn chực hàng xóm như vậy.

Nhưng biết hoàn cảnh cô Ngọc, anh quyết định từ chối. Anh nói:

– Cô để cho bữa khác. Sáng nay không dặn chị Băng, sợ chị không biết tôi bị lạc đi đâu.

– Anh yên chí. Chị Băng cần gặp ai, chỉ một phút là chị tìm ra.

Rồi không cho Bách có dịp trả lời, cô đon đả:

– Nhà em đây rồi, mình vào đi anh. Anh mà từ chối thì chúng em tủi thân lắm.

Để cho Bách không thể nào còn thoái thác được, cô nói thêm:

– Anh chị cả em mong được gặp anh để hỏi về đời sống bên ngoài.

Thế là Bách chịu thua. Cô Ngọc này lanh thật. Vừa lúc nãy còn khóc, mà bây giờ cô đã trang điểm xong xuôi, mặt mày tươi tỉnh. Chỉ có mười phút anh bận làm thủ tục trả học sinh lại cho A Xòe, mà cô đã ghé về nhà rửa mặt, đã trang điểm xong, đã dặn gia đình có khách ăn cơm, và trở lại mời Bách. Tất cả hoàn thành trong một thời gian kỷ lục.

*

Bách theo chân cô bước vào nhà giam. Cái ảo ảnh thanh bình tiền chiến đã tan biến. Cổng sắt đã kéo lên từ sáng, và bên trong, căn nhà rộng không cửa sổ sâu thăm thẳm như một nhà kho.

Còn quáng nắng, anh chỉ thấy tối om... Nhưng anh đã ngửi thấy mùi chật chội, mùi người, mùi mồ hôi, và mùi đồ ăn.

Vài giây sau, quen với bóng dâm, Bách bắt đầu nhìn rõ hơn. Nhà giam lố nhố người. Phần đông trông lành lặn và đủ dinh dưỡng. Họ mặc kiểu Hồng kông, phổ thông là đồ jean, thỉnh thoảng mới thấy một bà trung niên xuềnh xoàng với quần đen áo cánh.

Họ ngồi trên xập nói chuyện với nhau, hay may vá. Có người đọc báo, có dám đánh cờ.

Nhưng nhiều người chỉ nằm nhìn trần. Bách chú ý đến một người đàn ông trung niên nằm ngay gần cửa. Anh ta nằm ngửa, hai tay lót dưới đầu làm gối, điệu bộ thờ ơ buông suôi. Ánh mặt trời trưa chiếu vào, cắt xéo khuôn mặt gầy, một mắt trong dâm một mắt ngoài nắng.

Người đàn ông nằm như vậy chắc đã lâu. Anh ta nằm tự nhiên, lộ liễu trước mọi người, không ngượng ngùng, không khó chịu. Anh nằm bất động.

Bách rùng mình. Trong con mắt người thuyền nhân phơi ra ngoài nắng, Bách chỉ thấy xa vắng và trống không.

*

Cô Ngọc tiếp tục dẫn anh đi sâu vào căn nhà giam. Không biết cô ở khu nào. Bách thấy bốn năm thùng rác lớn bằng nhựa loại kỹ nghệ, dầy dặn chắc chắn đặt giữa lối đi. Bách ghé nhìn. Một thùng đựng cơm trắng, một thùng đựng canh, một thùng đựng thịt heo thái to miếng, kho với trứng luộc bóc trần vỏ. Thùng cuối cùng đựng nước trà. Thùng nào cũng còn thừa từ một phần ba đến một phần tư. Không thấy ai xúm xít quanh mấy thùng thực phẩm, Bách đoán mọi người đã ăn xong. Anh hỏi sao

không thấy món cánh gà, cô Ngọc trả lời là món này dọn vào ngày thứ hai. Hôm nay thứ bảy, nhà bếp cho ăn thịt lợn kho.

Sau cùng, cô Ngọc dừng lại trước một "hộ", hay đúng ra khoảng phản gỗ, giống hệt một khoảng phản gỗ khác bên cạnh, bài trí tựa như một xập hàng ở chợ. Hộ rộng chừng hai chiếc chiếu, mặt tiền mở ra lối đi, hai bên căng bạt xám để phân chia với láng giềng, và phía cuối treo tấm màn vải hoa cũ phủ hờ lên mấy chiếc bị da giả và túi ny lông.

Cô nói:

– Nhà em đây.

Có cặp vợ chồng đang ngồi trên xập nhìn anh mỉm cười. Xã giao anh nói:

– Chào anh chị, cô Ngọc có nói chuyện về anh chị nhiều lắm.

Mấy người trên xạp ngơ ngác. Cô Ngọc vội cắt nghĩa:

– Nhà em trên tầng hai cơ. Anh Bách, đây là anh chị Tiên hàng xóm em. Chúng em ở trên kia kìa.

Bách chợt nghĩ ra là nhà giam có ba từng phản. Anh ngửng lên thấy một người đàn ông cỡ trung niên ngồi phía ngoài, đang tươi cười với anh. Người đàn ông tự giới thiệu:

– Tôi là Tuyên, anh cái Ngọc.

Và quay sang ông cụ già đang ngồi đối diện anh, Tuyên nói:

– Bẩm thầy, đây là anh Bách.

Bách lễ phép:

– Bác ạ.

Ông cụ nói:

– Anh Bách đấy à. Lên đây, lên đây dùng bữa với chúng tôi. Nghe cái Ngọc nói chuyện anh cả mấy hôm nay...

Bách nhìn cụ già. Giọng cụ sang sảng, quắc thước. Tóc cụ đã bạc phơ nhưng nét mặt còn tinh anh tráng kiện. Cụ mặc chiếc áo lót ngắn tay để lộ những bắp thịt gân guốc, và nước da nắng gió đã thuộc thành một màu nâu gụ.

Cụ vồn vã:

– Lên đây, anh Bách lên đây.

Cụ vừa nói vừa đưa bàn tay ra, và Bách vội vã bắt lấy. Nhưng bắt tay rồi mà cụ vẫn chưa buông Bách ra. Trong một giây, Bách chợt hiểu. Cụ

chìa tay với ý định giúp anh trèo lên từng phản hai. Hơi trễn, anh vội chữa:

– Bác mặc con, con leo lên một mình cũng được.

Cụ thả tay Bách. Phản cao đến gần cổ, lại không có thang. Chỉ có một cách là đánh đu lên. Lâu lắm, Bách đã không tập thể dục môn nhảy ngựa gỗ. Anh đã thấy mối nguy hiểm là nếu lỡ trớn, chân anh sẽ mất đà và ngã vào những người đang ngồi phản dưới. Cô Ngọc đứng nhìn, tủm tỉm cười ra dáng thú vị.

Cô đề nghị:

– Anh cứ đu lên rồi em đẩy anh.

Nghe giọng cô nghiêm túc, Bách sợ cô sẽ làm thật. Tự ái, anh thu hết sức lực, vừa nhún chân xuống sàn, vừa dùng mặt phản làm điểm tựa, anh thót lên. Anh Tuyên vừa nhích vào trong dành chỗ cho Bách, cô Ngọc đã nhẹ nhàng lên theo.

Cô khen Bách:

– Anh leo phản hay quá. Đủ tư cách làm thuyền nhân với tụi em rồi.

Bách vừa yên vị, anh Tuyên lại giới thiệu:

– Còn đây là Huyền, nhà tôi.

Bách chào người đàn bà trẻ ngồi trong góc:

– Thưa chị.

Chị Huyền đáp lại mấy câu xã giao.

*

Bách theo mọi người ngồi xếp chân xung quanh mâm cơm còn nguyên vẹn. Chị Huyền mở vung mấy đĩa đồ ăn. Chị vừa xới cơm, vừa nói:

– Bát đĩa cọc cạch, cái thì mấy người đổi trại họ cho, cái thì cô Ngọc nhờ chị Băng mua ngoài, thật chẳng đâu vào đâu cả, anh đừng cười...

– Dạ không dám...

Bách thấy chiếc bát bằng nhôm mới nguyên của mình thật sang trọng, so với mấy chiếc bát nhựa đã xỉn dành cho người nhà. Bách lại được chị ưu đãi cho thêm chiếc muỗng sắt, ngoài đôi đũa nhựa đã cong đầu như mọi người.

Anh Tuyên gọi:

– Ngọc ơi, ra ăn em.

Cô Ngọc vén tấm màn từ phía sát tường chui ra, tay cầm chiếc đĩa nhỏ đựng cái khăn mặt mới, cuốn gọn như chiếc chả giò, nước sôi còn bốc khói.

Cô nói:

– Khoan đã anh Tuyên. Để cho anh Bách lau tay cái đã. Anh ấy mới đi về còn bụi bậm lắm.

Bách đón chiếc khăn. Nước nóng áp lên mặt làm anh khoan khoái. Anh hỏi cô Ngọc lấy nước sôi ở đâu. Cô bảo trong bình thủy. Cô nói chơi là thuyền nhân mà khách đến nhà cũng sang lắm chứ.

Chị Huyền đã xới cơm cho mọi người xong. Tiếp đồ ăn cho anh, chị nói:

– Ở đây ăn uống dồi dào lắm. Bữa nào cũng có thịt cá. Chỉ phải tội họ không biết nấu thôi, anh Bách ạ.

Ông cụ bỗng góp chuyện:

– Chắc đây là lần đầu tiên anh Bách được ăn cơm tù phải không?

Chữ cơm tù làm Bách lúng túng. Anh lảng sang chuyện khác, hỏi thăm sức khỏe cụ:

– Bác còn mạnh lắm. Năm nay bác được bao nhiêu ạ.

– Cám ơn anh, tôi sáu mươi tám rồi đấy. Tuổi giấy tờ thì bảy mươi.

Tuyên cắt nghĩa:

– Ấy là khai thêm tuổi để đi lính ấy mà.

Bách cảm động:

– Đi bộ đội đánh Tây ấy ạ?

Cụ cải chính:

– Không. Về sau mới đi bộ đội. Thời "Ca răng đơ" kìa. Đi lính khố đỏ ấy.

Cô Ngọc thông ngôn:

– Ca răng đơ là năm 1942...

Cô cười nói thêm:

– Khi ấy em chưa đẻ.

Cụ Tuất hắng giọng:

– Anh Bách biết không, khi đi lính khố đỏ...

Nhưng cụ chưa hết câu, cô Ngọc đã cắt ngang. Cô nói:

– Thầy sơi cơm kẻo nguội. Anh Bách chắc cũng đói lắm...

Cụ tạm quên chuyện đi lính khổ đỏ. Cụ khề khà bưng bát cơm lên. Mọi người nâng đũa.

Anh chị Tuyên ăn uống ngon lành. Bách bưng bát lên theo mọi người, nhưng anh không muốn ăn. Món thịt kho thả trứng luộc anh vẫn thích hồi ở quê nhà, nhưng mùi bì lợn hôm nay như ngái ngái mùi mồ hôi người, làm anh lợm giọng. Bách định buông đũa nhưng thấy Ngọc đang quan sát, anh vội và miếng cơm. Chị Huyền đã để ý thấy anh không ngon miệng. Hiếu khách, chị nhanh nhẩu:

– Em quên mất. Nhà có mấy gói mì tôm để dành, hôm nay có khách lại không đem ra. Khổ quá, cái Ngọc nó bàn chuyện mời anh ăn cơm từ tuần trước, khi được chị Băng cho hay là anh sẽ vào thăm trại. Tụi em đã định nhờ chị Băng mua cho lạng thịt quay đãi anh, nhưng chị ấy gạt đi.

Rồi quay sang em chồng, chị nói:

– Ngọc ơi, cô ngồi bên ấy tiện tay với cho chị gói mì.

Bách chưa kịp cản, chị đã luồn tay dưới tấm màn mỏng cuối xập kéo ra chiếc bình thủy lớn. Đầu kia cô Ngọc đã lấy từ chiếc giỏ ny lông ra gói mì ăn ngay. Lát sau bát mì bốc khói được dặt trước mặt Bách. Anh Tuyên cắt nghĩa:

– Loại mì này ngon lắm, dễ ăn.

Anh nói như một chủ nhà lịch sự nhũn nhặn về món cao lương vừa dem ra đãi khách.

*

Câu chuyện quanh mâm cơm náo nhiệt. Anh Tuyên hỏi tíu tít về đời sống bên ngoài, về lương bổng, về trường học buổi tối, về an sinh xã hội, về giá cả nhà cửa, về phương tiện giao thông. Anh cũng hỏi Bách về dư luận báo chí đối với thuyền nhân, với vấn đề định cư... Chị Huyền cũng hết rụt rè và góp chuyện với mọi người. Chị hỏi về bếp núc chợ búa bên Mỹ... Chị cũng hỏi về nghề may bên Mỹ... Dễ lắm phải không anh Bách, cứ ở nhà lãnh đồ về may... Đến hẹn họ đến nhà lấy đồ, trả tiền mặt, chẳng thuế má gì... Có người nhờ vậy mà tậu cửa tậu nhà phải không?

Qua những câu trả lời của Bách, họ nheo mắt suy nghĩ, họ hỏi lại... họ nhìn nhau, như rán hình dung cuộc sống bên ngoài... Cô Ngọc cũng hăng hái dự phần vào câu chuyện chung.

Chỉ có cụ là thờ ơ. Cụ chậm rãi ngồi ăn, nét mặt xa vắng, tựa như

không bận tâm đến cuộc sống sắp tới. Hình như cụ ra nước ngoài chỉ để theo con, còn định cư ở đâu, hay vĩnh viễn ở lại trại cấm với cụ cũng thế thôi. Những chuyện đang chờ đợi cụ một khi may mắn được gia nhập xã hội Tây phương cũng không làm cụ háo hức.

*

Lát sau mọi người xong bữa, và cô Ngọc thu dọn bát đĩa để bầy ấm và ly trà. Bách ngồi nhích ra sau cho cô được rộng chỗ.

Nhưng anh bỗng giật mình. Anh vừa tựa phải vật gì cồm cộm bên kia tấm bạt. Rõ ràng là một tấm lưng tròn tròn của ai. Bách vội ngả người về đằng trước. Anh nói vọng qua mấy lời xin lỗi.

Hộ bên không có tiếng trả lời, chỉ có tiếng chăn mền sột soạt, như ai đang xoay mình trong giấc ngủ. Lại có tiếng sột soạt nữa rồi im lặng hẳn. Bách nhìn anh Tuyên, dò hỏi.

Bách phân trần:

– Khổ quá, tôi vô ý ngồi đè phải ai bên kia. Không biết có đau không?

Tuyên thản nhiên:

– Anh Thời đấy mà. Không sao đâu.

Bách nghĩ ngồi vào người ta mà lại "không sao đâu" là làm sao. Anh nhìn cô Ngọc.

Cô nói:

– Anh Thời anh ấy ngủ say lắm. Chắc phải đến hai ba giờ anh ấy mới dậy. Mà có khi anh ngủ luôn cho đến tối.

– Sao không đánh thức anh ấy dậy ăn trưa.

– Anh ấy không muốn ai đánh thức cả. Bao giờ dậy thì dậy, ngày có khi chỉ ăn một bữa, còn thì ngủ. Đêm anh ấy mới thức. Thức cho tới gần sáng... Anh ấy hay ra ngồi gần cửa sắt một mình, nhìn ra ngoài... Nhất là những đêm có trăng.

Bách ngạc nhiên:

– Anh Thời ấy... Có đau ốm gì không, cô Ngọc nhỉ? Sao không gọi bác sĩ.

*

Cô Ngọc chưa trả lời thì chị Huyền đã cắt nghĩa hộ. Chị bảo anh Thời cùng làng, độc thân, bố mẹ đã mất cả. Anh cũng không có bà con bên

này. Mới đầu thì cũng bình thường thôi... Nhưng bây giờ thì đã trở thành như lãng trí...

Bách ngượng ngùng thấy chị Huyền bàn về anh Thời một cách huych toẹt như vậy, trong khi anh ấy ở ngay cạnh, chỉ cách có tấm bạt mỏng.

Bách nói:

– Chết, mình nói chuyện ồn ào thế này, có sợ phiền anh ấy không?

Anh Tuyên trấn an:

– Không sao đâu. Anh ấy ngủ say lắm. Đã ngủ là chẳng còn cần biết trời đất gì nữa... Mà có thức thì anh ấy cũng như người ngủ, không còn bận tâm đến xung quanh...

Như để chứng minh cho lời chồng, chị Huyền vén cao tấm bạt lên. Bách quay đầu lại thấy một người nằm nghiêng, co quắp lại như một bào thai, đầu gối đưa lên đụng cằm, hai tay ôm má, chăn chùm kín đầu.

Chị Huyền đưa tay kéo tấm chăn, để lộ ra một cái đầu đàn ông tóc tai bù xù. Chị nói lớn "Anh Thời dậy anh Thời". Người đàn ông lầu nhầu, đưa tay tìm mép chiếc chăn kéo lên chùm đầu lại như cũ. Bách thoáng thấy anh gối đầu lên cuốn tự điển Pháp Việt của Đào Duy Anh, chữ kim nhũ trên gáy sách đã bạc, mồ hôi ố từng mảng.

Bách buông tô mì xuống. Ái ngại, anh hỏi cô Ngọc:

– Như thế này đã bao lâu rồi?

Cô Ngọc cúi đầu không nói gì. Anh Tuyên đỡ lời:

– Sáu tháng...

Và anh Tuyên kể cho Bách con đường vượt biên gian khổ của anh Thời.. Anh ấy sang đây cùng chuyến với Ngọc... gần hai năm rồi. Trên đường...

Bách buột miệng hỏi sao Ngọc không đi chung với cả nhà? Anh Tuyên nói vượt biên mà anh, đi chia như thế cho nó an ninh... Vả lại thầy em coi anh Thời như con, cho Ngọc đi với anh ấy cũng vững dạ... Thầy em và vợ chồng em đi trước một tháng. Toán Thời và Ngọc đi đường bộ vượt biên giới Hoa Việt, rồi mới đón thuyền đi Hồng kông. Ai ngờ vừa sang đất Tàu lại bị cướp...

Bách hỏi đường bộ mà có cướp sao? Anh Tuyên nói có chứ, không có hải tặc thôi, nhưng có lục tặc, tụi Xạ Phang ấy mà... Rồi anh Tuyên kể tiếp là may mắn quá, không ai hề hấn gì, chỉ mất ít tiền bạc... duy có anh Thời vì kháng cự là chúng lấy gậy đánh vào đầu bất tỉnh... Ngay sau

đó thì không sao... Anh ấy tỉnh lại bình thường, vết thương trên đầu ít tuần thì ăn da non... Khi thuyền cặp đảo Bò, một đảo hoang của lãnh thổ Hồng kông, cái Ngọc và anh Thời được tách khỏi toán và chuyển về đây...

Khi mới tới, anh ấy cũng như mọi người... Ấy là hai năm trước... Anh Thời cũng lo, cũng nôn nóng, cũng theo dõi tình hình chính sách tỵ nạn của các nước Đông Nam Á... Công việc chung trong trại, cũng tham dự, cũng gánh phần trách nhiệm.

Nhưng rồi dần dà, anh ấy tự cô lập, mỗi ngày một tí, không chơi với ai, không thân với ai nữa. Ngay cả bọn em, anh ấy cũng sơ dần... Lúc nào cũng lo học tiếng Tây để sửa soạn sang Pháp định cư...

Bách ngạc nhiên:

– Học với ai? Sao bảo A Xòe cấm mở lớp dậy ngoại ngữ cho thuyền nhân?

Anh Tuyên nói:

– Học một mình. Anh ấy có cuốn tự điển Pháp Việt của Đào Duy Anh không biết lấy ở đâu... Đi đâu cũng mang theo... Em có thấy cuốn sách... Trang đầu chắc có tên sở hữu chủ nên bị xé đi, nhưng vần A còn nguyên vẹn... Anh ấy học thuộc lòng từng chữ.. Hồi bắt đầu ngã bệnh thì đã sang đến khoảng nửa phần B...

Để trở lại chuyện anh ấy tự cô lập hóa. Mới đầu thì chúng em vờ như không để ý, tiếp tục săn sóc hỏi han anh ấy... Nhưng cố gắng một chiều mãi cũng có hạn... Rồi mạnh ai nấy sống, tụi em quên bẵng anh ấy đi, cho đến lúc anh ấy bắt đầu ngủ lì bì mới biết...

Anh Tuyên uống ngụm nước trà, rồi kể tiếp. Một tuần lễ trôi qua như vậy, rồi hai người bạn độc thân cùng hộ gọi A Xòe nhờ mời y tá giùm. Y tá khám xong bảo không thấy bệnh gì. Ít lâu sau, họ cho đi nhà thương nằm mấy hôm rồi lại trả về, tình trạng không thay đổi...

Hai người bạn độc thân bắt được liên lạc với thân nhân Mỹ, đổi sang diện tỵ nạn, và chuyển sang trại khác. Không ai chịu nhận vào hộ, A Xòe phải cho anh ấy một mình một hộ riêng. Chúng em là người làng nên tội nghiệp, đứng ra hứng với A Xòe là sẽ lo cơm nước cho anh ấy, và A Xòe chuyển anh ấy sang xập bên cạnh tụi em để dễ trông coi.

– Sao không để cho anh ấy nằm xập thấp có đỡ ngã không?

– Cái ngã thì không lo. Những chuyện ấy thì anh tinh lắm.

Bách hỏi cô Ngọc:

– Ở nhà anh ấy làm gì nhỉ?

Cô ngồi bó gối, nhìn đăng trước. Cô nói:

– Anh ấy bạn học với anh Tuyên, học giỏi lắm, nhưng sau trung học vì thành phần không được vào đại học, đi làm thợ nhà máy xi măng. Anh ấy có đi bộ đội đánh Tàu một thời gian. Nhưng ở đâu cái thành phần lý lịch cũng theo đuổi anh...

Chị Huyền nói, giọng thương hại:

– Kể cũng tội. Anh ấy chẳng bao giờ ồn ào gì. Chỉ có cái là thèm ngủ. Lo cho anh ấy cũng chẳng mất công lắm. Mỗi bữa để dành cho lưng cơm và ly trà, để góc phản, khi nào dậy thì ăn... Thỉnh thoảng cái Ngọc nó giặt cho mớ quần áo bẩn.

Rồi chị đưa ra hai giả thuyết, một là anh Thời lãng trí như vậy là tại mấy đoàn côn tụi Xạ Phang đánh vào đầu, sợ chạm đến óc... Chuyến đi ấy...

Nhưng chị Huyền không kể tiếp... Chị đổi đề tài... Chị cũng đổi ý... Có lẽ cũng không phải tụi Xạ Phang đánh. Chắc tại ngộ chữ. Chị nói vần A tiếng Tây dài lắm, lại thêm nửa vần B nữa... Ấy là chưa kể phần giải thích cặn kẽ của cụ Đào Duy Anh... Thuộc lòng chừng đó cũng đủ điên rồi...

Thế là chấm dứt câu chuyện về anh Thời. Bách ôn lại những gian truân của người bất hạnh. Thật là giản dị. Một thanh niên quen thân với gia đình, thông minh học giỏi mà bị cản trở không được học lên, chắc bất mãn lắm, phải đi làm thợ xi măng, đi vượt biên chung với Ngọc, đánh nhau với cướp Xạ Phang nên bị chúng phang côn vào sọ, về sau học tiếng Tây bị ngộ chữ, hóa lẩn thẩn... Mỗi ngày một lẩn thẩn hơn đến chỗ mất trí. Thế thôi...

Nhưng nhiều câu hỏi mới được nêu lên trong đầu Bách... Tại sao anh Thời lại liều mình đánh nhau với Xạ Phang, để cứu ai, thân tình với gia đình này đến đâu... Anh chị Tuyên bỏ qua những điểm này... Chắc tại họ không biết... Họ đâu có đi chung chuyến với anh Thời như cô Ngọc mà biết được...

Chị Huyền kết luận:

– Học lắm cũng hại...

*

Ông cụ từ nãy không góp chuyện bỗng ngắt lời con dâu:

– Con Huyền nói chuyện tầm bậy.

Mọi người quay lại nhìn cụ. Cụ hắng giọng nói tiếp:

– Chữ Tây hay lắm. Học vào mở mang trí tuệ. Không có lợi thì thôi chứ làm sao mà điên được. Thằng Tây là thằng có văn hóa... Cái anh Mỹ chỉ được cái giỏi máy móc khoa học, chứ chuyện văn minh chữ nghĩa thì thấm thế nào với anh Tây được...

Cô Ngọc lại chen vào. Cô nói lảng:

– Không biết bên Mỹ có thuốc chữa bệnh mất trí không anh Bách nhỉ?

Nhưng lần này, cụ không cho cô đổi đề tài. Cụ gắt nhẹ:

– Cái con này có để bố nói chuyện với anh Bách không nào...

Cô Ngọc không dám lạc đề nữa. Và ông cụ bắt đầu mở màn cho câu chuyện về người Tây, văn hóa Tây.

Tất nhiên là cụ biết Tây chứ. Thời Pháp thuộc, cụ đi lính khố đỏ đóng đến cai nhất. Thằng cai Tuất này đã đặt chân đến nhiều nơi, cụ vỗ ngực. Thằng cai Tuất này đã từng sang Cao miên tham dự trận đánh ở Battambang với lính Thái, nhân một vụ xích mích biên thùy nhỏ giữa Siam và Pháp...

Thế chiến thứ hai đã từng sang tận Tây, đi đánh Đức. Bị thương nhẹ, được Tây cho về làng phục viên, được xã cấp mấy sào công điền.

Cụ kể vừa canh tác được hai năm thì cách mạng mùa thu bùng nổ. Cai Tuất trả ruộng lại cho làng, rồi xung phong đi bộ đội, đóng đến trung đội trưởng...

Cụ tay nghề về cây súng trường Đông Dương. Món võ khí có sáu bộ phận chính, và cụ có thể nhắm mắt mà tháo ráp trong hai phút đồng hồ.

Bách nói:

– Bác có hoa tay với súng... Cái đó không phải ai cũng có.

Cụ Tuất bảo khó gì... Nó sẵn trong binh thư cả... Và cụ đọc cho Bách một đoạn trong cuốn cơ bản quân sự *Manuel du Soldat* quân đội Pháp thường phát cho binh nhì thời thuộc địa. Này nhé anh Bách, ngay trang đầu Tây nó đã viết rành rành là *Lơ phui di anh đô xi noa cạp rằng xít bạc ti bành bành*...

Thấy bố nói tiếng Tây bồi cô Ngọc khốn khổ. Làm bộ tự nhiên, cô

thông ngôn cho anh... Anh ạ thầy em nói là *Les fusil indochinois comprend six parties principales*... Cụ lừ mắt nhìn đứa con gái có tật nói leo. Cô Ngọc sợ hãi nín thinh.

Cụ kể tiếp câu chuyện đời lính, đôi mắt say mê nhìn về quá khứ... Rõ ràng là cụ làm lạc cả hướng câu chuyện mấy người con dành cho cuộc gặp gỡ hôm nay. Anh chị Tuyên còn bao nhiêu câu muốn hỏi về đời sống bên các nước Tây phương, nơi anh đang khao khát được đi...

*

Chỉ có Bách là hứng thú nghe chuyện cụ nói. Anh lại nhớ lại quê cũ, nhớ lại thuở tiền chiến. Hồi ấy có người tá điền của cha anh, chú binh Sơn, nguyên lính khố đỏ hồi hưu... Chú thường kể chuyện đời lính cho đám trẻ con trong làng những đêm trăng sau mùa gặt, khi mọi người nhàn rỗi.. hay những tối tháng chạp rét mướt, khi mọi người quây quần sưởi ấm quanh nồi cám heo...

Chú thuộc tên các ông sao trên trời... Nhà binh chúng tôi ban đêm đi "ba tui" giữa rừng, cứ ngắm sao mà đi... Cơm nếp Lào ngon là hạng nhất, những lần hành quân bên Lào, lạc vào thôn xóm của họ, họ cho ăn cơm nếp với gà luộc... Nhiều món ngon lắm... Chỉ có mắm ngóe của Lào là không dám ăn.

Về sau, Bách lên tỉnh học, nghe nói chú ấy đi bộ đội đem kinh nghiệm nhà binh của mình phục vụ kháng chiến. Bách không gặp lại chú nữa, nghe nói chú có lập quân công và về sau tử trận trong chiến dịch Thu Đông đầu thập niên 50.

Mọi người đã cạn mấy tuần trà rồi mà cụ Tuất vẫn còn vui chuyện... Anh chị Tuyên thỉnh thoảng kín đáo đưa mắt nhìn nhau... Bách thấy họ hiếu thảo, nhưng cái hiếu thảo không át nổi cái sốt ruột.

*

Bách ngồi nghe cụ, cảm thấy như đang chiêm ngưỡng một kỷ vật hóa thạch của thời xa xưa. Thời gian như chạy giật lùi... Như trở về thuở ngồi nghe chuyện chú binh Sơn ở làng.

Nhưng Bách cũng nhìn thấy những điều anh không thấy khi còn thơ dại. Hồi đó chuyện lính là chuyện lính... Anh không để ý đến lá cờ tam tài bay phất phới mỗi khi đoàn quân khố đỏ duyệt binh... mà về sau chú binh Sơn mới kể chuyện sĩ quan và hạ sĩ quan Pháp bạt tai đá đít lính bản xứ, coi người ta như nô lệ, như súc vật.

Nhưng cụ Tuất bây giờ thì sao nhỉ, Bách thầm hỏi. Rõ ràng là cụ thù ghét giặc Pháp khi chúng toan trở lại thuộc địa sau thế chiến thứ hai... Rõ ràng là cụ kiêu hãnh về những chiến dịch thời kháng chiến... Đánh Tây nhẩy dù xuống Bắc cạn, phục kích ca nô Tây trên sông Lô khúc gần Tuyên quang...

Nhưng cụ vẫn nhắc đến đội quân khố đỏ như một đội quân anh hùng, và sang trọng, buổi sáng có kèn tây đánh thức, buổi tối có kèn tây thu quân, điểm tâm với bánh mì trứng, dăm bông xúc xích, tối ăn súp thịt bò... và nhất là trang bị bằng khẩu *fusil indochinois* tuy nặng, bắn chậm nhưng rất chính xác, rất bền, ngâm bùn ruộng rồi lại lấy lên bắn lại như thường. Trong tay người lính tinh nhuệ, khẩu *fusil indochinois* lợi hại hơn khẩu AK của Tàu, hay khẩu M16 của Mỹ. Chỉ có điều những người lính tinh nhuệ như cụ nhớ chỉ có trong huyền thoại của ký ức hay đã tuyệt chủng lâu rồi...

Lại còn thời sang Tây đánh Đức... Những nàng kiều nữ đầm Pháp ở Marseilles, đẹp như tiên, da trắng như gạo nếp, đứa nào bên trên tóc vàng thì phao câu cũng vàng, đứa nào bên trên tóc nâu thì phao câu cũng nâu... Những vườn nho táo đầy trái ngọt, tha hồ hái ăn mỗi khi hành binh qua... mấy cái mề đay của Cộng hòa Pháp quốc, và mấy phần thưởng tác xạ đã thu lượm được.

*

Bách ghi nhận là chuyện đánh Tây về sau và chuyện đi lính khố đỏ về trước, không tương phản, không đối nghịch nhau trong đầu cụ... Cả hai tạo thành cái quá khứ huy hoàng cụ đang kiêu hãnh kể lại... Trong hai đội quân đối nghịch cụ đã tham gia, có cái gì như mẫu số chung... Rồi anh tự cười mình lẩn thẩn... Làm gì có mẫu số chung giữa giải phóng quân và lính khố đỏ.

Anh nhìn mấy người con xem họ có phản ứng gì không. Nhưng cô Ngọc và vợ chồng anh Tuyên chỉ ngồi yên bất động, nét mặt phẳng lặng, tựa như họ đã nghe, đã chịu đựng những giai thoại này nhiều lần...

Tiếng cụ Tuất kéo anh về lại câu chuyện:

– Anh Bách ạ, bọn nhà binh chúng tôi...

Cụ khai triển một khía cạnh khác của đời lính. Bọn nhà binh chúng tôi vào sinh ra tử có nhau... Phải rồi, tình đồng đội thắm thiết lắm. Thời bình, nhiều khi chính gia đình ruột thịt mình lâm nguy, có khi mình còn

cân nhắc lợi hại... Nhưng mà đi trận với nhau, trong lúc đạn bay lửa cháy, bạn gọi cầu cứu là mình phóng tới, không cân nhắc đắn đo, không câu nệ tính toán, coi cái chết nhẹ như lông hồng. Anh Bách đi lính chưa nhỉ?

– Dạ có, nhưng lính chuyên môn, không có tham dự tác chiến...

Bách ngẩng lên nhìn cụ. Không thấy tọc mạch hay xỏ xiên. Chỉ thấy chút tiếc của, là Bách không trải qua cùng cảnh ngộ để hiểu chuyện cụ nói:

– Uổng quá. Giá anh đi bộ binh chiến đấu, anh sẽ hiểu.

Cụ nói tiếp... cái tinh thần anh em đồng đội nó quan trọng lắm... Trận Verdun, tôi bị thương ở đùi, thằng "Nớp Xang Vanh" (quân số 920 của bạn đồng đội?) người Phủ lý, nó phóng ra cứu, bấp chấp hai ổ trung liên Đức bắn chéo cánh xẻ như vãi đạn... Nó là cái nghĩa *Lương Sơn Bạc*, anh Bách ạ...

Đến lần Bách tiếc của. Giá cụ Tuất có học vấn như cô Ngọc, chắc cụ sẽ cắt nghĩa cho anh rõ hơn. Anh biết cụ không chủ tâm dùng hình ảnh Lương Sơn Bạc để cắt nghĩa tình đồng đội. Lương Sơn Bạc là chất xi măng liên kết của đám hảo hán... anh hùng tất nhiên... Nhưng vẫn là anh hùng lục lâm... Anh hùng ăn cướp... Quân đội phải có một thứ nghĩa khí khác chứ...

*

Anh Tuyên ngồi đã mỏi xoay đi trở lại, nhưng cụ Tuất vẫn say mê kể chuyện. Anh đưa mắt nhìn chị, chị hiểu ý nhổm dậy xếp bát đĩa vào chiếc lẵng ny lông sửa soạn đi rửa.

Bách cũng xoay trở trong thế ngồi thiếu tiện nghi. Cô Ngọc nhìn anh ái ngại. Cô hỏi mấy giờ anh có hẹn với chị Băng. Cụ Tuất đang nói giữa câu cũng ngưng lại nhìn anh.

Cụ hỏi:

– Anh Bách phải đi bây giờ à? Lần này vào thăm trại vội vã quá nhỉ?

Bách không có hẹn gì với chị Băng, và anh hiểu nhã ý của cô Ngọc. Nhưng anh bỗng thấy thương cụ. Như mọi người già sống chung với con cái, cụ đã không còn theo kịp cuộc sống của đám trẻ. Bạn bè cùng thời thưa thớt hay không còn nữa, và các cụ sống với quá khứ, cái quá khứ mà đám con cháu không hề biết, mà cũng không muốn biết... dần dà, họ thành ít nói, ít trao đổi với người xung quanh, trừ phi có ai thật tình thông cảm với tâm sự của họ...

Nhìn đồng hồ, Bách nói:

– Dạ... Còn cả nửa tiếng nữa mới tới giờ.

Quay sang cô Ngọc, anh nói:

– Cô có bận thì mặc tôi. Đang được hầu chuyện bác, thích quá.

Cô Ngọc nhìn cụ Tuất rồi lại nhìn anh, nét cảm ơn trong ánh mắt.

Chị Huyền đã sửa soạn xong. Chị đã xếp sẵn hai túi, một túi bát đĩa, một túi quần áo bẩn. Chị đang lần ra mép phản. Anh Tuyên nhấy xuống trước để đỡ chị. Bách nhận ra lý do của sự cẩn thận đặc biệt này. Chị Huyền đã có mang, cái bụng trông khoảng ba bốn tháng...

Anh Tuyên nói:

– Anh Bách ở lại chơi với thầy em, em đưa nhà em đi giặt giũ. Giờ này vòi nước nó vắng một tí, đỡ phải chờ.

Cô Ngọc dùng dằng như nửa muốn đi, nửa muốn ngồi lại tiếp khách. Chị Huyền mau mắn:

– Cô ở nhà chơi với anh Bách đi. Hôm nay đồ giặt cũng chẳng có gì, mình chị cũng đủ rồi.

*

Bách nhìn theo anh chị Tuyên đang bước ra khỏi phòng giam. Trông hai anh chị như một cặp vợ chồng bình thường lo dọn dẹp nhà cửa một ngày chủ nhật. Chỉ có điều hoàn cảnh xung quanh cặp vợ chồng này thê thảm quá...

Như đọc được ý anh, cô Ngọc nói:

– Anh chị cả em làm đám cưới trước khi vượt biên. Họ chưa bao giờ được ở phòng riêng.

Anh nói:

– Mỗi cảnh mỗi khác cô Ngọc ạ.

Cô Ngọc không chịu thua:

– Em nghĩ chị Huyền phải yêu anh Tuyên lắm lắm. Em thì em không chịu vậy. Tình yêu phải có một chút tối thiểu riêng tư, một tối thiểu kiểu cách, một tối thiểu thẹn thùng... Cả nhà chung chạ với nhau một khoảng chưa đầy hai chiếc chiếu... Lại còn em, lại còn bố... Láng giềng chỉ cách có tấm bạt mỏng. Làm gì mà phải gấp gáp thế?

Cụ Tuất muốn la con gái. Nhưng bắt gặp tia nhìn quan sát của Bách, cụ lặng yên.

Bách nói:

– Cô Ngọc khe khắt quá. Chắc cô chưa gặp ai cô thật sự ưng ý...

Cụ phụ họa:

– Anh Bách nói đúng. Ở đời có lúc biến, có lúc thường.

Cô Ngọc vẫn cãi:

– Ưng thì ưng chứ. Lấy chồng như thế này không có em. Chẳng thà em đợi...

– Cô đợi gì?

– Em đợi một hoàn cảnh thuận lợi...

– Cô Ngọc à. Đã gần một nửa thế kỷ rồi, đã mấy thế hệ rồi, vì chuyện nọ chuyện kia, hoàn cảnh của người mình đã không thuận lợi cho... à... tình yêu hay sự sống. Vậy mà ai chả sống... Bộ cứ ngồi đó mà đợi sao?

Cô Ngọc nhỏ nhẹ:

– Em nói cái này, anh đừng giận nhé. Những vấn đề ở đây thiết thực quá, mà anh nói đến những quan niệm trừu tượng... Như tình yêu và sự sống... am theo không kịp...

Bách suy nghĩ rồi hỏi lại:

– Nếu bây giờ làm lại từ đầu thì cô có đi nữa không?

– Em vẫn đi.

Bách nói:

– Tức là cô vẫn coi thường những *vấn đề thiết thực* hiện tại, vì nó không làm cho cô đổi ý về chuyện ra đi... Nếu chuyện quan trọng không phải là những vấn đề thiết thực, thì tất phải là những vấn đề trừu tượng... Những vấn đề quan trọng lắm... quan trọng đến nỗi biết được những khó khăn hiện tại mà cô vẫn đi... Tôi nghĩ đó là *tình yêu* và *sự sống*... Tuy nhiên nếu cô thấy còn có gì quan trọng hơn, tôi sẵn sàng xin nghe...

Cô Ngọc cúi đầu. Cô nói:

– Anh nói nữa đi.

Cao hứng Bách triết lý:

– Tất cả những chuyến đi dân của nhân loại đều vĩ đại, đều kinh khủng, đều có tầm mức vượt xa trí tưởng tượng của con người... Ruột thịt là cuộc di dân của ông bà mình từ lưu vực sông Dương tử xuống Bắc Việt, rồi cuộc Nam tiến... Xa hơn là đến những cuộc di dân ít liên hệ đến mình, của những người hải đảo cả ngàn năm trước phiêu bạc trên

Thái Bình dương trên những con thuyền độc mộc mảnh dẻ như những quả dừa khô... cuộc di dân của Âu châu qua lục địa Mỹ... Hay huyền bí hơn, là cuộc vượt qua Hồng hải của dân Do thái kể trong Cựu ước...

Và theo chiều dài của lịch sử, mọi cuộc di dân này đều thành công... Cái thành công của sự sống lan tràn tới những bờ bến mới... và động lực của những chuyến di dân đó là hy vọng, là sự sống, là tình yêu... dù trong Thánh kinh hay trong lịch sử ngoài đời...

Rồi anh nói tiếp:

– Và cả cuộc di dân hiện tại ngay trước mặt mình, cuộc di dân của đồng bào mình mà cô Ngọc đang dự phần... Kết quả của những vụ di dân bao giờ cũng đẹp... cũng vĩ đại... tuy thế hệ đầu tiên phải trả giá rất đắt...

Cô Ngọc vẫn cúi đầu nghe Bách nói. Đến đây, cô bỗng rùng mình:

– Anh nói đúng, nhưng nhiều khi em thấy đắt quá...

Anh ngần ngại... Rồi anh có linh tính anh phải mạnh dạn.

Anh nói:

– Đắt hay không đắt, đời sau mới biết. Đời đứa con trong bụng chị Huyền, những đứa con thụ thai trên đường di dân... đời những đứa con tương lai sẽ thụ thai ở vùng đất mới... Những đứa con chưa đẻ của cô Ngọc... Đời của con cháu chúng nó. Cô Ngọc với tôi bây giờ như hai người Do thái của Cựu ước đang đứng trước Hồng hải, chỉ thấy lầm than, thấy nước mắt của cuộc thoát ly mà không biết mình đang chứng kiến, đang góp phần vào một biến cố vĩ đại của lịch sử nhân loại.

*

Cụ Tuất kéo Bách ra khỏi lý thuyết trừu tượng. Rõ ràng là những lời biện luận của Bách về tương lai không lọt vào tai cụ. Cụ nói đến thực tại:

– Tội nghiệp hai vợ chồng thằng Tuyên. Còn một tuần nữa thì đi, thằng cả mới thưa với tôi là con Huyền cũng muốn đi theo. Cúng gia tiên ở nhà, thậm thụt như ăn trộm, tuần trăng mật xô bồ chen chúc trên thuyền tỵ nạn, rồi tới trại tù Hồng kông mới làm giấy tờ, cai ngục làm lễ cưới...

Cụ lại bảo:

– Đám cưới tôi với bà nó, không sung túc gì nhưng cũng còn ra cái

đám cưới. Có chạm ngõ, có ăn hỏi... Có cau trầu, có mâm cỗ mời làng nước, có đưa dâu đón dâu, có nhị hỷ lại quả... Đời này khổ quá, đám cưới như đám cưới ăn mày.

Anh nhìn cụ già, chờ đợi một nét chua cay, nhưng chỉ thấy thản nhiên. Rồi cụ đã bỏ rơi hiện tại để trở về với quá khứ. Và cụ kể tiếp những kỷ niệm êm đềm thuở tiền chiến ở làng. Mất cụ mềm thật là mềm, suốt trưa nay chưa bao giờ mềm thế này... và cụ nhắc đến những năm được mùa, những hội hè đình đám cũ, những mâm sôi dẻo, những con lợn béo... Và trên sân đình rợp bóng cờ xí, trong gió xuân phe phẩy thổi, trong tiếng hát quan họ, bên những cây đu mới trồng, trai gái trong làng rộn ràng đón xuân.

Cụ không nhớ chuyện cường hào ác bá, cụ cũng không nhớ lính đoan về làng khám rượu...

Thậm chí cụ kết luận, thời thằng Tây thế mà sướng.

Không đừng được, anh nói:

– Thời Tây, con còn bé quá không nhớ. Nhưng thực dân người dưng nước lã, nó bóc lột mình, nó hà hiếp mình, làm sao mà sướng. Ví dụ như vụ chết đói tháng ba...

Cụ có sẵn câu trả lời ngụy biện:

– Cái đó là tại thằng Nhật. Trước khi thằng Nhật tới, nước mình giàu lắm, thằng Tây có bóc lột cũng còn dư dả cho thằng dân. Tết đến cũng còn có manh quần tấm áo mới, cũng còn có nồi bánh chưng... Còn từ đó về sau, cứ khổ là khổ... Lúc nào thằng dân cũng phải khổ, chỉ khác có điều là thay vì gọi là thằng dân khổ, thì gọi là thằng dân hy sinh cho tổ quốc. Không phải một năm, không phải hai năm, không phải ba năm, mà năm này qua năm khác, từ 45 đến giờ. À anh hỏi tôi thằng Nhật tử tế hay thằng Tây tử tế ấy ư? Tôi nghĩ không thằng nào tử tế cả... Khác máu tanh lòng làm sao tử tế được? Nhưng nước mình giàu lắm, phải cả hai thằng cùng bóc lột một lúc mới xảy ra cái đói năm 45 được... Còn về sau ấy à, không có ngoại nhân nào bóc lột mình, mà mình khổ như bị một thằng Tây cộng với một nửa thằng Nhật hợp lại mà bóc lột...

Bách nghĩ cụ nói ngang quá, hèn gì mà phải bỏ nước mà đi.

*

Bách cố gắng mà không sắp xếp nổi một ý kiến thuần nhất về cụ già này. Cụ hoàn toàn mộc mạc, chưa học xong tiểu học, nhưng đồng thời

lại vô cùng phức tạp. Cụ theo con trốn đi Hồng kông hy vọng sang Mỹ, mà lòng vẫn còn thán phục và kính trọng cái văn hóa Pháp, tuy văn hóa rõ ràng không phải là mối bận tâm của cụ.

Còn nữa... Đâu là người chiến sĩ sông Lô đánh chìm ca nô giặc, đâu là bác cai khố đỏ khoe về bữa súp tối của đội bộ binh thuộc địa... Và đâu là ông già đã sống gần nửa đời người gọi là trong độc lập tự do, mà hình ảnh của ấm no hạnh phúc vẫn là những năm tiền chiến dưới thời Pháp thuộc?

Cụ Tuất với cái điếu thuốc lào, nhồi thuốc vào nõ, châm lửa và rít một hơi. Rồi cụ ngả người ra sau lim dim đôi con mắt. Đây là điếu thứ tư cụ hút. Cụ không nói nữa, yên lặng khoan khoái hưởng cái say thuốc đê mê...

*

Bách ngắm cụ. Bây giờ anh mới thấy sự việc giản dị. Chẳng qua là lâu lắm cụ mới được nói một bữa cho hả. Thái độ chịu đựng của cô Ngọc và vợ chồng anh Tuyên trọn suốt bữa ăn đã cho anh hay là cụ Tuất không còn trông cậy được ở cử tọa gia đình này nữa. Và chắc thỉnh thoảng có khách lạ đến chơi, cụ mới được sống hết mình...

Anh cũng thấy cụ sống hết mình không phải với hiện tại. Sống với cụ là sống lại quá khứ. Không phải là cái quá khứ gần, của những thập niên vừa qua khi miền Bắc không còn ngoại nhân thống trị... Mà là cái quá khứ xa lắm. Cái quá khứ tiền chiến, tiền cách mạng mùa thu.

Rồi anh ghi nhận cái oái oăm của thế hệ cụ, của những nông dân sống trong buổi giao thời với một tâm hồn đơn sơ mộc mạc. Anh không còn trách cụ đã nghĩ tới những năm Pháp thuộc như một phần êm ả của cuộc đời. Anh ghi nhận là không phải riêng cụ, mà tất cả thế hệ cụ, mà có lẽ một phần nào cả thế hệ anh nữa, dĩ vãng xa xăm của thời tiền chiến, có lẽ vì xa xăm quá mà êm đềm, lại lẫn lộn với thời đất nước còn bị ngoại nhân đô hộ.

Cụ Tuất với ly nước trà chiêu một ngụm. Rồi cụ lại ngồi yên. Bách ngắm mái đầu bạc phơ, đôi mí mắt xệ xuống... Bây giờ thì cụ mệt rồi, cụ không thèm nói nữa. Cụ tựa cằm lên đầu gối, mắt lờ đờ buồn ngủ.

Bách nhìn cô Ngọc. Anh nói:

– Thôi tôi xin kiếu nhé. Để cho bác nghỉ.

Cô nhìn bố, rồi buồn rầu nhìn anh. Cô gật đầu. Cô nói với cụ Tuất:

– Thầy nghỉ trưa đi kẻo mệt.

Không thấy cụ Tuất trả lời, cô Ngọc đặt cụ ngả lưng xuống phản. Cô lấy tấm mền sau bức màn, cuộn lại làm gối đặt dưới đầu cụ. Cô ngửng lên nói với Bách là lần này anh gặp thầy em, chắc anh thích lắm. Rồi hạ giọng thấp hơn nữa, cô nói thật nhỏ:

– Nếu có viết về thầy em, anh nhẹ tay một chút anh nhé.

Bách xót xa. Anh nhìn trộm cụ Tuất, thấy cụ tiếp tục ngủ, nét mặt thảnh thơi. Anh mong cho cụ đang được sống lại trong mơ những năm tiền chiến ở làng.

*

Bên hộ bên kia anh Thời cựa mình. Cô Ngọc vén tấm bạt lên. Anh Thời vẫn chùm chăn ngủ say. Phản thấp, cô Ngọc phải vừa quỳ vừa lết để sang bên xập anh. Cô đặt chiếc cà mèn nhỏ cô đã sắp sẵn cơm nước cho anh vào một góc an toàn. Rồi cô lết tới bên anh, nhẹ nhàng cúi xuống mở chút mền ngang mặt cho anh khỏi ngộp hơi. Bàn tay cô dừng lại trên trán anh, như an ủi dỗ dành. Cử chỉ cô ân cần, và nét mặt cô vô cùng dịu hiền... Sau cùng cô ngửng lên nói với Bách:

– Thầy em khi nào khổ quá còn có thời tiền chiến, thời thằng Tây... để mà nhớ lại, để mà trốn vào... Chỉ tội nghiệp anh Thời... Anh ấy không có cả những thứ ấy... Thời tiền chiến anh ấy chưa đẻ.

Rồi cô nuốt khan, cô nói tiếp:

– Suốt đời anh ấy, từ khi lọt lòng mẹ... Mà cũng từ sớm hơn nữa... Hạnh phúc có chăng là mấy tháng trời còn ở trong bào thai.

Nghe tiếng cô Ngọc, anh Thời khẽ cựa quậy trong giấc ngủ. Động tác của anh mơ hồ yếu ớt... Như cái đạp trong tử cung của thai nhi khi nghe tiếng mẹ nựng bên ngoài.

Và vẫn co quắp như một bào thai khổng lồ dị dạng lạc lõng trên phản gỗ cứng trại cấm, người đàn ông mất trí vụng về nhích tới. Anh khe khẽ cọ đầu vào bàn tay cô, vào mình cô, như muốn lủi trốn... Như thể bản năng đang đưa anh tìm về một nơi êm mềm như lòng mẹ... một nơi ấm áp hơn, an toàn hơn cuộc sống thật ngoài kia, cái cuộc sống lạnh lùng đã đày đọa anh cho đến bây giờ.

Bách ứa nước mắt. Anh quay đi để giấu cô Ngọc là anh đang khóc...□

TRÂN SA

men mùa hạ

●

Chiều mang tiếng nói đi theo gió
Mang theo ngọn nắng khuất về tây
Có chi trong nắng mà tôi nhớ?
Một giọng cười, hay sợi tóc bay?

Có chi trong tiếng mà tôi nhớ?
Một chút ân cần, một chút vui?
Có chi như mật trên môi đó
Ngọt với muôn người, hay chỉ tôi?

Có chi như thể trong vườn lạ
Nở một nhành, ôi đẹp bất thường
Có chi xanh mượt như cây lá
Vẽ lại trần gian vốn thật buồn

Có chi như thể hương mùa hạ
Tiễn một mùa đông đã quá dài
Ô hay cứ tưởng tim thành đá
Lại đập hồn nhiên mấy nhịp sai

Cứ đến rồi đi và trở lại
Cứ cho tôi nhớ hết đêm này
Ngày mai cứ nắng, đừng mưa nhé!
Cứ vẫn ngọt ngào như bữa nay

Chiều mang tiếng nói đi theo gió
Mang theo ngọn nắng khuất về tây
Có chi trong nhớ, mà tôi ngỡ
Men nồng chưa chuốc, vội vàng say

HOÀNG XUÂN SƠN

ngôn ngữ

●

chiều cố lấp đầy một khoảng trống
cự ly giữa những đất và người
rong đuối nằm ngất trên gành ráng
sợ không cùng buổi máu xương rơi

ngôn ngữ xạm đen thềm nước mặn
mùa đi rung cành biếc lộc non
cát rối bời dang xa mỏm đẳng
ô lâu bãi khuất hẹn mỏi mòn

tấp bến ngoi lên thân tàu nạn
thừng cứa đứt tung dối địa hình
tay chấp chới vẫy tràn khung lạ
chào quen búp nõn mắt viền xanh

khởi phong từ điểm hồn nóng cháy
ráp những khuôn sắt trầm lặng vô tư
bọc xuôi theo diện đồ phế thải
hồi thu kinh một quyển trăng mù

đêm chỉ dành riêng bầy ngựa trói
mắt đèn khí đá thấp bùn non
lần khân trên vết buồn thổ mộ
ngồi thâm căn ghế nhẩn lưng tròn

bắt đầu như thể hồi phục sức
cánh rộng ca xang khúc thượng tầng
cõi cõi thần tiên thời trang sức
cánh sen phơi lộ hết tình trầm

NGUYỄN MẠNH TRINH

1

Này em tôi có trái tim
có mòn hao nỗi nổi chìm phân vân
sớm mai nở nụ tầm xuân
thơm hương bưởi thuở tần ngần gọi ai

2

Này em mưa xuống đôi vai
nên ngọn nắng đã dặm dài biệt xa
sớm mai trời đất vỡ òa
rủ rê tôi chút nhớ nhà lênh đênh

3

Này em tôi vẫn một mình
ngữ ngôn nào để bình minh bồi hồi
sớm mai ngọn cỏ biếc soi
giọt sương trong để buồn tôi nói cùng

4

Này em lượn giữa không trung
con bướm trắng cứ lạnh lùng nụ hoa
sớm mai hồn chợt đi xa
hành hương về phía dương tà ngẩn ngơ

5

Này em có một bài thơ
cất ngăn tủ bụi mịt mờ thế thân
sớm mai tiếng hát phù vân
mắt em thẳm chợt đôi lần bâng khuâng

6

Này em tôi lại vui chân
vào cơn mộng để địa đàng khuất xa...

KHÁNH TRƯỜNG

thảm cỏ nát trong khu vườn hoang

●

Khu vườn rộng, những tàng cây rợp bóng mát, lối đi quanh co giữa hai bờ cỏ cao. Chỗ tiếp giáp với vòng rào kẽm gai chia ranh giới khu vườn với bãi lau dẫn xuống mé sông, là căn liêu bát giác bằng tre, lợp tranh, nơi mỗi chiều cha tôi cùng những bạn nhậu của ông thường chè chén. Cha tôi, một tửu đồ nổi tiếng trong vùng. Ông uống, sáng trưa chiều tối, rượu thay nước, đôi khi thay cả cơm. Điều đặc biệt, cha tôi uống rượu không say. Tôi chưa bao giờ thấy ông say. Càng uống, ông càng trầm tĩnh ít nói. Khi nói, lại trở nên lưu loát hơn hẳn lúc bình thường. Ngày nay, tuy thừa hưởng ở ông cái "đức" uống rượu, song tệ hại thay, tửu lượng tôi rất tồi, khi nốc vào vài ba ly, tôi trở nên một con người khác, thô tục, lắm mồm, ba hoa, có khi còn gây gỗ ẩu đả như quân đầu đường xó chợ! Đó là nguyên nhân đưa đến bao nhiêu điều đáng tiếc trong quan hệ giữa tôi với bè bạn, với mọi người thân sơ.

Trong số bạn nhậu của cha tôi, chú Giản là anh em kết nghĩa đồng thời cũng là hảo tửu tương đắc nhất. Riêng tôi, từ ấu thơ đến trưởng thành, vẫn xem chú như hiện thân của một mẫu người giang hồ rất mực tài hoa. Về ngoại hình, tuy chỉ kém cha tôi khoảng một hai tuổi nhưng trông chú trẻ trung hơn nhiều. Thân thể cao to vạm vỡ, da trắng, miệng rộng và lúc nào cũng như sắp mỉm cười. Đặc biệt nhất là đôi mắt. Tôi chưa từng thấy đôi mắt nào đẹp đến thế ở một người đàn ông. Với hai đồng tử đen nhánh long lanh dưới hàng mi dài, khi nhìn, tia nhìn chiếu thẳng vào người đối diện, vừa mãnh liệt, vừa dịu dàng, vừa phủ dụ vuốt ve mà cũng vừa áp đảo chế ngự. Thật khó có một người nữ nào không rúng động trước đôi mắt và tia nhìn của chú. Về thân thế, qua những

mẩu chuyện rời giữa chú Giản với cha tôi, với nhiều người khác, ráp nối lại, tôi đã hình dung được một cách khá cụ thể quãng đời đầy nổi trôi nhưng cũng vô cùng lãng mạn của con người tài hoa này. Chú Giản sinh trưởng ở miền Bắc, giã từ gia đình năm mười lăm tuổi, lưu lạc qua mọi miền đất nước, một thời gian ở Lào, rồi Miên, một thời gian khác ở các tỉnh miền Nam. Tuy chỉ cắp sách đến trường vài ba năm thuở còn thiếu niên, nhưng chú Giản có một kiến thức khá rộng trong nhiều lĩnh vực. Chú có thể cư xử như một tay giang hồ lão luyện, đồng thời cũng có thể nói năng từ tốn, bặt thiệp, sâu sắc mọi vấn đề liên quan đến cuộc đời, con người, văn thơ, nghệ thuật... Điểm nổi bật nhất: Ở đâu, lúc nào định mệnh chú cũng gắn liền với tình ái, với nhan sắc. Không thể nhớ hết đã có bao nhiêu người đàn bà đã đi qua đời chú, cũng không thể biết hết đã có bao nhiêu đứa bé sinh ra mà người cha lang bạt mãi mãi không nhìn thấy mặt.

Trước khi tôi chào đời ba năm, trên bước đường lưu lạc, gã giang hồ bỗng quyết định dừng chân, chọn quê tôi làm sinh quán thứ hai. Theo lời chú, cái làng quê này dẫu cằn cỗi nhưng lòng người lại mộc mạc chơn chất, chú đã ngán ngẩm cảnh bon chen tráo trở của chốn phồn hoa. Sau này, khi đã có trí khôn, tôi nghĩ, chỉ một yếu tố đó, chắc chắn không đủ để trói buộc một cánh chim mãi mãi khao khát những đường bay vạn dặm. Có lẽ phải có một nguyên nhân nào khác, mãnh liệt hơn, quyến rũ hơn. Nhưng thuở đó tôi còn quá nhỏ để có thể thắc mắc về sự cố không mấy bình thường này. Trái lại, tôi xem chuyện chú Giản đã đến, đã dừng chân, đã chọn mảnh đất nghèo khó này làm chốn dung thân, và đã có những hệ lụy gần như cật ruột với gia đình, cha mẹ, anh em tôi là lẽ đương nhiên. Một người từng trải như chú Giản, tất phải thấm thía hơn ai hết câu ngạn ngữ *"Đất lành chim đậu"*. Quê tôi, biết đâu trong mắt nhìn của chú, đã là một mảnh *"đất lành"*.

Ngoài ưu thế về ngoại hình, chú Giản còn là một nghệ sĩ đa năng. Chú đàn hay, hát ngọt, có văn thơ đăng báo, lại biết vẽ và vẽ rất... đẹp. Nhờ khả năng vẽ đẹp này, chú Giản đã sống khá sung túc ung dung. Bà con trong vùng vẫn thường nhờ chú họa chân dung, loại chân dung vẽ bằng khói đèn, dựa theo một tấm hình căn cước. Người trong hình đa số đã quá vãng, con cháu muốn ghi lại nhân diện để tưởng nhớ hoặc thờ phụng. Tôi thường say mê theo dõi nét vẽ "rồng bay phượng múa" của

chú Giản, phục sát đất khi thấy chú biến tấm hình bán thân chỉ to bằng ba đốt ngón tay thành một "*tác phẩm*" bề thế với cũng khuôn mặt đó, giống tựa khuôn đúc, và thay vì chỉ bán thân, chú "*sáng tác*" thêm phần dưới, cho thân chủ ngồi bệ vệ trên chiếc ghế trường kỷ, một bàn tay xòe đủ năm ngón đặt trên đùi, bàn tay còn lại cầm chiếc quạt lông chim. Bên cạnh, một cái bàn với bốn chân chạm đầu sư tử lên nước bóng lưỡng, mặt bàn phủ khăn trắng viền ren bay bướm. Trên bàn, ngoài khay trà đầy đủ chén tách, bình hoa hồng nở rộ, còn có thêm ống thuốc lào với cần hút bằng tre cong vòng, hoặc hiện đại hơn, một cái đồng hồ reo mặt vuông hay chiếc radio có ăng ten thẳng vút lóe sao do chất kim loại phản chiếu ánh sáng từ cửa sổ tạt vào. Xa hơn, bên ngoài khuôn cửa sổ là cánh đồng, những thửa ruộng cắt ô hình bàn cờ. Cuối cánh đồng, thấp thoáng sau rặng cây, vài mái tranh yên bình thả khói ẻo lả lên bầu trời cuồn cuộn mây trắng... Ngoài ra còn nhiều thứ phụ tùng rắc rối nữa được bàn tay tài hoa của chú Giản đưa hết vào bức chân dung, tùy theo yêu cầu của khách hàng, tùy theo sự cao hứng của chú, hay rất có thể cũng tùy theo "thế giá" của thân chủ. Chẳng hạn, nếu người trong hình là đàn bà, thay vì bàn tay với đầy đủ năm ngón đặt trên đùi, chú cho cầm hờ một chiếc khăn "mùi xoa" hoặc áp nhẹ trên lưng chú mèo tam thể đang cuộn mình nằm gọn trong lòng chủ lim dim ngủ. Dĩ nhiên bàn tay vẫn thấy đủ năm ngón, và chắc chắn không thể thiếu chiếc nhẫn hột xoàn to cộm ở ngón đeo nhẫn lóe sáng...

Tôi thường ngồi xem chú vẽ, say mê đến quên hết thời gian. Chú Giản vừa vờn một cách khéo léo ngọn bút lông trên mặt giấy, vừa cao hứng rung đùi bắt nhịp cho giọng hát trầm trầm giọng thổ một bài tình ca nổi tiếng:

Chiều chưa đi màn đêm rơi xuống; Đâu đấy buông lửng lờ tiếng... chuông

Trời! Chữ *tiếng* chú láy mới thần sầu làm sao, đang lên cao vun vút bỗng nhẹ nhàng hạ xuống, trôi nổi nhấp nhô một đoạn dài trước khi bắt vào chữ *chuông*. Lớn lên, tôi mới khám phá ra chú Giản đã "chôm" lối láy chữ *tiếng* này của một ca sĩ nổi danh đương thời, chứ thuở đó, tôi nào biết gì! Vì vậy, đã phục chú, tôi càng phục hơn. Và có thể nói một cách rất thật thà rằng, không phải những ông thầy Việt văn, cũng không phải hàng trăm hàng nghìn những tác phẩm văn chương thi phú tôi đọc sau

này, mà chính qua chú Giản, từ chú Giản, chỉ bằng lối láy chữ "tiếng" thần sầu, tôi đã hình dung một cách rất cụ thể khả năng tượng thanh, tượng hình tuyệt vời của ngôn ngữ Việt. *"Đâu đây buông lửng lờ tiếng... chuông"*. Tôi từng nhắm mắt để hết tâm hồn nương theo giọng hát, và *thấy* rõ mồn một tiếng chuông, như hàng nghìn giải lụa vàng óng, phát khởi từ một tâm điểm, tỏa ra, bay ẻo lả nhấp nhô trên cây cỏ, ruộng nương, làng mạc, đồi núi chập chùng. Đợt sóng lụa này vừa sắp tan nhòa vào nhá nhem của chiều tà, đã tiếp theo đợt sóng khác, và cứ thế, cứ thế.... không gian đầy ắp lụa mềm. Trời, cái hình ảnh mới thơ mộng và đẹp đẽ biết bao! Sau này, khi chọn hội họa như một nghiệp dĩ, hình ảnh những giải lụa âm thanh kia là một trong những hình ảnh tôi thường tìm cách thể hiện lên mặt bố. Tiếc thay, có lẽ do tài năng hữu hạn, tôi vẫn chưa bao giờ diễn tả nổi hình ảnh đó một cách tới nơi tới chốn như đã từng tưởng tượng.

Những năm đầu tiên, chú Giản ở chung với cha mẹ tôi. Thuở đó cha tôi và chú Giản còn khá trẻ. Hai gã thanh niên đều tương đối có tí chữ nghĩa, có cùng những sở thích, nên mới gặp nhau đã nhanh chóng trở thành anh em tương đắc, căn nhà của gia đình tôi lại khá rộng, vì thế, cha tôi đã cố mời bằng được chú Giản về ở chung, để có dịp gần gũi nhau, cùng nhau đối ẩm, cùng nhau hát xướng, ngâm thơ vịnh nguyệt. Cho đến ngày tôi chào đời, chú Giản tách ra ở riêng, chú viện cớ nhà có thêm cháu nhỏ, không muốn để mẹ tôi phải bận bịu. Vả, chú cũng muốn có nhiều thời giờ yên tĩnh hơn để sáng tác. Chú vẫn nuôi tham vọng sẽ trở thành một nhà văn, một họa sĩ.

Với sự tiếp tay của cha tôi, chú Giản dựng được một căn nhà lá cạnh bờ sông. Căn nhà nằm ở một ví trí rất thơ mộng, dưới hàng dừa cao vút sáng chiều rì rào gió động, cách ly với chòm xóm bởi một khu vườn hoang khá rộng và một bãi tranh vàng óng mênh mông.

Từ khi ra ở riêng, chú Giản có sinh đẻ được tác phẩm nào không, tôi không biết, nhưng cái tiếng đào hoa của chú thì rõ ràng đã nổi như cồn. Mẹ tôi vẫn thường phẫn nộ trách cứ, tỏ ra rất không thích chuyện tham vó bỏ nơm, bướm ong nhăng nhít của chú Giản. Nhưng ngôi sao đào hoa đã chiếu ngay bản mệnh chú, làm sao dời đổi? Cuối cùng mẹ tôi cũng đành thở dài quy hết trách nhiệm cho "ông trời": *Đa tài đa năng ắt đa tình. Âu cũng nghiệp dĩ*. Quả vậy. Các cô gái quanh vùng có chút nhan

sắc hầu hết đều đã từng được chú ban phát tí tình yêu. Ngôi nhà lá của chú là nơi phát khởi, và có lẽ, chôn vùi ước mơ lãng mạn của bao nhiêu trái tim trinh nữ. Chú Giản vẫn thường nói với cha tôi, "Đàn bà nó kỳ lạ lắm anh ơi, khi họ đã yêu thì... hết biết, nhiều khi họ làm tôi muốn điên lên được". Cha tôi cười khà, "Quanh vùng ni có khối bọn đàn ông con trai mơ ước có được cái địa vị của chú đó nghe. Nhưng mà cũng vừa vừa thôi, gieo nhân nào ắt gặt quả nớ, chú rồi cũng đến khổ với bọn họ cho coi". Khổ hay không chưa biết, điều chắc chắn, chú Giản lúc nào cũng phơi phới hân hoan. Từ tinh thần đến vật chất, chú hoàn toàn đầy đủ. Cái ăn, cái mặc, rượu ngon, trà hảo, thuốc thơm... đã có khối người tranh nhau cung phụng, dù lợi tức do nghề vẽ chân dung mang lại cũng dư thừa để chú tự nuôi thân. Tôi không hiểu vua chúa ngày xưa sung sướng cỡ nào, chứ theo tôi, sống như chú Giản, vua chúa chắc hẳn cũng... đến thế là cùng!

Trong số những người tình của chú Giản, hình như cô Tâm là người được chú ưu ái hơn hết, có lẽ bởi cô có một nhan sắc vượt trội hơn hẳn, đồng thời tương đối có ăn có học.

Cô Tâm, cháu nội của Quản Nghi, một cự phú nổi tiếng không những quanh vùng này, mà suốt một dải đất chạy dài qua ba bốn tỉnh miền Trung hoặc có thể xa hơn nữa, không ai không biết. Tài sản và quyền lực của Quản Nghi lớn đến độ có thể chi phối cả những hoạt động của nhà nước bảo hộ. Tôi nghe kể lại thuở người Pháp sắp khai thông quốc lộ một, theo bản vẽ của sở lục lộ, con đường sẽ băng ngang qua phần đất hương hỏa của dòng họ này. Hay tin, Quản Nghi tức tốc lên tỉnh gặp giới chức thẩm quyền và không hiểu bằng cách nào, sau đó khi thực hiện công trình, đoạn quốc lộ này đã phải chạy một vòng rộng, tránh xa phần đất "cấm". Khi đề cập đến một nhân vật giàu có nào đó, chỉ cần đem Quản Nghi ra làm đơn vị so sánh, người nghe sẽ hình dung được ngay tài sản của đương sự nhiều ít thế nào: "Giàu như Quản Nghi" "Giàu bằng Quản Nghi chứ?" "Thấm gì so với Quản Nghi, giỏi lắm cũng chỉ mới với tới cái ống quyển của ông ta..." Dòng họ này chia làm nhiều chi, nhiều nhánh, phân tán rải rác khắp các tỉnh miền Trung, vào đến Sàigòn, và nghe đâu vươn dài qua Tây nữa cơ! Cho đến thuở đó, con cháu Quản Nghi nhiều người vẫn còn chiếm những vị thế cao trong mọi lãnh vực. Có người là bác sĩ nổi tiếng khắp nước; có người là chính trị gia từng gây

sóng gió trên chính trường; có người đi vào văn học sử bằng sự nghiệp thi ca đồ sộ; có người được xem như những doanh gia đầy quyền lực, có khả năng khuynh đảo nền kinh tế quốc gia... Riêng gia đình cô Tâm, tuy là cháu nội, thì lại sa sút quá đáng. Hậu quả do người cha hư hỏng của cô. Người đàn ông này mê cờ bạc hơn bất cứ thứ gì trên đời. Nơi nào có bài bạc lớn, nơi đó có mặt ông. Những Kim Chung, Thế Giới trước kia, những Quận Năm, Chợ Lớn sau này... đều nhẵn mặt ông. Tự cổ chí kim, có ai khấm khá nhờ bài bạc bao giờ? Cho nên ruộng nương vườn tược, ngay cả cái dinh cơ đồ sộ gồm mấy dãy nhà ngói ngang dọc mênh mông chiếm ngự cả một khoảng đồi thấp đắc địa nhất vùng cũng lần hồi rơi vào tay chủ khác. Đến lúc cô Tâm bước vào tuổi trưởng thành thì gia sản khánh kiệt đến độ cô phải bỏ dở việc học để phụ với mẹ buôn tảo bán tần hầu chống đỡ sự suy sụp quá đáng của gia đình. Người cha hư hỏng kia bấy giờ đã trở thành một gã đàn ông vất đi, từ sáng tinh mơ đến tối mịt, ông ta đắm chìm trong men rượu, lấy những cơn say mịt mù làm lẽ sống còn.

Bề ngoài có vẻ hiền thục nhu mì nhưng cô Tâm lại là người khôn ngoan và bản lãnh. Chỉ một thời gian ngắn sau khi đã là người yêu của chú Giản, bằng cách này hay cách khác, những tình địch của cô dần dần bị hạ đo ván không chừa một ai. Tôi vì khâm phục chú Giản nên cũng rất mến cô. Không biết từ lúc nào, tôi trở nên một thuộc hạ thân tín của hai người. Cha cô Tâm, tuy nát rượu nhưng đối với gia đình vẫn còn là một quyền uy đáng sợ. Ông biết đứa con gái quan hệ... bất chính với "thằng giang hồ" có xuất xứ mập mờ nên rất không bằng lòng, thường theo dõi ngăn trở. Vì vậy, mỗi lần hai người muốn gặp nhau, muốn có những giờ phút riêng tư với nhau, tôi luôn luôn được giao phó nhiệm vụ làm một tên lính gác, và tôi đã chu toàn "trọng trách" một cách rất đáng khen. Bù lại, tôi được chú Giản truyền cho ít tài hoa của chú. Chú dạy tôi vẽ, chú dạy tôi làm thế nào để phóng một khuôn mặt chỉ nhỏ bằng đầu ngón tay lên mặt giấy lớn, làm thế nào để vờn ngọn bút lông từ sắc độ đậm chuyển dần qua nhạt, tạo chiều sâu "y như chụp"... Nửa năm theo thầy, tôi đã chập chững vẽ được chút đỉnh. Chút đỉnh thôi, nhưng cũng đủ để tôi... "hù dọa" bọn bạn bè cùng trang lứa. Tôi vô cùng hả hê sung sướng. Nghĩ, một ngày nào, không xa, sự hào hoa phong nhã của chú Giản cũng sẽ là của tôi, của riêng tôi.

*

Nhưng niềm hả hê sung sướng đó không tồn tại được lâu. Một biến cố không ngờ nhất đã đảo lộn tất cả mọi chuyện, biến lòng kính trọng tôi dành cho chú Giản thành nỗi đau đớn khôn nguôi. Cho đến ngày nay, đã mấy mươi năm trôi qua, hầu hết những người từng tham dự vào thảm kịch kia đã ra người thiên cổ, hoặc đã xiêu giạt phương nào, vậy mà mỗi lần nhớ lại, sống lưng tôi vẫn lạnh toát, trái tim tôi vẫn như có một mũi nhọn bén ngót xuyên qua, đau buốt.

Biến cố khởi đi từ một buổi chiều.

Như mọi buổi chiều khác, sau khi từ trường về, tôi cất nhanh cặp sách rồi ba chân bốn cẳng chạy ra bờ sông, nơi có căn nhà của chú Giản. Khi đi ngang qua khu vườn hoang, bụng tôi bỗng quặn đau. Có lẽ mấy trái quít chua cùng ăn với thằng bạn trong giờ ra chơi là nguyên nhân? Tôi vội vã rời lối mòn, vạch cỏ lủi sâu vào bên trong. Tôi biết cuối đáy khu vườn hoang, phía tay trái, có một con lạch nhỏ chảy ra sông, nơi đó khuất kín và có nhiều nhánh cây oằn ngang qua con lạch, sà mấp mé mặt nước. Ngồi trên những nhánh cây này, dưới bóng râm của các tàn lá rậm để làm cái công việc thứ tư trong tứ khoái, dĩ nhiên sẽ thần tiên nhất trần đời. Lúc sắp đến con lạch, tai tôi bỗng nghe từ phía sau một bụi rậm tiếng cười nghèn nẹt, khúc khích của một giọng nữ và tiếng thì thào của chú Giản. Vâng, cái giọng Bắc khàn khàn rất ấm này nhất định không thể của ai khác ngoài chú Giản. Làng tôi, làm gì có người thứ hai nói giọng Bắc?

- Cả tuần nay không gặp em, nhớ em quá...

Tôi ngồi thụp nhanh xuống cỏ, định thối lui. Nhưng tính tò mò của một cậu trai mới lớn đã giữ chân tôi lại. Tôi muốn biết rõ sự cố gì đang xảy ra phía sau bụi rậm kia. Phân vân vài giây, tôi thận trọng vạch nhẹ cỏ lau bò tới... Hình ảnh đầu tiên đập vào mắt tôi là hai bắp đùi trắng nhễ nhại của một người con gái đang quằn quại dưới thân thể vạm vỡ của chú Giản. Cỏ quá rậm, và đang ở trong vị thế núp lén nên tôi không thể nhìn thấy phần trên của hai người. Cô gái bây giờ không còn cười nữa, chỉ nghe tiếng thở hổn hển gần như tắt nghẹn trong cổ họng. Chiếc quần mỹ a đen láng còn vướng lùng nhùng dưới hai đầu gối cô ta. Chú Giản cong người với tay tuột ra. Chú tiếp tục thì thào:

- Bao năm rồi em vẫn tuyệt vời như xưa. Anh yêu em, anh yêu em nhất...

Tôi rướn người lên, cố gắng nhìn rõ mặt cô gái. Cô Tâm, chắc chắn là cô Tâm. Tôi nghĩ, dù có hơi nghi hoặc. *Bao năm rồi...*, Tại sao lại bao năm rồi? Cô Tâm chỉ mới là người yêu của chú trong vòng sáu bảy tháng nay thôi mà! Và mới ngày hôm qua cô Tâm vừa đem thuốc lá cà phê đến cho chú đấy thôi! Làm gì có chuyện *cả tuần nay không gặp em*. Tôi mím môi cố nhịn cười. Cái ông chú này thật... Mê tơi quá đâm lú lẫn! Cô gái vòng tay ôm ghì tấm lưng bóng lưỡng của chú Giản, hơi nhổm người xoay nghiêng để chú vén chiếc áo cánh lên cao. Khi chú Giản quỳ dạng chân hai bên hông cô gái ngồi dậy, nguyên phần thân trên và khuôn mặt cô ta lộ hẳn trên thảm cỏ xanh. Trời ơi. Sống lưng tôi chợt lạnh toát!

Mẹ tôi...

Mẹ tôi...

Mẹ tôi...

Mẹ tôi đấy ư?

Nhưng làm sao lầm được! Có thể nào lầm được dưới ánh sáng tuy đã nhá nhem nhưng vẫn còn trông rõ mồn một của buổi chiều tà?

Suýt tí nữa mồm tôi bật ra tiếng kêu thảng thốt. Tôi nằm sụp xuống. Cố sụp xuống, cho thật sát mặt đất. Tôi sợ hai người nhìn thấy tôi hay tôi sợ chính tôi sẽ nhìn thấy rõ hơn hoạt cảnh trước mắt? Sống lưng tôi vẫn lạnh toát, và trái tim tôi vừa đập nhốn nháo, vừa đau nhói từng cơn.

Phía sau bụi rậm, diễn biến có lẽ đang đi đến giai đoạn cao điểm. Trong tai tôi lùng bùng tiếng rên rỉ, tiếng thở hổn hển, tiếng nấc nghẹn từng cơn... Nước mắt trào ra hai bên khóe, tôi run rẩy bò ngược lại lối cũ. Cơn đau bụng đã rút mất từ bao giờ... Ra đến lối mòn, tôi dừng lại một vài giây rồi vùng chạy như một thằng điên. Tôi chạy, bán sống bán chết. Tôi chạy, như bị ma đuổi. Tôi chạy, không định được hướng, chỉ một cảm giác duy nhất tôi còn nhận ra là phía trong lồng ngực, chỗ tay trái, cơn đau mỗi lúc một lớn hơn, dữ dội hơn. Miệng tôi nóng bừng, cổ họng bỏng cháy. Tôi có cảm tưởng thiếu hẳn dưỡng khí để thở. Trên mặt, nước mắt vẫn tiếp tục tuôn trào nhem nhuốc. Tôi chạy, chạy mãi... Hai chân dường như đang bị một ma lực vô hình nào đó đẩy về phía trước, không thể cưỡng chống, dù mệt đứt hơi.

Và tôi chỉ dừng lại khi nhận ra mình đang đứng trước nhà cô Tâm.

Cô Tâm.

Tại sao?

Sự thôi thúc tối tăm nào của tiềm thức đã đưa tôi tới đó?

Cho đến ngày hôm nay tôi vẫn chưa tìm ra lý do. Cái lý do kỳ bí đã là nguyên nhân của một loạt những thảm kịch xảy đến cho những người thân của tôi. Cha tôi, mẹ tôi, và ngay cả chính bản thân tôi.

Từ sau chái bếp cô Tâm tất tả chạy ra khi nghe tiếng tôi gọi thất thanh. Nhìn khuôn mặt đầm đìa nước mắt của tôi, cô vội ôm tôi vào lòng:

- Nín, nín. Việc chi rứa...

Tôi ngước mặt nhìn cô. Mười hai tuổi, lẽ ra tôi phải khôn hơn. Mười hai tuổi, lẽ ra tôi phải biết cân nhắc điều lợi lẽ hại. Nhưng lòng tôi, tim tôi, óc tôi, toàn thân tôi đã ướt sũng nỗi bi thương cùng cực. Trong cơn hoảng loạn đó, làm sao tôi có đủ sáng suốt để tự chủ, để tính toán thiệt hơn? Tôi ngước nhìn cô. Tôi ngước nhìn cô... và cơn khóc âm ỉ trong ngực bỗng trào ra, nức nở. Cô Tâm vừa cuống quít vỗ về vừa gặng hỏi nguyên do.

Cuối cùng, cũng như tôi, khuôn mặt cô dần dần trắng bệch ra, dù những lời kể của tôi không mấy mạch lạc, luôn tắc nghẽn trong tiếng nấc nghẹn ngào.

Cô Tâm chợt buông tôi ra, nhìn xoáy vào mắt tôi. Giọng cô trở nên khô khốc, lạnh lẽo. Âm thanh thoát ra từ môi cô, xuyên qua hai hàm răng nghiến chặt, như tiếng cọ xát của hai mảnh thủy tinh, khiến tôi rùng mình, toàn thân run bắn:

- Thiệt chớ. Em thấy thiệt chớ?

Tôi gật đầu.

Cô Tâm vùng chạy. Tôi nức nở nhìn theo. Cho đến khi bóng cô khuất hẳn trong rừng cây phía khu vườn hoang từ lâu, tôi vẫn còn đứng ngẩn ngơ rũ liệt dưới chái hiên, lòng rối bời ngổn ngang hàng trăm nỗi niềm tủi cực, đau đớn không cùng.

Sau này, qua bàn tán của bà con lối xóm, tôi được biết cô Tâm đã lục sạo khu vườn hoang và bắt tại trận đôi "gian phu dâm phụ". Cô "cướp" được một "chiến lợi phẩm" là chiếc quần mỹ a của mẹ tôi, tức tốc mang đến nhà tôi, gọi cha tôi ra giao cho ông kèm theo hàng loạt những lời

rủa sả mắng nhiếc tàn tệ nhất mà ngôn ngữ của loài người có thể diễn đạt được.

Tôi không có mặt lúc đó nên không thể hình dung thái độ của cha tôi ra sao. Chỉ biết, sau đó, không bao giờ tôi gặp lại chú Giản, cũng không bao giờ tôi gặp lại cô Tâm. Gã giang hồ tài hoa lãng tử đã cao chạy xa bay đến một phương trời khác, có lẽ cùng với người đàn bà chanh chua bản lĩnh, để lại hậu quả là cái "địa ngục có thật" mà tôi, một đứa trẻ mười hai tuổi, phải chứng kiến, tham dự hàng ngày.

Cha mẹ tôi không bỏ nhau. Luân lý, phong tục, con cái... không cho phép họ làm điều đó. Nhưng cũng bởi những hệ luỵ ràng buộc kia, họ đã biến thành những con thú khốn quẫn nhất, tồi tệ nhất. Mẹ tôi hốc hác rạc rày hẳn ra, chẳng hiểu vì hối hận, vì nhớ thương người tình giang hồ tài hoa hay vì những đòn thù của cha tôi. Cha tôi, người đàn ông trầm tĩnh, chừng mực, nghiêm khắc, đã không quên được mối nhục. Ông dai dẳng trả thù người vợ tội lỗi bằng cái cách bề ngoài xem ra rất... nhẹ nhàng nhưng lại hết sức tàn độc. Tôi từng nhìn thấy, nhiều lần, rất nhiều lần cách trả thù vô cùng hiệu quả của ông.

Thỉnh thoảng, vào buổi sáng, khi mẹ tôi dọn lên bàn phần ăn sáng của cha tôi, ông giữ bà lại:

- Đứng đó, tui biểu.

Đã đoán trước việc gì sắp xảy ra, mặt mẹ tôi trở nên nhăn nhúm thất đảm. Cha tôi chậm rãi móc túi vất lên bàn tờ giấy bạc mười đồng, hất hàm:

- Đó, trả công tối qua.

Mẹ tôi đứng chết lặng như một tượng gỗ. Cha tôi vừa kéo phần ăn sáng về phía mình, vừa thản nhiên nhắc:

- Cầm đi, còn chờ gì nữa?

Thường, mẹ tôi cúi gầm mặt cắn răng chịu đựng.

Nhưng cũng có một đôi lần, bà vùng lên phản kháng, dù là cách phản kháng rất yếu ớt của một con chó bị đánh đau trước mặt chủ:

- Ông muốn làm gì tui thì làm, giết tui tui cũng cam chịu, chỉ xin ông đừng hành hạ tui nữa.

Cha tôi ngả người ra thành ghế, ông ngước nhìn bà. Trong đôi mắt ông một tia lửa rừng rực căm thù trộn lẫn tủi nhục tóe ra:

- Tui hành hạ chi cô? Nghề của cô mà! Ăn bánh trả tiền... Chuyện tất

nhiên phải rứa. Tui đâu phải thánh thần gì, thỉnh thoảng cũng có lúc con heo lòng khốn nạn trong người tui nó đòi hỏi, đi ra ngoài giải quyết thì rắc rối mắc công...

Mẹ tôi bật khóc:

- Xin ông tha cho tui, xin ông để tui yên...

Cha tôi cười khẩy, xô ghế đứng dậy. Ông bước ra ngoài lấy xe đạp đi biệt. Thường những lần như thế hoặc ông mất tăm vài ba ngày, có khi cả tuần, hoặc nếu trở về ngay trong ngày thì cũng đến giữa khuya, nghiêng ngả xiêu vẹo trong cơn say mù mịt.

Cho đến một đêm, đang ngon giấc tôi bỗng giật mình choàng tỉnh. Tiếng hét nức nở của mẹ xoáy vào tai:

- Tui là vợ ông, không phải đĩ, ông không có quyền đối xử với tui như rứa.

- Mi không phải đĩ thì là thứ chi? Là trâu, là chó à?

- Ông tàn nhẫn cũng vừa vừa thôi...

- Tàn nhẫn? Tao sòng phẳng, tiền trao cháo múc. Tao ngủ với mi, tao trả tiền hẳn hoi, tao không ăn lường chơi chạy, mi phải chiều theo ý tao, nghe rõ chưa... rõ chưa... hở?

- Trời ơi! Sao tui khốn khổ như ri hả trời! Nếu không vì hai đứa nhỏ, tui chẳng còn thiết sống làm chi...

- Mi đã làm đĩ bao nhiêu năm ni, đã rạc rày cả xác lẫn hồn, còn bày đặt trí trá... Hừ, vì hai đứa nhỏ! Loại người như mi mà còn nghĩ đến con cái à?

- Tui không nghĩ đến tụi nó, không lo cho tụi nó thì là ai? Ông ích kỷ cũng một vừa hai phải thôi chớ! Bao nhiêu năm ni ông chỉ biết có rượu chè thơ phú, vợ con chẳng thiết đoái hoài. Bộ tui là cái máy đẻ, là con sen cái ở, là đất đá vô tri chắc? Nói thiệt với ông, nếu ông cư xử có tình có nghĩa với tui một chút, chắc chắn tui đã không sa ngã hư hỏng như rứa mô...

Cha tôi hét lên:

- Đồ khốn nạn... Đồ đĩ rạc... Mi còn dám đổ lỗi cho tao à?

Tiếp theo, tiếng bàn ghế ngã đổ. Tiếng mẹ tôi khóc rống...

Tôi bịt chặt hai tai, úp mặt xuống gối. Những giọt nước mắt tủi cực trào ra ràn rụa nhớp nháp. Bên cạnh tôi, thằng em trai lên tám cũng đã

lồm cồm bò dậy, nó dương mắt nhìn tôi, dò hỏi. Tôi đẩy thằng em nằm xuống, thì thào:

- Ngủ đi... ngủ đi...

Bỗng cánh cửa phòng cha mẹ tôi bật tung, bung đánh sầm vào vách. Trong ánh sáng tù mù của ngọn đèn dầu trên trang thờ tỏa ra yếu ớt, tôi nhìn thấy mẹ tôi nửa thân trên để trần, đầu tóc rối bù rũ rượi, phóng chạy lảo đảo ra ngõ. Phía sau, tiếng hò hét thô tục lồng lộn ném theo.

Một lúc lâu, tiếng chửi rủa của cha tôi thưa dần rồi dứt. Thằng em trai có lẽ đã ngủ trở lại. Tôi nằm, mặt vẫn vùi vào gối. Tôi hoang mang lo sợ không hiểu mẹ chạy đi đâu giữa đêm hôm khuya khoắt? Tôi muốn trở dậy ra ngoài tìm mẹ nhưng cứ mường tượng đến khuôn mặt đằng đằng sát khí của cha, tôi sợ.

Tôi trằn trọc mãi đến gà gáy sáng rồi mệt quá thiếp đi.

Trong giấc ngủ chập chờn, tôi nhìn thấy mẹ tôi quần áo tả tơi, gần như trần truồng, khắp người máu me đầm đìa, đang cố gắng chạy về phía trước trên hai chân nghiêng ngả loạng choạng. Sau lưng mẹ, một cái bóng khổng lồ, đen ngòm, gấp rút đuổi theo. Cái bóng, với hai cánh tay dài vươn tới, vươn tới. Hai cánh tay càng lúc càng dài thêm ra và bỗng chốc biến thành hai chiếc vòi bạch tuộc lởm chởm gai nhọn. Khi hai chiếc vòi sắp bắt kịp để quấn quanh thân thể mẹ thì chú Giản bỗng hiện ra. Chú ôm lấy mẹ, hai cánh tay mẹ choàng qua lưng chú. Chiếc quần mỹ a lùng nhùng dưới hai đầu gối mẹ, chú Giản khom người tuột ra, tiếng chú thì thào *Cho anh đi... cho anh đi...* Cô Tâm xoáy tia nhìn bén ngót như dao vào mắt tôi, *Thiệt chớ, mi thấy thiệt chớ*? Cô chạy như biến vào rừng cây phía khu vườn hoang, tiếng cô chói lói vang dậy giữa không gian lồng lộng của buổi chiều tà *Đồ trốn chúa lộn chồng... Đồ trốn chúa lộn chồng... Đồ đĩ rạc thúi tha...*

Tiếng hét của cô Tâm lôi tôi ra khỏi giấc mơ.

Bên ngoài, trời đã sáng từ lâu. Nắng mai trải trên miếng sân đất một màu rực rỡ, cùng lúc tôi nghe thấy chung quanh xôn xao tiếng người. Tôi dụi mắt ngồi dậy bước ra sân.

Chỗ góc sân, dưới chái hiên, xác mẹ tôi tái ngắt, mái tóc búi xổ tung bê bết đất cát rong rêu. Hai mắt trắng dã trợn trừng, từ chiếc miệng há hốc với hai vành môi thâm tím, nước đang rỉ rỉ trào ra. Nửa thân trên không mặc áo, chiếc quần đen còn sũng nước dán sát vào da, đã đứt

bung chiếc khuy cài bên hông vì chiếc bụng trương phình như bụng của một sản phụ sắp đến ngày sanh. Cha tôi đứng bên cạnh, đầu ông gục sâu xuống ngực, hai vai nhô cao, bất động như một tượng đá.

Tôi bật khóc nức nở.

Tôi bật khóc nhưng không dám bước đến gần xác mẹ. Một phần, tôi sợ cha, một phần khác, lần đầu tiên tôi nhìn thấy một xác chết chết trôi, trông dị dạng và khủng khiếp quá. Chung quanh, bà con chòm xóm tụ lại mỗi lúc một đông. Tôi nghe người ta rì rào bàn tán. Tôi nghe, tiếng được tiếng mất bằng hai lỗ tai đã lùng bùng, nhưng cũng đủ để hiểu sự cố xảy ra: Bác Tư Nhàn, người đàn ông làm nghề chài lưới, sáng nay vừa xuống đến bến sông đã nhìn thấy xác mẹ tôi dập dềnh chỗ chân cầu. Mẹ tôi, trong cơn hoảng loạn sơ sẩy chết đuối hay cố tình quyên sinh? Tôi không biết, mãi mãi không biết!

Cái chết của mẹ đã đẩy cha tôi xuống tận đáy cùng của kiếp người khốn khổ. Lớp vỏ cương cường đến tàn nhẫn bấy lâu nay cha mặc trên người bỗng chốc rệu rã rơi rụng, cha ngập dần trong sự suy kiệt từ thể xác đến tinh thần. Với ông lúc bấy giờ, ngày và đêm chỉ được phân biệt bằng những cơn say dảo điên thần trí và những giấc ngủ nhọc nhằn ác mộng. Một thời gian ngắn sau cái chết của mẹ, cha tôi hoàn toàn biến hình thành một con người khác, mái tóc ông bạc trắng, rối bù dính bết vào nhau, khuôn mặt sạm đen, lưỡng quyền nhô cao, đôi môi thâm sì nứt nẻ, hai mắt lúc nào cũng ngầu đục, lèm nhèm những ghèn. Tiền bạc còn lại không được bao nhiêu kể từ ngày mẹ tôi qua đời đã bị ông đem đốt sạch vào men rượu. Tình cảnh gia đình sắp rơi vào chỗ vô phương cứu vãn.

Nghĩa là cả ba cha con có nguy cơ chết đói.

Tôi bỏ học lao vào đời. Bằng đôi tay non yếu của tuổi mười ba, tôi không từ nan bất cứ công việc gì, miễn có tiền. Trước, nuôi thân, sau, nuôi em và đáp ứng phần nào nhu cầu gần như vô giới hạn của cha tôi: men rượu. Tôi chưa đủ lớn để can ngăn cha, vả lại, dù biện minh cách nào tôi vẫn không thể xóa được mặc cảm rằng mọi sự cố tan nát đã xảy ra một phần lớn khởi nguồn từ tôi. Nếu tôi đủ thông minh và tự chủ để đừng "khai" ra hành động tội lỗi của mẹ với cô Tâm thì có thể mọi chuyện đã không xảy đến, mẹ tôi đã không chết, cha tôi đã không như bây giờ. Tôi cắn răng nhận gánh mọi cơ cực cùng những cơn say điên

cuồng của cha với một niềm an ủi què quặt: Chỉ có sự hy sinh may ra mới cứu rỗi được phần nào tội lỗi tôi đã gieo.

Phần số của gia đình tôi những tưởng như thế đã yên, dù là sự yên ổn của một ngôi nhà mồ hoang phế lạnh lẽo. Nhưng thảm kịch lại đến một lần nữa vào năm tôi mười lăm tuổi. Cha tôi, trong trận rượu từ một đám giỗ làng bên trở về, đã lại ngã xuống sông và chết đuối. Ông say quá ngã sông hay cố tình quyên sinh? Lại một câu hỏi nữa mãi mãi tôi sẽ không bao giờ giải đáp được. Như mãi mãi không tìm thấy câu trả lời, về cái chết của mẹ, hai năm trước.

Chúng tôi trở thành những đứa trẻ mồ côi thực sự. Một người bà con xa nhận em tôi về nuôi. Riêng tôi, cảm thấy khó lòng sống yên trong ngôi làng này, ngôi làng đã lưu giữ quá nhiều kỷ niệm đau thương, vả lại, ở đây chẳng còn một hệ lụy nào khả dĩ khiến tôi lưu luyến. Cuối năm mười lăm tuổi, tôi rời khỏi làng, bắt đầu cuộc sống giang hồ thực sự. Cuộc sống của chú Giản, trước kia. Lạ lùng chưa? Ngày xưa chú Giản rời gia đình năm mười lăm tuổi, bây giờ cũng với số tuổi mười lăm, tôi thực sự làm chủ đời mình!

Những khổ đau, những tang thương, những bất hạnh, những nổi trôi thành bại... Con đường chông gai tôi đã đi qua gần trọn một kiếp người, có lẽ cũng không cần thiết để kể lại. Bao nhiêu năm sống trong cuộc đời, tôi đã chứng kiến không ít những thảm kịch to lớn, sá gì cái thảm kịch nhỏ nhoi của đời tôi? Chỉ có một điều tôi vẫn chưa thể hiểu là cho đến ngày hôm nay, mỗi lần nhớ lại chuỗi biến cố kia, cảm giác nhói đau chỗ trái tim vẫn còn nguyên vẹn, vậy mà, lạ quá, lòng tôi vẫn không gợn lên một chút căm thù nào khi nghĩ về chú Giản. Trái lại, trong những lúc cùng cực nhất bởi khốn khó, tôi vẫn cố gắng bằng mọi cách vượt qua, vươn lên để tiếp tục đi tiếp con đường ngày xưa chú Giản đã chọn, con đường của một nghệ sĩ. Phải chăng trong tiềm thức tôi, hình ảnh tài hoa của chú Giản đã quá sâu đậm, nó trở thành một ước mơ có khả năng bôi xóa tất cả mọi tình cảm yêu thương ghét giận? Hay phải chăng, cũng từ tiềm thức, ý hướng trả thù đã được thăng hoa để trở thành một nỗ lực vượt qua, vượt trên kẻ thù? Ngày xưa chú Giản chỉ là một anh thợ vẽ chân dung tầm thường, làm sao so sánh với tôi bây giờ, đã là một họa sĩ? Ngày xưa chú Giản chỉ có một vài bài thơ đăng báo, làm sao so sánh với tôi bây giờ, đã là một nhà văn?

Tôi không biết.

Lại nữa, năm tháng qua đi, tuổi đời chồng chất, tôi càng thấy rõ hơn điều này: Ngoại trừ những thánh nhân - nếu quả thật có thánh nhân - tất cả chúng ta, những con người bình thường, đều mãi mịt mù trầm luân trong điều phải lẽ trái. Quả thật rất khó khăn khi muốn phân định rạch ròi đâu là biên giới giữa thiện và ác. Ngày xưa tiền nhân đem quân tiến về phương Nam, san bằng Chiêm Thành, làm cỏ Chân Lạp, bây giờ chúng ta nức lòng ca ngợi tiền nhân đã có công mở mang bờ cõi. Nhưng người Tàu cũng mang quân vượt ải Nam Quan, mưu đồ thống trị đất Việt, chúng ta vùng lên chống cự và gọi họ là quân xâm lược. Đúng sai chỗ nào? Thiện ác ở đâu? Phải chăng đúng sai, thiện ác chỉ là những kết luận có tích cách chủ quan, phiến diện? Nếu cha tôi tỏ ra chăm sóc mẹ tôi hơn, nếu bà thực sự tìm thấy hạnh phúc bên cạnh một người chồng có trách nhiệm, biết lo toan, thì chuyện ngoại tình có xảy ra không? Nếu những người đàn bà - trong đó có cả mẹ tôi - không yêu thương chú Giản, không nhìn thấy chú như một niềm ước mơ họ thiết tha tìm kiếm thì làm thế nào chú có cơ hội rong chơi trong tình ái? Và cái ma lực quyến rũ của chú, cái tài hoa của chú, bản chất đa tình của chú nào phải tự chú tạo nên? Không thể quy trách tội lỗi cho ngọn đèn nếu vì ánh sáng của nó mà những con thiêu thân đã tự nguyện lao vào, rụng chết tả tơi.

Xét cho cùng, mỗi người sinh ra đều gắn liền với một định mệnh. Chú Giản, mẹ tôi, cha tôi, và cả tôi nữa đều là những quân cờ nhỏ nhoi trên một bàn cờ nghiệt ngã mang tên định mệnh.

Nhưng tại sao tôi cứ mãi tìm cách biện minh, bênh vực chú Giản?

Phải chăng trong huyết quản tôi, dòng máu của chú Giản đang cuồn cuộn chảy? Phải chăng sợi dây vô hình nhưng thiêng liêng của huyết thống đã trói buộc hai chúng tôi lại với nhau, đã khiến tôi không thể nào nghĩ về chú Giản như nghĩ về một kẻ thù đã từng gây ra bao nhiêu biến cố tai ương?

Tôi không biết.

Chỉ có một người duy nhất có đủ thẩm quyền để trả lời nghi vấn kia: Mẹ tôi.

Buồn thay, bà đã ra người thiên cổ!□

NGUYỄN THỊ NGỌC NHUNG

chuyện tình, đoạn cuối

●

Đêm Kỳ đến nhà Tá bị lạc, sương mù nhiều hơn bình thường. Nhiều đến nỗi Kỳ đã có cảm tưởng lạc lúc bước xuống xe *bus*, trạm cuối cùng ở S. Đó cũng là chuyến cuối cùng, không còn chuyến nào trở lại *downtown* F. Đã quá nửa đêm. Cũng không còn *bus* từ S. về D. City. Không còn chuyến nào. Hết.

Kỳ đứng một lát. Như muốn định hướng. Ánh đèn néon xanh đỏ của khu thương mại đã đóng cửa, chỉ còn thấp thoáng qua màn sương càng lúc càng dầy. Một mình Kỳ đứng chơ vơ nơi lề đường, bên tấm bảng trạm xe *bus* và cái băng gỗ dài. Kỳ thụt lui mấy bước, dí mặt sát vào cửa kính tiệm *ice cream 31* nhìn đồng hồ. Mười hai giờ bốn mươi ba. Kỳ nhìn quanh. Ánh đèn đường màu vàng quyện lẫn với khói sương nhè nhẹ làm mờ mắt. Hắn tìm điện thoại. Không thấy đâu cả. Hắn nhớ mọi lần ngang qua đây buổi trưa, thấy trụ điện thoại công cộng, mà giờ, mọi thứ rối rắm lẫn lộn với sương mù, không nhớ nó nằm nơi nào.

Bỏ ý định gọi Tá ra đón, Kỳ kéo cổ áo khoác *marine* lên cao, kéo *zipper* lại. Tóc bắt đầu ươn ướt. Đi về phía tay mặt của tiệm 31. Con đường sẽ dẫn xuống dốc nhỏ, vòng ngang hồ M., đi qua khu nội trú trường, thêm một đoạn trống, đến dãy nhà nơi Tá ở. Đường đến nhà Tá trong trí nhớ của Kỳ. Không rõ ràng mấy vì Kỳ đến nhà Tá một lần, ngồi trên xe của Tá và Tá lái.

Đường dổ dốc. Không có đèn đường. Càng lúc càng tối. Càng lúc càng mịt mù vì sương. Càng lúc càng lạnh. Kỳ có cảm tưởng sờ soạng. Hắn cố gắng dò chừng khoảng cách lề đường, nhớ đoạn xuống dốc này, hai bên lề trũng sâu, bên dưới có nhà ở. Kỳ đi chậm lại, dốc không cao nhưng lài và cong queo. Tối om. Im lặng. Chỉ nghe tiếng thở của hắn. Hai bàn tay của Kỳ lạnh ngắt trong túi áo khoác. Hắn bước xiêu vẹo. Tránh không nghĩ gì hết. Cố tập trung tinh thần vào từng bước đã bắt đầu nghe mỏi. Hắn đi chưa lâu. Dễ chừng mười, mười lăm phút, mà đã nghe mệt. Ương ngạnh. Hắn cố không nghĩ đến ước lượng đoạn đường còn lại mà

chăm chú bước. Thấp thoáng xa xa, có lẽ xa lắm, một chùm ánh sáng vàng nhạt lập lòe như vỡ vụn trong màn sương dầy đặc. Hắn cúi đầu. Có tiếng dế gáy đâu đây. Có lẽ đây là đoạn gần hồ. Hắn nhớ có đoạn gần hồ, cỏ cây dại mọc hoang. Nếu vậy thì đã hết dốc. Bỗng dưng Kỳ thở ra một hơi, cố giữ bước chân đều đặn. Chùm ánh sáng vàng như treo lơ lửng càng lúc càng gần. Hắn chăm chú bước theo lề đường có chỗ mẻ. Lề chỗ tráng xi măng, chỗ không. Có đoạn nơi giữa dốc không tráng xi măng, cát lụn vụn lẫn lộn với nhiều bụi cỏ dại mọc lấn ra đường nhựa. Kỳ nhẩm đoán khoảng cách nhìn thấy được quanh mình. Trên dưới năm sáu thước là cùng. Hắn vẫn, và có lẽ sẽ không bao giờ, quen được đơn vị đo lường của dân xứ này. Năm sáu thước vẫn nghe gần hơn là mười lăm *feet*. Kỳ có cảm tưởng như cái "hào quang" của mình chỉ rọi được năm thước tròn chung quanh. Đến đâu tỏ rõ đến đấy. Nên vẫn mò mẫm, vẫn như sờ soạng. Chùm ánh sáng vàng gần hơn. Đoán được trụ đèn. Nên cần tìm kiếm bảng tên đường trên trụ. Như để kiểm chứng lần chót với mình rằng đã đúng đường. Như để tự đánh lừa mình, đánh lừa cặp chân mỏi, rằng sắp đến nhà Tá. Kỳ bước lên lề đường tráng xi măng. Hắn hơi cúi đầu nhìn quanh. Lề đường khoảng gần trụ đèn được tráng rộng, lấn khá sâu vào trong, qua khỏi tầm nhìn năm sáu thước của hắn. Không phải một trụ đèn. Cách đấy có một, hai, ba trụ đèn khác. Hình như khá nhiều nhưng hắn chỉ nhìn thấy ánh sáng lơ lửng trong màn sương dầy chứ không rõ trụ nằm ở đâu. Kỳ cố nhớ đoạn này là đoạn nào trên con đường đến nhà Tá. Không rõ. Không nhớ đã thấy nhiều trụ đèn. Vả lại, hôm ấy buổi trưa, Kỳ không để ý đến trụ đèn. Hắn lại gần trụ đèn nhìn lên. Chỉ có một tấm bảng cấm đậu. Thất vọng. Kỳ nhìn quanh. Bước sát ra lề đường. Bên kia có nhiều chùm ánh sáng. Ngã tư hay ngã ba? Hình như đường về nhà Tá không có chỗ quẹo trừ nơi hắn ở ba bốn dãy nhà giống nhau. Kỳ cố nhớ. Nhìn quanh đi quẩn lại, cũng vẫn lề đường xi măng, chùm ánh sáng vàng phía đằng kia, chung quanh, trên đầu trụ đèn. Mọi thứ mờ mờ ảo ảo đến độ khó chịu. Và lạnh. Lạnh một cách nhẹ nhàng như thấm dịu qua lớp áo lính *marine*, qua lần áo len mỏng, qua sớ vải sơ mi, chạm đến da rờn rợn. Kỳ rút tay khỏi túi áo, xoa xoa má. Nghe da mặt lẫn da tay lạnh ngăn ngắt. Hắn thổi hơi vào lòng bàn tay khum. Vẫn lạnh. cái cảm giác lạc lõng bực bội. Kỳ quả quyết bước theo lề xi măng. Con đường về nhà Tá không quẹo. Hắn nhớ như vậy.

Hơi thở bắt đầu nặng. Mồ hôi rịn rươm rướm nơi nách. Nhưng vẫn nghe lạnh. Kỳ mò mẫm túi áo tìm thuốc lá. Không thấy đâu cả. Có lẽ đã bỏ quên. Ở đâu? Hình như trên bàn ngủ bên giường. Không. Nhớ lúc với tay bật đèn tìm áo, nhìn thấy mặt bàn ngủ trống trải. Vậy thì ở đâu? Kỳ mò mò, đập tay nơi túi áo. Túi nào cũng xẹp lép. Kỳ chặc lưỡi một mình. Tóc ướt sương. Sực nhớ cái nón quấn tròn nơi cổ áo lính. Hắn vội mở nút, hai tay vướng víu cồng kềnh. Úp chụp cái nón lên đầu, kéo sợi dây thắt nơi cổ. Đỡ lạnh hơn lúc nãy. Hai tay được che kín. Kỳ để ý nhìn. Đoạn đường đang đi, lề đường sạch sẽ bằng phẳng. Hắn ngừng lại. Nhìn. Bên trái tối om om. Bên phải chỗ có đèn chỗ không. Hắn nhìn kỹ hơn. Bên phải là phố nhà. Nằm tụt vào phía trong hơi xa tầm nhìn năm sáu thước của hắn là những bãi cỏ từng miếng vuông dọc theo lề đường ngăn nắp. Hắn ngẩn người. Nhớ đường đến nhà Tá, không có đi ngang phố nhà. Lại nhìn quanh nhưng chỉ thấy màn sương lả tả. Bên trái vẫn tối om. Bên trái là hồ M. Bên phải? Nơi hắn đứng? Đường đến nhà Tá, ngang qua hồ M. Nhưng hồ nằm phía tay phải trên hướng đi. Bây giờ nó nằm bên trái. Tại sao? Kỳ nhớ mình không quẹo nơi nào cả. Hắn đứng lần quần mất năm mười phút rồi quyết định tiếp tục đi tìm trụ đèn nơi ngã tư. Nhất định phải có một trụ đèn nào đó có bảng tên đường. Đoạn phố nhà khá dài. Kỳ nghe lạnh hơn lúc nãy. Rồi hết đoạn phố nhà. Hai bên đường đều tối om.

*

Kim Thuyền đứng đó mà như không có đó. Tối thứ sáu nhà hàng đông khách. Thuyền như trôi giữa đám đông ồn ào. Nàng làm việc như máy. Lấy nĩa lấy khăn. Rót nước. Để dĩa xuống bàn. Ghi thức ăn. Rượu. Bia. Cho đến khi mấy giọt nước bắn nơi áo lông đắt tiền vắt trên lưng ghế, Thuyền nghe muốn khóc trước cặp lông mày nhíu lại của khách. Nàng nâng cao vạt áo *kimono* lau lấy lau để nơi giọt nước hình như chẳng có dấu vết gì cả, mồm lẩm bẩm xin lỗi. Josie nặng nề từ bên trong bước lại gần cười nịnh bà khách, cúi xuống nhìn cái áo lông, khen mấy câu, đôi mày của bà khách giãn dần giãn dần. Nhìn Thuyền ra hiệu, Josie chào mời khách thêm mấy câu rồi trở về nhà bếp. Thuyền im lặng đi theo, biết trước cơn bão cằn nhằn của Josie.

Ở đây, Josie là vua. Ở cái nhà bếp rộng rãi của một nhà hàng sang trọng nổi tiếng nơi *downtown* F. này, Josie là vua. Cô ta điều khiển nhân

viên buổi tối. To béo, thích ăn, thích son phấn đậm nét, Josie có vẻ già hơn tuổi. Cô ta thích được nhân viên nịnh, ưa kết bè kết đảng để xếp họ những bàn có khách quen hào sảng thích ngồi. Tiền *tip* mỗi đêm đủ để tạo nên gièm pha ganh ghét lẫn nịnh bợ trong đám đàn bà mặc đồng phục *kimono* bưng dĩa, rót rượu. Josie dùng móng tay xỉa răng trong lúc nói với Thuyền.

– May cho cô nó chỉ là mấy giọt nước. Nó mà là cà phê thì chết cô rồi. Cái áo lông đó trị giá vài chục ngàn. Khách nơi này ăn mặc mắc tiền. Cô nhớ cẩn thận giùm. Kính quần áo của họ như là kính họ. Nhớ chưa? Lương cô không đủ để trả tiền giặt cái áo lông đó đâu!

Thuyền im lặng không nói. Biết tính Josie. Không hiểu sao lại nói ít hơn thường ngày. Hất đầu bảo Thuyền đi làm tiếp. Thuyền trở ra ngoài. Trở lại với những người ngồi ăn uống kiểu cách. Trở lại với ánh đèn mờ nhạt. Trở lại với những dĩa thức ăn sửa soạn cầu kỳ kèm với giá tiền tối tăm mặt mũi những người như Thuyền.

Khi Thuyền thay cái *kimono* đồng phục, hơn mười giờ rưỡi đêm.

Định đã chờ sẵn bên ngoài cửa, xe để đèn *emergency* chớp tắt. Sương mù xuống đầy bên dưới đường C. Hàng đường sắt dọc dài theo dốc sáng loáng. Thuyền vào xe im lặng. Định lái xe đi, tiếng bánh xe rít lên vì tuột dốc rồi bắt được đà. Thuyền muốn khóc. Chợt nghe tủi thân muốn khóc. Chợt nghe nồng nồng ở mũi. Chớp chớp mắt. Đừng. Thôi đừng. Nhưng đã trễ. Giọt nước đầu tiên lăn nhanh theo chớp mắt. Thôi. Đừng. Chặn giọt thứ hai bằng lưng bàn tay. Định liếc thật nhanh về phía Thuyền không hỏi. Sự không hỏi của Định. Cái im lặng của Định. Thuyền day mặt ra cửa, khóc lặng lẽ. Định chỉ nghe tiếng nấc. Hắn vẫn im lặng. Không dỗ dành. Không hỏi han. Sự im lặng của Định. Sự chịu đựng của Định. Không có giới hạn. Thuyền khóc gần hết nửa đường về nhà. Rồi ngồi thẳng lên, giọng nói ráo hoảnh.

– Xin lỗi.

Nghe như Thuyền tự xin lỗi mình.

– Lúc nãy Josie cằn nhằn nên Thuyền buồn.

Định vẫn im lìm không nói gì. Thuyền dựa đầu cửa kính. Cảm nhận sự rung chuyển trên mặt đường âm âm nơi đầu. Nói gì đi chứ Định. Thuyền nhìn sống mũi thẳng, cái trán ngắn, cặp môi dầy của Định. Nói gì đi Định. Tại sao Định cứ im lặng như thế kia? Nói gì đi Định. Nói đi.

Thuyền chớp chớp mắt. Bóng tối theo ánh đèn đường, nghiêng qua ngả lại trên mặt Định. Nói gì đi Định. Tóc lệt bệt mấy sợi lòa xòa nơi trán. Tóc che phân nửa tai. Tóc dài chấm cổ áo. Định. Sao không nói gì hết vậy? Định? Nói gì đi Định. Lông mi ngắn, con ngươi hơi lồi nơi hố mắt không trũng. Định không đẹp. Không bắt mắt nhìn. Cái cằm to với cổ ngắn như đính liền. Không thấy trái táo Adam nơi cổ. Thuyền khép mắt phân nửa, tưởng như thấy được sự xấu trai của Định giảm đi phân nửa. Nói gì đi Định. Hãy nói một câu gì đó kéo cơn giận căng cứng lồng ngực xẹp của Định. Nói đi Định. Hắn không nói chi hết, chăm chú lái xe. Tưởng như cái đời sống này không có gì hệ trọng hơn việc lái xe đưa Thuyền về. Không. Không phải chỉ có việc lái xe. Mọi việc đều được Định làm một cách cẩn trọng. Quá sức cẩn trọng. Ngay cả việc đưa đón Thuyền. Ngay cả việc yêu mến Thuyền. Cẩn trọng. Sự cẩn trọng đáng ghét. Nói gì đi Định. Bào chữa hay buộc tội chi đó. Mở đầu cho Định đó. Nói đi. Mở miệng đi. Cho cơn bão chữ nghĩa trôi tuột qua cuống họng ra ngoài chứ đừng ngậm miệng nuốt nó vào bụng. Định, đừng nuốt nó vào bụng, khó tiêu. Nói gì đi Định.

★

Kỳ đứng thật lâu, cố nhìn. Chung quanh tối vì sương. Hắn mơ hồ biết mình đang ở đâu. Phía bên kia hồ M. Nơi không có nhà cửa. Một bên là hồ. Một bên là dốc. Nhiều cây dại. Kỳ lần mò qua đường. Hắn biết dọc theo hồ là con đường trải nhựa nhỏ nằm bên trong lề dành cho người chạy bộ. Kỳ biết con đường sẽ dẫn hắn trở lại một chỗ rẽ về phía đại học. Đến khu nội trú, hắn có thể gọi cho Tá đến đón. Kỳ nhìn đồng hồ. Cho dù có dạ quang, hắn vẫn không nhận ra kim lớn kim nhỏ. Chung quanh Kỳ, tối om om một cách khó chịu. Hắn bắt đầu đi tiếp, chậm rãi, thỉnh thoảng ngừng lại chăm chú nhìn xuống đất, lấy chân dò dò hai bên lề con đường nhựa nhỏ. Kỳ đi trong bóng tối. Trong sương mù. Tối tăm. Hai chân đã mỏi nhưng cố không nghĩ đến. Đừng nghĩ đến. Hãy nghĩ đến thứ khác. Hãy nghĩ đến Thuyền. Giờ này. Giờ này là mấy giờ. Lại nhìn đồng hồ. Không thấy gì cả. Có lẽ Thuyền đang ngủ. Hay đang thức? Thức với Định? Như hai cái bóng lục đục cách nhau tấm vách nhà mỏng manh bằng thạch cao? Thuyền đâu xứng với Định. Không xứng với Định. Nhưng sao... Thôi đừng nghĩ đến. Nghĩ đến điều khác. Nghĩ đến thứ khác. Nghĩ đến một cái gì đó đừng nhắc nhớ đến Thuyền đến Định. Kỳ

vấp chân, sủi mũi giầy, suýt té. Hắn đứng lại nhìn quanh. Vẫn tối om. Vẫn lạnh. Vẫn sương mù, cảm thấy vai áo lính khoác ngoài bắt đầu ướt. Đi thêm một quãng. Kỳ nhớ đến Thuyền. Buổi chiều hai đứa nằm bên nhau. Ngực Thuyền nhỏ, không đầy bàn tay úp của hắn. Phòng Thuyền tối. Cửa đóng kín. Căn phòng nằm trong nhà xe thấp chuồi theo con dốc đường W., không cửa sổ. Thuyền gối đầu nơi tay hắn. Tóc có hai ba mùi lẫn lộn. Hình như mùi keo pha lẫn mùi nước hoa Ombre Rose trộn với mồ hôi. Hắn hít dài. Hơi lạnh. Không phải mùi tóc của Thuyền. Khoảng xương sườn. Khoảng da bụng mịn. Áp mặt lên đấy. Nhìn gần. Nhìn gần. Những sợi lông tơ thật mảnh. Êm ái. Chỗ gối đầu êm ái. Chỗ gối đầu. Những đường cong uốn thật mềm như đụn cát. Rồi chuồi theo dốc. Rơi xuống. Xuống nữa. Hắn kéo Thuyền áp trên người mình. Nhẹ. Như hạt sương đang bay lảo đảo. Cảm giác. Vỡ tung. Tràn lan. Vị *champagne* châm chích. Bọt biển. Ồn ào. Cảm giác lên xuống. Trên. Dưới. Nhức buốt ngất ngây. Bừng bừng khắp nơi. Xúc cảm. Như đứng nơi mỏm đá cheo leo nhìn ra biển. Gió bưng tai. Giác quan mở cửa. Trùng khơi dậy sóng. Thuyền ngồi. Trên người hắn.

Kỳ đứng lại. Đàng trước có ánh đèn vàng. Thấy cả sương mù bao quanh dịu dàng như ánh đèn có hào quang. Bất giác Kỳ đi như rảo bước. Nhanh hơn. Lại gần ánh đèn. Cổng vào. Kỳ đứng sát cổng. Đọc tấm bảng hình cong bên trên cao. Cổng vào hội du thuyền. Con đường từ từ dốc xuống. Kỳ cố nhớ. Hắn mới đi được nửa hồ. Không. Không nhớ được. Kỳ lái xe vòng quanh hồ một lần. Một lần duy nhất. Xe của Định. Với Thuyền. Kỳ đút tay túi áo lầm lũi đi. Hai chân mỏi. Đầu gối mỏi. Đầu gối của Thuyền xương. Bàn chân của Thuyền cũng xương, không đầy. Xương vai to, Thuyền hơi gầy. Da nơi mông có chỗ nứt, nhiều đường chạy dài song song. Hồi đó Thuyền mập. Tập thể dục ăn ít, xuống ký nhanh quá nên da bị nứt. Đầu ngực mỏng manh, vẻ con gái. Đầu gối Kỳ mỏi. Nhưng vẫn cố bước đều, lôi chân này, lôi chân kia. Buổi chiều nằm với Thuyền. Định ở phòng bên kia. Rất gần. Tưởng như Định đang lắng nghe bên này. Thuyền đang ngồi...

Chùm ánh sáng vàng thật nhiều phía trước. Kỳ cố lê chân. Mỏi lắm rồi. Lạnh nữa. Sương nhiều. Hình như hắn đã trở lại chỗ có nhiều chùm ánh sáng lúc đầu? Kỳ đứng dưới cột đèn, tìm hướng, nghĩ ngợi. Hắn ngồi bệt xuống đất nghỉ mệt một chút. Nhưng, ngồi, hơi lạnh thấm sâu hơn

lúc đi. Kỳ đứng dậy. Tiếp tục đi tới. Chỉ còn bên phải là tối. Bên trái thấp thoáng ánh đèn xa xa. Kỳ đi loạng choạng từng bước ngắn. Hơi thở dồn. Hai tay vung vẩy, chạm phải rào sắt bên phải. Hàng rào mắt cáo bên phải. Sắp đến khu nội trú đại học. Kỳ bắt đầu nhớ. Đối diện khu nội trú là một khoảng đất lớn nhiều cây cối có hàng rào mắt cáo. Khu đất lớn. Chưa bao giờ Kỳ tò mò khu đất gì. Sân *golf*? Hay khu đất hoang? Từ từ thấp thoáng ánh đèn đường, từng đoạn từng đoạn, ở đây đã nhìn thấy nhờ từng chùm sáng có hào quang lơ lửng. Sương mù dầy đặc khiến khung cảnh tối tăm kỳ cục. Kỳ tiếp tục đi bên này đường cho đến khi gặp cột đèn xanh đỏ, giật mình ngừng lại. Không phải ngã tư. Cột đèn để bộ hành qua đường. Chỗ này không có ngã tư. Bên kia đèn là khu nội trú. Hắn đã đi hơi quá một chút. Khu nội trú có bốn tòa nhà thật cao. Hắn bấm đèn nơi trụ. Không có xe nhưng hắn vẫn cẩn thận. Nhìn bên kia, chỉ thấy thấp thoáng dạng chữ *WALK*. Kỳ bước xuống đường, đi thật nhanh. Bãi cỏ. Con đường nhỏ đâu mất. Lề đường lẫn lộn với bãi cỏ. Bức tường. Phía lưng. Cửa đâu? Cửa đâu? Lạnh khiến Kỳ cuống quít. Tìm không ra cửa vào tòa nhà nội trú. Hắn đi vòng quanh. Bãi cỏ, bụi cây. Khoảng sân xi măng. Mọi thứ lẫn lộn. Sương dầy như muốn bịt mắt. Kỳ lần mò đến cửa kính. Khóa. Lắc lắc mạnh. Bên trong, qua một lần cửa kính nữa, thấp thoáng có dáng người. Hắn lắc lắc cửa mạnh hơn. Bên trong không thấy ai bước ra. Kỳ đi men theo tường, nhớ tòa nhà có đến hai, ba lối vào. Cửa kính lớn sẽ khóa sau mười hai giờ đêm nhưng mấy cửa bên hông dễ lẻn vào nếu chịu khó đợi có người bước ra. Hắn đi lòng vòng, tìm mãi không thấy cửa hông nào. Sương mù khiến hắn rối rắm. Bực bội. Hắn đi lòng vòng, trở lại nơi có trụ đèn xanh đỏ lúc nãy. Nách ướt mồ hơi nhưng lạnh vẫn lạnh. Mấy đầu ngón tay cóng lạnh. Mũi lạnh. Kỳ đứng lớ ngớ nơi cột đèn không biết làm gì. Đầu gối mỏi. Đầu óc hắn quay cuồng nhiều dự định. Trở vào khu nội trú? Đi xuyên hết mấy tòa nhà vào đến khuôn viên đại học? Sau lưng *administration* có mấy cái điện thoại công cộng. Trước thư viện cũng có hai cái. Cửa sau thư viện có một cái. Bên trái tòa nhà khoa học có một cái. Bên khu *business* có một dãy năm cái. Kỳ bỗng bật cười. Không ngờ mình nhớ rõ điện thoại công cộng trong trường như vậy. Nhưng từ đây, đi đến khuôn viên đại học cũng mất trên dưới nửa giờ. Và đi trong sương mù mịt mờ như thế này, chắc chắn hắn sẽ bị lạc. Lưỡng lự một lát, Kỳ qua đường. Hắn lại đi

dọc theo hàng rào mắt cáo. Uể oải. Chậm rãi vì đầu gối mỏi nhừ. Bắp thịt chân như muốn bị chuột rút. Hắn thở phì. Nhìn đồng hồ. Đã ba giờ sáng. Trời. Hắn mất mấy giờ đi vòng quanh hồ. Lãng nhách. Đoạn đường từ khu nội trú có trụ đèn đường thỉnh thoảng nên không đến nỗi nhưng sương mù dầy như khói bay.

Kỳ đi như người say. Lảo đảo. Chậm rì. Lê từng bước. Hắn mỏi chân lắm rồi. Dễ chừng trên dưới năm sáu cây số. Kỳ cúi đầu nhìn xuống mũi giày, chân trái, chân phải. Bước. Bước. Trái. Phải. Bước. Bước. Chợt hắn cảm thấy có cái gì đi theo. Kỳ dừng lại nhìn bên trái. Chiếc xe cảnh sát cồng kềnh im lặng cũng dừng lại. Hắn bước lại. Chưa đến gần cửa thì có ánh đèn bật lên chói mắt rồi vào mặt, giọng nói rè rè qua cái loa.

– Đứng lại. Anh đi đâu giờ này?

Kỳ khựng mất mấy giây mới trả lời được.

– Tôi đến nhà bạn. Cho tôi hỏi thăm. Phải đường này về D. City?

– Phải. Anh có biết bây giờ là gần ba giờ rưỡi sáng không? Có uống gì không đấy?

– Không. Không. Tôi đi lạc nãy giờ.

– Bạn anh tên gì? Địa chỉ?

Kỳ đánh vần tên Tá, đọc địa chỉ, số điện thoại. Ánh đèn vẫn chiếu ngay mặt khó chịu. Kỳ không biết trong xe có bao nhiêu cảnh sát. Tiếng rè rè máy truyền tin khi phát khi ngừng, xì xì, lè xè, nhiều tiếng nói chen lẫn, lộn xộn. Ánh đèn vụt tắt. Kỳ chớp mắt nhiều lần. Giọng nói không qua loa trầm hơn.

– OK. Lên xe tôi cho đi nhờ một đoạn. Từ đây đến D. City cũng phải hai dặm nữa. Lên xe đi.

Cảnh sát công lộ, dềnh dàng cao lớn, hắn mở cửa sau cho Kỳ lên xe. Vừa đóng cửa, hắn vừa xin lỗi.

– Ngồi tạm phía sau vậy. Cảm phiền. Luật lệ.

Kỳ kéo nón xuống. Trong xe rất ấm. Ấm đến độ Kỳ nghe khó chịu. Băng trước và băng sau được ngăn bởi một tấm kính dầy với lưới sắt mắt cáo. Khẩu *shotgun* vắt chéo. Kỳ nghểnh đầu nhìn đằng trước đèn xanh đèn vàng loạn xạ nơi *dashboard*, phía gần băng ghế ngồi. Hắn chưa kịp gợi chuyện câu nào thì xe đã ngừng. Kỳ tìm nắm cửa để mở. Không có. Phía sau dùng để chở người bị bắt nên chỉ có nắm cửa bên ngoài. Người cảnh sát xuống xe. Chiếc xe nhún một cái. Hắn đi vòng qua bên này mở

cửa cho Kỳ. Chỉ đường cho hắn. Còn mắng mỏ vài câu rồi mới để hắn đi.

Kỳ mò đến *apartment* 22 của Tá. Bấm chuông. Bính beng. Bính beng. Chuông lớn đến độ bên ngoài nghe rõ mồn một. Có lẽ gian kế bên cũng nghe. Căn bên dưới lầu, căn bên phải, căn bên trái cũng nghe Kỳ bấm chuông. Hơi lo ngại Tá không có nhà. Có giọng ngái ngủ hỏi vọng ra ngoài. Nghe không rõ, Kỳ đáp bừa. Tao đây. Tao đây. Kỳ đây. Mở cửa.

Tá bật đèn, mở cửa. Kỳ ào vào.

– Lạnh quá. Lạnh quá.

Kỳ cởi áo khoác ngoài ném lên ghế, vào phòng ngủ vớ cái mền trên giường quấn vào người. Tá vội rót cho Kỳ Brandy vàng óng.

– Uống đi. Ấm lắm.

Rượu nồng nơi cổ họng nhưng để lại dư vị nóng.

– Mày gọi tao từ chiều sao giờ này mới đến?

– Đi lạc. Hết xe *bus* về đây, tao đi bộ. Tưởng gần, nào ngờ xa quá, đi lạc hết một vòng quanh hồ. Mò đến nội trú của trường thì nó đóng cửa. Sương mù dầy quá tao tìm không ra cửa để vào trong gọi *phone* cho mày.

*

Không đợi Định ngừng hẳn lại, Thuyền vội mở cửa xe bước xuống. Nàng đi một mạch đến cửa gỗ bên hông nhà, kéo sợi dây gài chốt bên trong, lần mò theo thang lầu trong bóng tối bước xuống nhà xe. Phòng rất rộng chia làm đôi. Nửa trước là chỗ đậu xe của chủ nhà. Nửa sau, ngăn vách thành hai phòng nhỏ. Thuyền ở bên này, bên kia thuộc về Định. Không phòng nào có sưởi. Cả hai dùng chung phòng tắm nhỏ cũng nằm trong phạm vi nhà xe. Thuyền về phòng, hối hả. Hy vọng mỏng manh. Không. Phòng tối đen. Thuyền đẩy công tắc. Ánh sáng vàng. Giường nhỏ trơ trọi, mền gối lẫn lộn với khăn trải giường vò nùi. Kỳ đã đi rồi. Không biết từ lúc nào. Thuyền lục lọi bàn học. Mọi thứ vẫn vậy. Sách vở. Hộp vuông viết chì cắm ngược đầu. Nàng ngồi trên giường im lặng. Bên ngoài có tiếng bước chân nặng nề của Định xuống thang. Phịch phịch. Từng bước một dù Định không mang gì nặng trên người. Khác với bước chân nhanh và nhẹ của Kỳ. Thôi, đừng nghĩ đến Kỳ. Hết bậc thang, không còn nghe bước chân của Định, Thuyền mở nút áo khoác ngoài, cởi vắt lên lưng ghế. Có tiếng gõ nhẹ rồi giọng Định rè rè.

– Thuyền cần gì không?

Thuyền muốn nói nhưng lại thôi. Không nghe Thuyền trả lời, Định ngần ngừ rồi trở về phòng mình. Thuyền đang cần Kỳ. Thuyền đang cần người đàn ông khác. Thuyền không cần thứ gì nơi Định cả. Nhưng Thuyền vẫn ngồi im không động đậy. Kỳ đã đi rồi. Thuyền biết chắc vậy nhưng vẫn hy vọng Kỳ quay lại, bước chân nhanh nhẹ nơi thang lầu. Chìa khóa nhà, chìa khóa phòng, Kỳ có đủ. Thuyền đánh dấu chúng bằng sợi dây nhiều màu sặc sỡ thắt riêng rẽ với chùm khóa nhiều chìa của Kỳ. Những buổi sáng, mặt Định sững sờ nhìn thấy Kỳ nơi phòng Thuyền. Ánh mắt sững sờ đau đớn không phản ứng khiến tim Thuyền dấy lên chút thương hại nhưng lại hài lòng với thái độ im lặng của Định. Thuyền biết mình đang đong đưa trên sợi dây treo cao giữa thinh không, với Kỳ. Rơi xuống. Kỳ tan xương. Nhưng Thuyền sẽ được Định hứng giữ. Biết vậy. Biết vậy. Cuộc tình không có tương lai. Họ là chiếc ghế ba chân bắt buộc phải giữ thăng bằng. Một tối nằm với Kỳ bằng một năm ngồi học bên Định. Biết vậy. Mà không làm được gì hơn. Không thể nằm hoài với Kỳ mà cũng chẳng ngồi học mãi bên Định được. Không đặt được tình cảm lên bàn cân. Không được. Định sắp ra trường. Kỳ mới trở lại đại học sau sáu năm chẳng làm gì cả. Không. Có làm đấy chứ. Làm đàn ông. Định sắp ra trường nhưng vẫn chưa làm được đàn ông trong khi Kỳ chưa chắc sẽ xong đại học nhưng đã là đàn ông. Có lẽ, suốt đời, Định không bao giờ thành đàn ông. Thuyền nghĩ vậy. Định không biết yêu. Kỳ yêu quá nhiều. Quá nhiều. Những người đàn bà, thu hút bởi Kỳ, bởi cái đàn ông trong Kỳ, quấy nhiễu Kỳ. Kỳ có đàn bà để sống và để chết. Nên không chịu chết cho một người. Thuyền biết vậy. Biết vậy. Mà vẫn yêu Kỳ. Vẫn sống chết yêu Kỳ. Vẫn đạp bừa lên nỗi đau của Định để yêu Kỳ. Nhưng lại không rời Định. Thuyền không hiểu nổi mình. Nàng cần Kỳ. Nhưng cũng cần Định. Dường như, linh tính đàn bà cho Thuyền biết, Định sẽ là bến đậu muôn đời trong khi Kỳ chỉ là con bướm nhởn nhơ. Không thể cắt cánh bướm và cũng không thể trôi nổi suốt đời không bến đậu.

Thuyền nằm xuống. Lắng nghe. Tiếng động bên kia phòng của Định. Không có tiếng động. Lúc nào Định cũng cẩn trọng rụt rè, ngay cả trong đời sống hàng ngày, ngay cả trong tình yêu Thuyền. Bàn tay mạnh bạo nhưng mềm mại lùa trong tóc Thuyền, giữ lấy cổ, kéo lại gần để hôn, tự nhiên. Bàn tay đó không thể là của Định với ngón ngắn thô, vụng về, không biết phải làm gì, ngay cả khi họ ngồi kề bên nhau, rất gần mà cũng

rất xa. Mọi cử chỉ hành động của Kỳ, tự nhiên, rất tự nhiên như thể Kỳ sanh ra để làm những điều đó. Trái lại, Định lúng túng ngọ nguậy như con rùa bị lật ngửa. Thuyền đưa tay kéo mền đắp ngang ngực, nước mắt rơi dài. Còn có ngày mai nhưng hình như Kỳ đã đi rồi. Ra khỏi đời Thuyền. Sẽ không bao giờ Thuyền cảm nhận lại được sự thoải mái dễ dàng tự nhiên của hai người yêu nhau nằm bên nhau buổi tối trời se lạnh nhẹ. Không bao giờ. Mà chỉ có bổn phận, vai trò, trách nhiệm, đáp lễ. Đáp lễ. Định nhàm chán nhưng Định là người tốt. Định mệnh đã giải quyết giùm Thuyền bài toán khó giải. Bài toán Thuyền nhắm mắt giả vờ như không có mỗi khi ôm cổ Kỳ, thoáng thấy ánh mắt dại đau của Định đâu đó. Một người chồng nhàm chán. Mỗi đêm nằm xuống. Bổn phận của người đàn bà làm vợ làm nơi giải quyết. Tình yêu không có. Chỉ có nghĩa. Mà nghĩa thì... có đáng để hy sinh tình yêu?

*

Đứa con gái chạy từ xa nhưng Tá đã nhận ra dáng cao gầy, tóc dài chấm vai bay tung. Thuyền đó. Tá dừng lại. Thuyền đó. Người con gái chạy tới. Đôi giày cao gót nện lình bình trên thảm đỏ nơi phi trường. Hớt hải. Hai mắt đỏ. Đầy nước mắt. Cổng 69. Hành lang dẫn ra cổng 69 dài vì đấy là cổng xa nhất nơi phi trường. Chạy. Chân nện ầm ầm. Tóc bay tung. Tá kêu.

– Thuyền. Thuyền. Kỳ nó đi rồi. Đi rồi.

Thuyền dừng lại, thở, nước mắt tuôn thật nhanh. Đi rồi à? Bay rồi à? Không có lời từ giã. Chưa có lời từ giã. Vĩnh biệt. Tá lúng túng trước mặt Thuyền. Hắn không ưa Thuyền. Lại càng ghét hơn, những giọt nước mắt. Thuyền đứng nơi cửa sổ nhìn ra ngoài. Chiếc nào? Chiếc nào? Đã cất cánh rồi. Đã đi rồi. Đã rời xa rồi. Vĩnh viễn. Tá không muốn nhìn Thuyền nhưng cũng không thể bỏ đi, đành xoay lưng lại nhìn nơi khác, chờ đợi. Vừa kịp nhận ra dáng Định đi lạch bạch, Tá nhíu mày. Cái thằng. Tệ hơn cả chó. Đưa người yêu đi tiễn tình nhân của nàng. Còn ai dại hơn? Tá vừa tự hỏi vừa đưa tay bắt tay Định. Họ đều là bạn của nhau. Bạn. Kể cả Kỳ. Cũng là bạn. Họ đều quen nhau, biết nhau cả. Bạn, cả thảy, đều là bạn. Những thứ bạn làm phiền lẫn nhau bằng tình cảm, rất phiền. Định đứng lớ ngớ bên Tá, có vẻ lạc lõng, bối rối. Thuyền đứng một mình, tách rời, nơi cửa sổ lớn nhìn ra phi đạo và khóc. Như trời sương mù tối qua. Tá muốn về nhưng Thuyền vẫn đứng đấy và Định vẫn đứng kế bên im lặng.

Hai tay Định đút túi áo, lấy ra, đút túi quần. Lấy ra, mò mẫm đâu đó trên quần áo rồi lại đút túi áo. Như con lật đật, nhưng lại là con lật đật chầm chậm, *slow motion*. Kỳ cục. Tá sực nhớ đến chồng dĩa nhạc Kỳ dặn trao lại Thuyền. Chồng dĩa hẳn nhét trong *trunk* xe hai ba tuần lễ có lẽ đã cong giãn méo mó. Không hiểu sao Tá lại nói.

– Hôm qua nó chạy hết nơi tìm cách ở lại mà không được.

*

Clara còn ngái ngủ. Mặt mày sượng cứng không son phấn, có vẻ tả tơi, kiểu gái điếm trong phim ảnh. Không trung thực. Tóc lòa xòa nơi trán che mặt, Clara vén tai lên, luôn tiện nhấc điếu thuốc rời môi, đập nhẹ nơi gạt tàn. Nàng giữ điếu thuốc bằng hai ngón, ba ngón còn lại chống nhẹ nơi trán. Bối rối. Khó chịu. Kỳ ngồi đối diện, tách cà phê pha vội vàng nơi cái nhà bếp bừa bãi của Clara, xoay tròn tròn nơi tay. Tá dựa người nơi bếp. Chỉ có hai ghế.

Con dán màu vàng, nhỏ, bò ngập ngừng trên cái dĩa dơ. Nó bò loanh quanh như không tin nổi cái dĩa là của mình. Một mình mình. Nó không biết Tá đang nhìn nó. Bồn rửa. Đầy ngập đủ loại dĩa tách đủ màu, nhiều chỗ mẻ. Cặn thức ăn, vụn bánh mì, dao phết bơ còn dính bơ, răng nĩa còn chút sốt cà, vài ba sợi *spaghetti* nằm vắt ngang, hộp *cereal* nằm chồng trên đống dĩa dơ, giấy vò vụn, miếng *foam* đựng thịt, cục *chewing gum* màu xanh cũng vo tròn, kiến đen một hàng dài nối nhau từ bồn rửa lang thang ngang qua cần mở nước, vắt ngang bệ cửa sổ, rồi chấm dứt nơi kính cửa sổ có mấy đường nứt vỡ. Tá lại nhìn con dán ngập ngừng trên dĩa. Cọng râu run rẩy, mấy cái chân nhỏ, mảnh. Clara nói.

– Tôi cảm thấy tội lỗi khi làm điều đó.

Giọng của Kỳ êm ái. Cái thằng. Nói chuyện với đàn bà bao giờ cũng êm ái cho dù người đàn bà đó có thể là nặc nô chợ Bến thành không chừng.

– Clara, sao vậy? Đâu có gì tội lỗi. Clara chỉ giúp tôi, cứu tôi. Katie hay nói về Clara, khen cô dễ thương, tính tình phóng khoáng. Clara. Sao vậy? Có gì trở ngại chăng? Dĩ nhiên là trong việc này, có cả hai đứa mình. Clara cần gì, tôi phải giúp. Sao vậy Clara? Có điều chi trở ngại, cô nói đi, tôi sẽ tìm cách giải quyết ngay. Clara?

Clara vén tóc bằng ba ngón tay, hai ngón kia vẫn kẹp điếu thuốc. Nhìn xuống. Mặt bàn mi ca có nhiều chỗ mẻ. Dấu vết cà phê lẫn sốt cà

đã đổi màu cùng với nhiều vệt dơ khác khó nhận diện. Nhìn xuống. Clara nhìn xuống, ba ngón tay chống trán. Cái mũi nhọn, xương, gãy. Cặp chân mày có dấu tỉa, nhỏ. Đôi môi khô, có chỗ nứt. Da mặt không đẹp, quá nhiều tàn nhang, khô. Tóc đỏ nhưng màu đen ở chân tóc lộ liễu. Clara lắc nhẹ đầu.

Con dán đã ngừng lại.

– Cả ngày hôm qua tôi cứ suy nghĩ mãi rồi đâm ra hối hận, mặc cảm. Kỳ. Hiểu giùm tôi đi. Tôi muốn giúp anh lắm nhưng không được. Tôi giúp anh, ai sẽ giúp tôi? Tôi phải giúp tôi trước đã. Tôi không nghe thoải mái trong việc này, không nên làm. Tôi có thể bị tù...

– Không, không có chuyện đó được. Clara. Mọi chuyện, giấy tờ, đều hợp pháp. Mình đâu có giấu giếm hoặc giả mạo điều gì.

– Có chứ.

– Clara, chỉ là giấy tờ. Trên thực tế, cô không lệ thuộc vào tờ giấy đó. Tôi bảo đảm với cô điều này Clara, tôi không thể về được. Giúp tôi một lần này thôi. Hay là cô muốn nhiều hơn chút nữa? Không sao, tôi không có ngay bây giờ nhưng tôi có thể gọi điện thoại về nhà bố mẹ tôi. Please, please, Clara.

Clara vẫn lắc đầu, dáng vẻ khổ sở. Con dán chúi đầu vào nơi cặn thức ăn giữa lòng dĩa. Tá cầm hộp *cereal* rỗng lên nhắm. Con dán ngọ nguậy đầu có vẻ đa nghi. Tá đập mạnh. Tiếng động. Hai người ngồi nơi bàn ngoảnh nhìn rồi day trở lại tư thế cũ. Con dán bỏ chạy thoát thân.

– Tôi không làm được điều đó. Kỳ. Xin lỗi bạn nhiều lắm. Tôi loay hoay suy nghĩ, cảm thấy lương tâm cắn rứt, tội lỗi. Chiều qua tôi lấy hẹn đi bác sĩ phân tâm. Ông khuyên tôi đừng làm vì đó là chuyện phi pháp. Hơn nữa, tôi với anh không có gì hết, làm hôn thú với nhau là sai. Không được.

Đến phiên Kỳ ôm đầu. Mặt Clara nhìn lâu có một cái gì khó chịu. Gần như ngu ngu khờ dại chen lẫn với mệt mỏi dạn dầy một cách kỳ cục. Hai nét này không đi với nhau. Clara dụi điếu thuốc, moi bao lấy điếu khác, bật quẹt. Mỗi điếu, Clara hút chừng dăm ba hơi, còn thì để nó cháy cho đến tàn. Sợi khói mỏng manh tan trong không khí bừa bãi dơ dáy nhà bếp của Clara. Sợi dây kiến vẫn chuyển động nhịp nhàng lên xuống. Tá hất cằn nước, đẩy cái vòi. Sợi dây kiến rã bầy, tán loạn. Nhiều con bơi, trôi, nổi, lẫn lộn với đống dĩa tách dơ nơi bồn rửa. Kỳ nói.

– Clara, tôi năn nỉ cô giúp tôi. Đây là chuyện sống chết của tôi. Đành rằng sự giúp đỡ của cô có thể có một vài bất tiện trên đời sống cá nhân nhưng nó chỉ là tờ giấy. Clara. Tôi cần tờ hôn thú để được ở lại đây. Sau đó, mình làm tờ ly dị. Mọi chuyện đã có luật sư của tôi lo. Tốn bao nhiêu tiền, cô không phải bận tâm. Clara, mình biết nhau không lâu nhưng mình cùng biết Katie khá lâu. Tôi hiểu rằng chuyện không dễ nhưng mình là bạn với nhau, giúp nhau một lần. Cái hôn thú với công dân Mỹ, có thể chẳng là gì hết đối với nhiều người khác nhưng đối với tôi, nó rất quan trọng. Clara, đây là cơ hội cuối cùng để tôi dàn xếp lại đời mình. Tôi đang đi học trở lại. Tôi đang làm nhiều người vui vẻ hạnh phúc, kể cả bố mẹ tôi đã thất vọng vì tôi rất nhiều. Clara là sợi dây kéo tôi khỏi đáy địa ngục. Cô làm ơn cứu tôi. Cô có Terry, cô đâu muốn xa hắn. Tôi cũng vậy. Tôi đang yêu một người tuyệt vời nên tôi cũng không muốn xa người đó, hơn nữa, tôi muốn ở lại để được nhìn thấy *con tôi*. Clara, làm ơn.

Tá giật mình lắng nghe.

– Clara, nghe tôi lần chót. Suy nghĩ lại đi. Tôi chỉ còn có hai mươi bốn giờ nữa thôi. Cuộc đời tôi đang nằm trong tay Clara đấy. Cô gật thì tôi sống, mà cô lắc thì tôi chết. Tôi không dám ép buộc cô làm chuyện trái lương tâm, nhưng ở đây, đâu có chuyện gì xấu xa? Clara, nó chỉ là tờ giấy không có nghĩa gì hết trên thực tế. Sẽ không có ai biết chuyện này ngoại trừ mình ra. Hãy nghĩ lại đi, Clara.

Clara đứng dậy, đi đi lại lại, mấy ngón tay xoắn lại có vẻ khổ sở.

– Tôi nói không được là không được. Bác sĩ đã khuyên tôi như thế. Tôi không thích sống trong dằn vặt tội lỗi. Tâm tư của tôi nó đã không bình thường rồi, thêm chuyện nữa, tôi e không chịu được. Anh thấy không, thuốc an thần của tôi đây... uống ngày đêm mà tôi vẫn bị khủng hoảng. Tinh thần tôi đang xuống. Xin lỗi nhiều lắm. Xin lỗi cả Katie. Tôi không thể giúp anh việc này. Katie có thể tìm người khác giới thiệu với anh.

– Clara, tôi không còn đủ thì giờ. Katie bảo cô ấy chỉ tin tưởng mình cô thôi. Clara, cô tốn nhiều tiền đi bác sĩ phân tâm lắm phải không? Để tôi lo chi phí ấy. Thật. Để tôi lo.

Clara khựng lại một chút, rồi tiếp tục đi đi lại lại. Bối rối. Cái quần *jean* Clara mặc, loại rẻ tiền, sờn rách thật sự nhiều chỗ. Áo thun giặt nhiều lần ngả màu nhợt nhạt. Chiếc áo choàng ngủ khoác ngoài cũng tả

tơi chẳng kém. Chân Clara mang vớ trắng, bên dưới bàn chân, vớ đen mốc màu dơ. Tá không hiểu Clara ăn mặc kiểu gì. Áo choàng ngủ bên ngoài áo thun quần *jean*. Có lẽ sáng sớm trời hơi lạnh nên cô choàng cái áo vào cho ấm. Clara vất điếu thuốc vào đống dĩa dơ nơi bồn. Tiếng xèo tắt của đốm lửa nhỏ. Bầy kiến đen đã tập trung lực lượng lại, làm thành một sợi dây khác, đi ngoằn ngoèo tránh cần mở nước. Vài con kiến bị trôi lúc nãy loay hoay lên xuống ở chỗ không nước như ốc đảo, không biết làm sao để nhập trở lại sợi dây đen nhộn nhịp đằng kia. Clara nói.

– Tôi phải trả tám mươi đồng một giờ. Nhưng tôi đã nói rồi, không được đâu. Xin lỗi. Xin lỗi.

Chữ xin lỗi cuối rõ ràng là chữ đuổi. Kỳ đứng dậy.

– Nếu cô đổi ý, làm ơn gọi ngay cho tôi ở số này. Tôi đang ở tạm nhà nó.

Nó là Tá. Cả hai rời nhà Clara. Bên ngoài nắng đã lên nhưng không gian vẫn lạnh ẩm. Có mùi thông thoang thoảng ngây ngấy thơm. Kỳ đóng ập cửa xe bực bội.

– Đúng là cái giống lậm thuốc. Mới hôm qua gật đầu hăng hái, tao đưa năm trăm, cười tươi như hoa. Bữa nay đã rũ rượi say thuốc, đưa trả năm trăm, e không sống được vì mặc cảm tội lỗi. Khối đứa làm được điều đó mà sao...

Kỳ ngừng ngang ở đấy. Tá nhớ đến cái giật mình của mình lúc nãy.

– Hồi nãy mày nói thật hay nói đùa?

– Chuyện gì? À. Chuyện con cái gì đó hả? Làm gì có. Tao muốn bi thảm để năn nỉ nó mà không xong. Đòn tâm lý của tao làm sao bằng đòn tâm lý của một thằng cha bác sĩ lấy tám mươi đồng một giờ. Thôi, xong. Thế là xong. Mai tao về. Định mệnh đã an bài. Có gặp Katie, nhắn giùm, tao cảm ơn chị ấy rất nhiều. Tiếc rằng, Clara đổi ý vào giờ chót. Đáng lẽ giờ này tao với nó đứng ở tòa thị sảnh ký tờ hôn thú.

Kỳ dựa đầu nhắm mắt. Hình ảnh Thuyền quá ngọt ngào. Thôi, trả Thuyền về với Định. Mình cũng đã tội lỗi quá nhiều. Thuyền có thể lấy Định chứ Thuyền không thể lấy mình. Cả hai, chỉ có mối tình. Mà mối tình thì đâu đủ nuôi sống phần đời còn lại. Hơn nữa, mình có thật sự còn phần đời sau hay không? Kỳ tự hỏi. Nỗi đắm đuối đam mê trong tình yêu với Thuyền, nó chấm dứt ở đây, nhưng nó sẽ còn hoài trong tâm tưởng cả hai. Hãy để Thuyền lấy chồng. Mình không cần lấy vợ nhưng Thuyền

cần lấy chồng. Đời con gái có một lần sống vung vãi, thế đã đủ rồi. Định nó sẵn sàng quên, sẵn sàng tha thứ. Hãy để Thuyền lấy chồng, lấy Định làm chồng. Định mệnh của mọi người đã được sắp đặt sẵn. Kỳ đã cố quay ngược mọi thứ, cố níu lấy Thuyền, lôi kéo khỏi vòng quay nhàm chán của Định, một chuyện tội lỗi, lấy người yêu của người, tội lỗi, quay ngược cả đời Kỳ nhưng không được. Không đi ngược dòng đời sống được. Hãy thả Thuyền về với Định. Hãy thả mình về với sa đọa phía bên kia. Của Paris. Của phần đời ngập ngụa Kỳ muốn quên, nhưng sẽ phải trở về, ngày mai□

GIANG HỮU TUYÊN

tiếng kêu

●

Như con hươu lạc ngoài xa lộ
Ta hoảng hồn thấy xe cộ chạy tứ tung
Một thoáng mà núi rừng đâu mất hết
Đâu suối nguồn, bờ đá nước chảy quanh co

Ta mơ hồ nhớ một tiếng kêu
Từ giàn hoa lý khoảng ngang đầu
Từ phía sông Tiền qua sông Hậu
Từ điệu đàn tranh đến khúc đàn bầu

Từ buổi Huyền Trân xa đất mẹ
Tới Chiêm thành với nỗi ngậm ngùi riêng
Lòng ta đâu ở cùng hai châu Ô và Lý
Mà hiểu được Huyền Trân giữa trận tiền!

Phải chăng hồn dân Chiêm thuở trước
Mỗi năm về than khóc ở Đồ Bàn
Đã trù ếm ta, một tên dân mất nước
Lạc loài ngay với chính cả ta sao?

TRẦN DẠ TỪ

nụ hôn nhỏ

●

Thời son trẻ ở mãi cùng chúng ta
Hỡi bà đầm già tóc thưa da mốc
Đang dắt con chó nhỏ
băng ngang đường Tự do
Thời son trẻ ở mãi cùng bà

Thưa bà. Bà Margot
Tha lỗi tôi chậm tới dắt tay bà qua đường
Bà Margot. Không.
Bà vẫn là cô Marguerite thời xuân sắc

Súng thần công nổ vào cửa Thuận An
Bài giảng đạo lý khai trương trong thánh đường
Cô Marguerite ơi, cô tới đây cùng lúc
với những kẻ chinh phục tài giỏi

Ôi, Marguerite. Cô không biết đó thôi
Nửa thế kỷ trước đây
Ông nội tôi từng hào hoa phong nhã
Tay cầm giáo cần vương thề kháng Pháp
Nhưng lòng riêng vẫn muốn
cầm tay cô đầm nhỏ xinh tươi

Cô Marguerite ơi. Bà Margot ơi
Ông tôi chết ở Bãi Sậy, Quảng Bình, Yên Thế
Cha tôi chết
ở Bắc Sơn, Đồng Tháp, Thái Nguyên
Nửa thế kỷ qua đi
Những kẻ chinh phục tài giỏi đã ra đi
Nhưng bà ở lại quê hương còm cõi này
Như mẹ đồng trinh đã cao quý ở lại

Cô Marguerite, Bà Margot.
Bà cao quý bao nhiêu
Với chiếc mũ nan tơi tả bà đang đội
Chiếc sơ mi bạc màu bà đang mặc
Đôi dép con trẻ bà đang đi
Con chó nhỏ đen đủi bà đang dắt

Cô Marguerite, bà Margot cao quý, nhân từ
Bà không biết đâu, chiều nay
Trong giáo đường thay hố đạn thần công
Những tín đồ vàng vọt, đồng bào tôi
Đang quỳ hôn chân mẹ

Bà Margot.
Cho phép tôi hôn bàn tay bà lâu hơn
Đây là nụ hôn của đứa cháu côi cút, hoang đàng
Đứa cháu của những thế hệ đã liên tiếp thất bại
Liên tiếp bị tàn sát. Liên tiếp đứng dậy
Vẫn không hoàn tất nổi
sở nguyện cầm tay cô đầm nhỏ xinh tươi

Nụ hôn nhỏ nhoi. Bao nhiêu ẩn ức

Cô Marguerite. Bà Margot
Thời son trẻ ở mãi cùng bà
Như mặt đất ở mãi cùng chúng ta
Mẹ đồng trinh ở mãi cùng chúng ta

Bà Margot. Cô Marguerite.
Không. Phải gọi nồng nàn hơn:
Maggie của tôi
Nhận dùm tôi nụ hôn
Nhận dùm tôi quê hương còm cõi này
Như chúng ta cùng nhận trái đất xinh tươi
là quê hương

TRẦM PHỤC KHẮC

bên này

●

Em không hiểu đâu ngày mai
Chúng ta những kẻ đứng hoài trong sương
Mỗi thiên đường đổ một phương
Chỉ riêng một lối cỏ nhường nhịn hoa
Chỉ riêng một lối nhạt nhòa
Mà em gặp lại chẳng qua những ngày
Chúng ta ở lại bên này
Ngả nghiêng trời đất cao dầy bốn bên.

một người

●

Đêm xanh có kẻ đứng chờ
Trong căn nhà nhỏ bài thơ cuối cùng
Rào hoang ánh lửa bập bùng
Lũ cây bật rễ cười rung miếng nền
Một người đứng giữa vô biên
Gặp nhau chăng chỉ một miền rong chơi.

THỤY KHUÊ

VÕ PHIẾN

●

Trong giai đoạn 1957 – 1975, nói đến Võ Phiến, nhiều người liên hệ ông với tạp chí Bách Khoa. Điều đó đúng và không đúng. Một mặt, Võ Phiến viết đều cho Bách Khoa, dưới nhiều bút hiệu. *"Khi ký Võ Phiến, tôi viết những ý kiến của tôi. Khi ký tên khác, thường thường tôi thuật lại hay dịch lại ý kiến kẻ khác"*. (Tạp Bút, tr.381). Nhiều bài quan trọng của Võ Phiến đăng trên Bách Khoa. Mặt khác không đúng, vì Bách Khoa lúc đầu chỉ là tạp chí của một nhóm công chức cao cấp nghiên cứu về kinh tế, chính trị, thời sự do Huỳnh văn Lang, giám đốc viện Hối Đoái thành lập.

Đến năm 1959, một phần nhờ Lê Ngộ Châu làm thơ ký tòa soạn mà tờ báo khởi sắc, tập hợp được một số những cây viết khác nhau, không thuộc phe nhóm nào như Võ Hồng, Võ Phiến, Vũ Hạnh, Nguyễn văn Xuân, Phan Du, Bình Nguyên Lộc...

Bách Khoa không nhận trợ cấp của chính quyền và không ủng hộ chính quyền. Khoảng 1960 khi tờ báo đã nhiều uy tín, có thêm những sáng tác của các cây viết trẻ.

Nguyễn Hiến Lê ghi: *"Tư tưởng chính trị của những cây viết nòng cốt (Bách Khoa) có khi trái ngược nhau: Vũ Hạnh thiên Cộng, sau theo Cộng; Võ Phiến chống Cộng. Đoàn Thêm, Phan văn Tạo không ưa Cộng nhưng cũng không đả, không thích Mỹ nhưng cũng không nói ra; tôi, có lẽ cả Ngu Í và Lê Ngộ Châu có cảm tình với kháng chiến, nhưng khác hai ông ấy, càng về sau, từ 1965 trở đi, khi Mỹ đổ bộ nửa triệu quân vào miền Nam, tôi cũng đả mạnh Mỹ và chính phủ Thiệu, bù nhìn của Mỹ. Mặc dầu vậy, các anh em trong tòa soạn vẫn giữ tình hòa hảo với nhau. Xu hướng phản nhau như Vũ Hạnh và Võ Phiến mà vẫn trọng tư tưởng của nhau (ít nhất trong mười năm đầu) và gặp nhau thì tránh nói về chính trị. Đó là điểm tôi quý nhất"*. (Đời Viết Văn Của Tôi. Tr.143)

Do đó, khi nói đến "nhóm" Bách Khoa, càng không thể nói đến

người này người kia thuộc nhóm Bách Khoa, như khi nói đến nhóm Nam Phong, nhóm Tự Lực hay nhóm Sáng Tạo.

*

Từ những năm 1960, Võ Phiến đã có nhiều tác phẩm giá trị, nhưng không phải là nhà văn thời thượng. Một phần vì ông sống đời sống dung dị của công chức bậc trung, kín đáo, chừng mực như đa số nhà văn gốc miền Trung hay miền Nam lúc đó. Ông ít tham dự vào nhịp sống Sài thành hoa lệ. "*Không có xi nê, đánh bài, bơi lội, cải lương... gì hết. Quanh năm, tôi ít khi trông thấy Sàigòn ban đêm. Chỉ có đọc, và thỉnh thoảng thấy cần len lỏi, vu vơ trong các ngõ hẻm*". (tr.407. Tạp Bút)

Lại càng không dự vào những tranh luận, bút chiến vốn dễ làm nổi tiếng. Khi chủ trương nhà xuất bản Phù Thế, ông chuyên in những tác phẩm đầu tay của các nhà văn, nghĩa là quay về hướng những người chưa nổi tiếng: "*In tác phẩm đầu tay của một tác giả là việc làm thích thú. Mình được hưởng cái thú khám phá. Mình chấp nhận sự thử thách, và được chia sẻ với tác giả nọ nỗi lo lắng hồi hộp chờ xem. Phản ứng của quần chúng độc giả.*

Trái lại, tìm đến những nhà văn "công thành danh toại" rồi để điều đình mua bản thảo, để in, đó chỉ còn là việc thương mại" (Tạp Bút, tr.383)

Ông là một tấm gương cần mẫn tận tụy, nhưng không phải ai cũng thích Võ Phiến.

Đó là nói về đời sống. Còn về phong cách văn chương, ông không theo lối văn nghệ thời thượng – "hôm nay" – tuy rằng thỉnh thoảng cũng có bài đăng trên Sáng Tạo. Thời 1955–60, miền Nam bị tràn ngập bởi nhiều trào lưu văn nghệ, tư tưởng Âu Mỹ, Võ Phiến đọc nhiều, có nghiên cứu, nhưng vẫn giữ phong cách của mình, câu văn cổ điển, lắm lúc khề khà, thô vụng và đề tài dân tộc. Khi lớp trẻ hát *Trời mùa thu Paris suốt đời làm chia ly* (Cung Trầm Tưởng) hay ngâm nga *Hãy cho tôi khóc bằng nước mắt em. Những cuộc tình duyên Budapest* (Thanh Tâm Tuyền) thì Võ Phiến vẫn vẽ ra những nông dân tầm thường, lúc nhớ người yêu thì, giữa đồng không mông quạnh "*Gõ ngón tay vào cán cuốc, kêu loong coong*" (Thư Nhà, 1962, tr.76) và để chữa những chỗ lở loét trên bàn chân, vẫn cho rằng thuốc dagénan không công hiệu bằng dầu rái (Thư Nhà, tr.106). Về tư tưởng, khi miền Nam đang tìm một niềm tin, một "nhân bản mới" thì Võ Phiến là một tác giả hoài nghi, tác phẩm

ông, với những tựa đề: *Một Mình, Ảo Ảnh, Phù Thế, Về Đâu...* không cho độc giả một niềm tin nào, thậm chí nó không làm cho người ta hy vọng hay tuyệt vọng cho hợp thời trang. Thời 1955 – 1975, Võ Phiến không ăn khách.

Những nhận định này giúp chúng ta hiểu thêm một số quan niệm sống, viết và phê bình văn học của Võ Phiến trong *Tạp Bút* và *Văn Học Miền Nam Tổng Quan.*

*

Võ Phiến di tản sang Hoa kỳ từ 1975, uy thế văn nghệ của ông đổi khác. Nhiều người đã tìm đọc hay đọc lại Võ Phiến và yêu thích. Nhà xuất bản Văn Nghệ đã in lại toàn tập Võ Phiến – dường như là trường hợp duy nhất trong văn chương Việt nam – và sách bán chạy (riêng hai cuốn *Văn học Miền Nam Tổng quan* và *Tùy Bút I* đã tái bản), nhiều nhà văn, nhà phê bình, bên này bên nọ, hết lời ca ngợi. Nhà văn Đỗ Quý Toàn đã viết *"Ba chục năm sau ở Bắc Mỹ, đọc lại những truyện ngắn của Võ Phiến mới có được một nhận xét đứng đắn. Đó là những tác phẩm vượt thời gian và không gian"* (Làng Văn số 36 tháng 8–1987). Một cách gián tiếp, ông công nhận thời ở Sàigòn, ông đã không "để ý" đến sách của Võ Phiến.

Họa sĩ kiêm nhà văn Võ Đình coi *"Chữ nghĩa của Võ Phiến là những viên trân châu của văn chương Việt nam hiện đại"* (Văn Học số 45 tháng 11–89).

Một cách khách quan, chúng ta tự hỏi: sách báo Sàigòn trong thời kỳ cực thịnh, có được bao nhiêu bài phê bình, nghiên cứu về Võ Phiến? Nói chi đến chuyện ngọc bích trân châu?

Làm sao giải thích được hiện tượng đó? Võ Phiến có lần lý giải trong tùy bút *Cái Gốc*: khi cơn gió lớn thổi tung những thân cỏ bồng, những thân tầm gửi, thì con người mới biết, và mới biết quý cái gốc và khư khư, khệ nệ ôm lấy nó. Tác phẩm Võ Phiến là phần thâm u nhất trong tâm hồn Việt nam. Niềm u uẩn, u uất, u trầm ấy qua ông Năm Tản, chị Bốn Chìa Vôi, ông Ba Thế Đồng Thời... là phần lạc lõng nhất của con người Việt nam khi không còn níu được vào những hũ mắm cua chua, hay tiếng gáy con te te giữa những bụi ổi tàu, hay những vết chân người lẫn với những vết chân chim trên lối mòn ẩm lạnh. Những mất mát đó, bây giờ ta mới thấy, mới biết và mới quý. Nhà văn cảm thấy trước chúng ta.

Tốt gỗ hơn tốt nước sơn Nguyễn Tuân khôn ngoan chọn kỹ gỗ và nước sơn, Võ Phiến chân chất hơn, nên phải đợi cho những trận *mưa đêm cuối năm* làm phai nhạt màu sơn mới tìm đến chất gỗ. Người Bình định, quê Võ Phiến có câu hát:

Xùng xình như áo mới may
Hôm qua vừa mặc hôm nay mất rồi

Cái mới, cái tân kỳ, cái "hôm nay" vốn chóng tàn phai. Thêm vào những biến cố lớn như 1975, nó dễ nhường chỗ cho sự bình thường, thâm trầm, vĩnh cửu, như *chữ tình*, một *đêm xuân trăng sáng*.

*

Những nhà văn, nhà biên khảo, với quá trình cầm bút lâu dài như Nhất Linh, Nguyễn Hiến Lê, Võ Phiến... kinh nghiệm đọc và viết của họ giúp chúng ta học hỏi được nhiều điều quý giá.

Qua *"Viết và Đọc Tiểu Thuyết"*, Nhất Linh để lại lá chúc thư văn học cho thế hệ đến sau. Đối với chúng ta, đôi chỗ có thể đã lỗi thời, nhưng phần chính yếu vẫn chứa đựng một giá trị trường cửu.

Qua những tập hồi ký, Nguyễn Hiến Lê kể lại thăng trầm dâu bể của một đời người lăn lộn với chữ nghĩa, ghi lại một giai đoạn văn học, một quá khứ của đất nước với những đổi thay, tang thương, xao động bên ngoài và trong lòng người.

Với Võ Phiến, *Tạp Bút* có chỗ đứng riêng – tập hợp nhiều bài viết dưới những thể văn khác nhau, viết ở thời điểm khác nhau – từ tùy bút, tiểu luận sang các bài tựa sách và những bài phỏng vấn Võ Phiến trên báo trong những thập niên 60 và 70.

Qua *Tạp Bút*, Võ Phiến bộc lộ cho chúng ta thấy những khía cạnh khác biệt trong quan niệm sống và viết, cung cách nhận định và phê bình văn học của Võ Phiến, cảm quan của Võ Phiến với quê hương và cuộc đời. *Tạp Bút* gồm cả sở trường lẫn sở đoản của Võ Phiến. Cho nên có thể nói: Tạp Bút vừa bổ xung cho *Văn học Miền Nam Tổng quan*, vừa giúp chúng ta *phân tích những yếu tố chính trong đường hướng tư tưởng của Võ Phiến*.

*

Mỗi tác phẩm của Võ Phiến mang một sắc thái khác nhau, ông sáng tác phong phú, viết nhiều thể văn cho nên những tác phẩm của ông dàn

trải trên nhiều địa hạt. Tuy nhiên, nhìn chung các tác phẩm của Võ Phiến chúng ta có thể tìm thấy một số đặc tính bất biến:

1. Quay về nguồn cội, lấy quê hương và con người – phần quê mùa, nghèo nàn nhất – làm đề tài.

2. Những nhân vật của Võ Phiến tầm thường, đôi khi xấu xí hoặc không có gì đáng kể, có thể nói là phần thừa thẹo, phần không may mắn của con người, phần ngoài lề của xã hội.

3. Trong truyện không có anh hùng, không có hành động cao cả, không có diễn biến sôi nổi.

4. Câu văn không cầu kỳ, đôi khi còn vụng về, cốt chở ý.

5. Lối viết nhận xét tỉ mỉ, quan sát kỹ càng, Võ Phiến mang tiếng (hay được tiếng) "chẻ sợi tóc làm tư" và ông còn muốn chẻ sợi tóc làm tám.

Dĩ nhiên còn nhiều cách khác để nhìn tác phẩm Võ Phiến. Trên đây chỉ là một lối nhìn, dựa vào đó, chúng ta có thể rút ra nhận xét: Bốn yếu tố đầu Võ Phiến ảnh hưởng của Trang Tử, yếu tố sau cùng, phảng phất kỹ thuật viết của Marcel Proust.

Thật vậy, quay về nguồn cội chỉ là trở về *bản thể* của sự vật *"trở về cái chân của mình"* (phản kỳ chân) [Thu Thủy – Nam Hoa Kinh – ngoại thiên]

– Chú ý đến những nhân vật tầm thường, xấu xí, thô thiển, tìm trong đó cái chân giá trị của nó *"Đạo ở khắp nơi, không chỗ nào là không có nó: trong con kiến, trong cọng cỏ, trong miếng sành vỡ, trong cục phân..."*. (vô sở bất tại, tại lâu nghĩ, tại đề bại, tại ngõa bích, tại thỉ ních) (Đông Quách Tử –Nam Hoa Kinh – ngoại thiên).

– Không có anh hùng, không có tiểu nhân, không có sự lựa chọn phải trái, không có lý tưởng cao xa để mà theo và cũng không có những tối tăm, quằn quại, khắc khoải để mà tuyệt vọng (Thuyết Tương Đối trong Tề Vật luận – Nam Hoa kinh – nội thiên).

– Lời văn không cần trau chuốt, miễn có ý:

"Có nơm là vì cá, được cá hãy quên nơm

Có đó là vì thỏ, được thỏ hãy quên đó

Có lời là vì ý, được ý hãy quên lời"

(Vong Ngôn – Nam Hoa kinh – ngoại thiên)

Võ Phiến viết:

"Tản văn, nó chẳng qua là phương tiện, dùng để thuật một câu chuyện, trình bày một tư tưởng... kẻ viết xong, người đọc hiểu xong, bài văn có thể bỏ. Câu chuyện là chính, tư tưởng là chính, ý nghĩa là chính, bài văn không quan trọng. Nhất Linh là tay dùng văn lão luyện, trọn đời ông dùng văn để viết những cuốn truyện hay, vậy mà ông vẫn hất hủi nó. Nhất Linh khuyên những ai muốn viết tiểu thuyết hay đừng bao giờ quan tâm tới câu văn hay: tiểu thuyết chẳng cần gì tới văn chương cả". (Tạp Bút tr. 429)

– Trong cung cách sống, Võ Phiến sống xa "thị phi", không hòa mình vào các cuộc tranh luận, cũng lại là một thái độ sống xa bon chen, thoát tục của Lão Trang.

Tóm lại, một mặt, Võ Phiến thể hiện sự hoài nghi Đông Phương theo Trang Tử, không xa sự hoài nghi Tây Phương theo Gide, Sartre, Camus... trong tác phẩm và trong cuộc sống. Một mặt khác, Võ Phiến vẫn giữ:

– Một lập trường chính trị chống Cộng tuyệt đối.

– Một quan niệm Quốc gia bảo thủ.

Hai quan niệm nói trên thường hay đi song song, rải rác trong các tác phẩm của Võ Phiến; mới nhìn qua có vẻ rất tương đồng và hợp lý nhưng nhìn kỹ hơn chính là phần *mâu thuẫn sâu xa trong tư tưởng Võ Phiến.*

Chúng ta hãy lấy một ví dụ trong *Tạp Bút*: Đôi chỗ, Võ Phiến tỏ vẻ hài lòng thấy cộng đồng Việt nam hải ngoại thay cơ quan kiểm duyệt ở miền Nam thanh lọc các sách báo dâm ô và thân Cộng; ông cho rằng thái độ phán xét Nguyễn Hiến Lê – khi Nguyễn Hiến Lê công nhận có thân với cách mạng trong hồi ký – *chẳng qua là lời nói thẳng thắn của người có tinh thần cảnh giác* và *cái nhìn nghiêm chỉnh của kiều bào ta không phải chỉ chiếu vào sách báo, nó chiếu cả vào mọi khía cạnh sinh hoạt của cộng đồng* (Tạp Bút tr. 314, 315, 316).

Chống Cộng hay chống lại các hình thức độc tài chính trị là một quan điểm tự do – nằm trong hệ thống triết học của Lão Trang – nhưng để chống Cộng, đôi khi Võ Phiến đưa ra những nhận định vội vàng mang tính chất cực đoan về con người, rất xa Trang Tử: "*Các vấn đề siêu linh dĩ nhiên không làm bận tâm các văn nghệ sĩ ở những nước Cộng sản*" (Tạp Bút, tr.56) hoặc "*người Cộng sản không bao giờ thực thà. Họ có thể láu cá hơn bất cứ ai, họ có thể tiên liệu mọi trò tráo trở*" (Tạp Bút, tr.450).

Chúng ta thừa biết Võ Phiến không ưa kiểm duyệt, nhưng bênh vực các hình thức *thanh lọc báo chí* (cho dù là "dâm ô" và "thân Cộng") và *giáo dục cộng đồng* là quan niệm của các học thuyết hữu vi, định một *mẫu mực* làm tiêu chuẩn cho mọi người, có tính cách gò ép và áp chế của tinh thần quốc gia bảo thủ, rất gần với tính cách độc tài của các thể chế chuyên chính – như Cộng sản – mà Võ Phiến hằng tích cực đả phá.

Tuy sống xa "thị phi" nhưng khi viết ông hay *đi vào* thị phi; để ý đến chi tiết nhiều hơn đại cục (*Văn học Miền Nam Tổng quan*).

Những mâu thuẫn sâu xa đó hiện diện trong tư tưởng Võ Phiến; đôi khi như những ưu điểm trong tùy bút hoặc truyện ngắn (nhận xét chi li, đi sâu vào chi tiết, tìm cách trình bày tính cách tương phản trong mỗi con người); đôi khi là những nhược điểm trong lãnh vực nhận định và phê bình văn học: coi trọng chi tiết hơn tổng thể (*Văn học Miền Nam Tổng quan*), gây mâu thuẫn trong lý luận văn học (*Tạp Bút*).

Trên địa hạt tư tưởng, hai nhà văn lớn gần gũi với triết lý sống của Lão Trang là Nhất Linh và Võ Phiến.

Nhất Linh gần Trang Tử hơn: trong cuộc sống, ông chống lại những quyền lực độc tài (Pháp, Việt minh và chính quyền Ngô Đình Diệm), tìm đến cái chết như một sự giải thoát, một thể hiện *tự do tuyệt đối*. Trong tác phẩm Nhất Linh, các nhân vật cũng tìm thấy – ở khía cạnh nào đó – một thứ *hạnh phúc tuyệt đối*.

Võ Phiến băn khoăn, trăn trở, không chấp nhận tuyệt đối, hoài nghi và bi quan với cuộc đời. Võ Phiến gần mà rất xa Trang Tử. Những mâu thuẫn trong tư tưởng Võ Phiến phức tạp, có phần hài hòa thoát tục của Trang Tử, lại có chỗ giáo điều, nhập thế đấu tranh của Khổng Mạnh, dường như từ đó phát sinh những bất mãn *"Có lẽ trong căn bản sâu xa của tâm hồn, tôi đã bất mãn"* (Tạp Bút, tr.377), đưa đến thái độ mỉa mai, châm biếm, cười lên cả những đau thương nơi thân phận con người và của chính mình.

*

Trở lại với vấn đề nhận định văn học và những mâu thuẫn trong lý luận văn học, chúng ta thử tìm hiểu đường lối suy tưởng của Võ Phiến qua bài tiểu luận *"Tác phẩm lớn, Tác phẩm nhỏ"* (Làng Văn số 43 tháng 3–88; Tạp Bút, tr.51). Ở đây, Võ Phiến tìm cách giải thích thế nào là một tác phẩm lớn, một tác phẩm nhỏ.

Theo Võ Phiến, tác phẩm lớn, tác phẩm nhỏ là điều có thực. Thí dụ: *Nam Hoa kinh* là một tác phẩm lớn, chắc chắn nó lớn hơn sách dạy làm mắm. *Người Xa Lạ* của Camus, *Tìm Thời Gian Đã Mất* của Proust... lớn hơn loại truyện gián điệp, cũng giống như tiếng khóc đau khổ của "Bà Mẹ" trong tác phẩm của Pearl Buck, hẳn lớn hơn tiếng khóc của trẻ con đòi kẹo; nỗi lo toan của ông chồng bao trùm cuộc sống lớn hơn nỗi lo lắng về nồi cơm khê, cá ươn của bà vợ. Tuy nhiên người có tài cũng có thể viết được thiên truyện tuyệt tác nhan đề *"Trận banh đầu"* hoặc *"Trận đòn ghen"*. Tuy vậy giữa con người thiên tài để hết tâm trí vào một cuộc đá banh và một cuộc đánh lộn, với con người thiên tài khác để tâm đến thân phận A.Q, hai tâm hồn ấy có khác nhau về kích thước. Giữa Đoạn Tuyệt và Dịch Hạch của Camus có một sự leo thang. Trong Nam Hoa kinh, Trang Tử dùng con chim ve, con chim cưu và con cá côn, con chim bằng để giải thích: lớn nhỏ khác nhau như thế. Do đó, Võ Phiến viết: *"Các tác phẩm nghệ thuật lớn nhỏ khác nhau ở chỗ bận tâm của tác giả. Có nỗi bận tâm của con ve, có nỗi bận tâm của chim bằng. Nỗi bận tâm nào cũng có thể tìm ra cách thể hiện tuyệt mỹ của nó"* (tr.54) và ông đồng ý với André Maurois: Shakespeare và Goethe có một quan điểm siêu hình. Do đó họ lớn. Tóm lại, một tác phẩm lớn phải có *"những băn khoăn không thuộc loại trận túc cầu hào hứng, cơn mưa đầu mùa, gió lạnh nửa đêm... mà thuộc các vấn đề bao trùm nhân sinh"* (tr.55).

Lối quan sát bằng so sánh trên đây Võ Phiến hay dùng trong tùy bút: so sánh cá tính con người mỗi địa phương, so sánh khẩu vị từng miền, so sánh dư âm điệu hò, tiếng hát... đưa ra những nhận xét độc đáo, thú vị... Nhưng ra khỏi địa hạt tùy bút, bước sang địa hạt lý luận văn học, vấn đề cần chính xác hơn và đòi hỏi một số quy luật chặt chẽ hơn.

Thật vậy, một mặt, trên cơ sở lý luận, chúng ta nhận thấy Võ Phiến đã dùng đến hai ý niệm: *định nghĩa* và *so sánh*.

– *Định nghĩa* cần sự chính xác.

– *So sánh* cần so sánh những đối tượng có thể so sánh được, nghĩa là chúng phải có ít nhất một tính chất tương đồng.

Định nghĩa và *so sánh*, chỉ có thể xác định rõ ràng trong phạm vi toán học, là một khoa học chính xác.

Trên phương diện văn chương, tư tưởng hoặc những vấn đề nhân văn, chúng ta gặp nhiều cản trở. Thí dụ: nếu đem so sánh Nam Hoa kinh –

một cuốn sách triết học – với một cuốn sách dạy làm mắm, thì không thể nào nói cuốn nào lớn, cuốn nào nhỏ, vì không có yếu tố tương đồng. Cũng không thể so sánh L'Étranger của Camus với bất luận một cuốn tiểu thuyết trinh thám nào. Càng không thể so sánh Đoạn Tuyệt, là một cuốn sách tầm thường của Nhất Linh về phương diện nghệ thuật – chính Nhất Linh cũng công nhận như thế – với La Peste, là một tác phẩm giá trị của Camus. Nhưng Đoạn Tuyệt có giá trị tố cáo sự hủ lậu của xã hội. Đoạn Tuyệt ảnh hưởng sâu xa tới sự suy tưởng của tầng lớp thanh niên Việt nam thời 45, trong khi La Peste không có những tác dụng đó trong xã hội Pháp.

Trang Tử nói đến con ve, con chim cưu hay con cá côn, con chim bằng để biểu hiện thuyết tương đối: lớn nhỏ đều là lẽ vô thường; cái lớn có cái hay của cái lớn, cái nhỏ có cái hay của cái nhỏ, và từ đó Võ Phiến đã rút tỉa một điều chí lý: "*Nỗi bận tâm nào cũng có thể tìm ra cách thể hiện tuyệt mỹ của nó*" nói một cách khác: *Đề tài chỉ là phù phiếm*. Trong thực tế văn chương, chúng ta thấy đầy rẫy những trường hợp như thế: *Heus Clos* của Sartre chỉ là cuộc nói chuyện suông giữa những người vừa chết, đem lại hình ảnh địa ngục của con người, những suy nghĩ về tự do và định mệnh, về quyền lực và tội ác. *Nhà Nghèo* của Tô Hoài chỉ là cuộc ẩu đả giữa hai vợ chồng, nhưng qua cái vẻ ngoài vũ phu và ác khẩu bao bọc một tình yêu chồng vợ đằm thắm, thiết tha. *Chí Phèo* của Nam Cao là một thứ A.Q Việt nam, rất gần với tác phẩm của Lỗ Tấn.

Đề tài thường thường chỉ là cái cớ để viết, tri thức là hành lý. *Cái tài* và nhất là *cái tâm* của tác giả là hai yếu tố chính. Các vấn đề triết lý, siêu hình... (nếu có) đến sau. Trừ một số tác giả có chủ tâm, hoặc triết gia trước khi là nhà văn như Sartre, phần đông các vấn đề triết lý, siêu hình, đối với tác phẩm chỉ là lớp áo mà nhà phê bình khoác lên cho tác phẩm; cũng như ngắm tranh, nhà phê bình đặt ra những quy ước này nọ mà họa sĩ, khi sáng tác, rất có thể không nghĩ tới. Nam Cao khi viết Chí Phèo, rất trẻ, không chắc ông đã có một quan tâm nhỏ nhặt nào đến triết lý sống của con người.

Đánh giá một tác phẩm đã là một chuyện khó khăn. So sánh lớn hơn, nhỏ hơn lại là một chuyện nhiều khi không có đủ yếu tố để làm. Nhà phê bình chỉ có thể trình bày một thẩm quan nào đó về phương diện nghệ thuật, rất tương đối, để hướng dẫn độc giả vì thẩm quan thưởng

thức văn nghệ là một thẩm quan riêng, không phải ai cũng có. Cho nên những hiện tượng "best seller" đầy rẫy và các tác phẩm "best seller" nhiều khi không có một giá trị nghệ thuật cao siêu nào cả. *Bonjour Tristesse* của Françoise Sagan là một trường hợp điển hình và ở nước ta những tác phẩm như *Yêu* của Chu Tử hay *Vòng Tay Học Trò* của Nguyễn thị Hoàng... là những ví dụ tương tự.

Cái khó khăn của Võ Phiến ở đây là ông đã đem những ý niệm toán học (định nghĩa, so sánh) đo lường một môi trường phi toán học (tư tưởng và cảm xúc của con người) mà không dùng vào đúng vị trí của nó: dùng cái lô gích của toán học để lập luận.

Điều thứ hai, nếu quan tâm đến chiều sâu của một dữ kiện, thì có ai dám chắc nỗi lo toan bếp núc của người vợ *nhỏ* hơn nỗi lo toan cho cuộc sống của ông chồng? Tiếng khóc của trẻ thơ *không quan trọng* bằng tiếng khóc của bà mẹ? Cái kích thước *chiều sâu* của sự vật ấy, cái lối phân tích đến từng tiểu tiết ấy, trong truyện ngắn, truyện dài, tùy bút, Võ Phiến đi đến tận cùng và ông đã thành công, thì trong lý luận, ông ngập ngừng, chưa dứt khoát.

Điều thứ ba, là sự mâu thuẫn trong tư tưởng Võ Phiến: một khi Võ Phiến đã viết: "*nỗi bận tâm nào cũng có thể tìm cách thể hiện tuyệt mỹ của nó*" tức là ông đã công nhận thuyết tương đối trong vạn vật và dưới dạng thức khác nhau, Võ Phiến đã thể hiện thuyết tương đối trong tác phẩm của ông thì phần còn lại của bài viết chỉ chứng minh sự phủ nhận thuyết tương đối mà thôi.

*

Một điểm nữa đáng quan tâm và đáng bàn lại nằm trong bài "*Cá tính văn học miền Nam*": Võ Phiến đối chiếu Nguyễn Du, Tản Đà với Đồ Chiểu, Hồ Biểu Chánh, Bình Nguyên Lộc để đưa ra những nhận xét về cá tính văn học của những cây bút miền Nam. Sở dĩ chúng ta nên bàn lại vấn đề này vì từ Vũ Ngọc Phan đến nay, lối so sánh Bắc Nam đã được nhiều nhà phê bình công nhận và dùng đến để xếp đặt văn phong miền Nam vào một khuynh hướng, thể loại riêng với những tính cách cá biệt của nó. Theo Võ Phiến:

"*Vừa dễ dãi xuề xòa, người Việt miền Nam vừa mau mắn hoạt bát. Giọng văn của các tác giả trong Nam có một vẻ gì rất khỏe khoắn, nhanh nhẹn. Cho đến cách xây dựng cốt truyện cũng thế. Truyện của Đồ Chiểu,*

tiểu thuyết của Hồ Biểu Chánh cách kết cấu không có gì là chặt chẽ khéo léo, không tỏ ra tốn nhiều công phu, nhưng bao giờ cũng linh động. Ở những tác giả lớp sau như Bình Nguyên Lộc và Sơn Nam, kỹ thuật đã điêu luyện hơn nhiều, cốt truyện và lối viết văn vẫn giữ được tính truyền thống đó. Người câu chấp sẽ trách Bình Nguyên Lộc ở chỗ ông cho bốn cô gái ông Nam Thành trong Đò Dọc nối tiếp nhau xuống thang gác trình diện anh Long, rồi hai cô nối nhau đi tự tử, rồi lại ba cô nối tiếp nhau đi lấy chồng [...]. Chúng ta không gặp ở miền Nam những tác giả như Nguyễn Tuân suy nghĩ tần mần dài dòng suốt đôi ba mươi trang tùy bút vì một ngọn gió dục lên đường, hoặc một tác giả phân tích tỉ mỉ một trường hợp tâm lý do dự như Thạch Lam trong Sợi Tóc. Tỉ mỉ không phải là tính người miền trong. [...]. Bản tính hiếu động nên nhà văn miền Nam có thể kể một nỗi vui, nỗi đau khổ, một cơn tức giận, thịnh nộ, nhưng lại không hay diễn tả cái thứ buồn uể oải, thứ buồn nó ngấm trong điệu thơ lục bát của toàn quyển Kiều như là một cảm giác tê mỏi ngấm khắp gân cốt, tản mát khắp châu thân của một người mệt nhọc. Nguyệt Nga cũng có lúc khổ đến tự tử, nhưng không có khi ngồi như Kiều ở lầu Ngưng Bích "buồn trông" chân trời mặt bể. Mà dẫu có đứng trước cảnh đó chắc Nguyệt Nga cũng không tự hỏi cái câu:

"Hoa trôi man mác biết là về đâu"

(Tạp Bút, tr. 17, 18, 19 và 21)

Trước đây Vũ Ngọc Phan cũng đã so sánh Hoàng Ngọc Phách với Hồ Biểu Chánh: "*Tiểu thuyết họ Hoàng thiên về tả tình và giọng văn nhiều chỗ ủy mị, cầu kỳ, không tự nhiên, còn tiểu thuyết của họ Hồ thiên về tả việc và lời văn mạnh mẽ, giản dị, nhiều chỗ như lời nói thường*" (Nhà Văn Hiện Đại, cuốn II, tr.184).

Đặng Tiến viết: "*Muốn thấy rõ đặc tính của truyện miền Nam, ta có thể so sánh Kiều rất được đàng Ngoài ưa thích với Lục Vân Tiên rất được phổ biến đàng Trong. Kiều tinh tế bóng bẩy bao nhiêu thì Lục Vân Tiên đơn giản, chất phác bấy nhiêu*". (Lời kể chuyện của Phan Tứ, Quê Mẹ số 1, tr.54)

Chúng ta đồng ý với Vũ Ngọc Phan và Đặng Tiến khi các ông ghi lại những điểm khác nhau của tiểu thuyết họ Hoàng và họ Hồ hoặc của truyện Kiều và truyện Lục Vân Tiên; đồng ý với Võ Phiến khi ông nêu lên những nét đại cương về tính chất phóng khoáng của người Việt gốc

Nam (tương đối được sống trên miền đất có đời sống vật chất dễ dàng và phong phú so với hai miền Trung và Bắc); nhưng từ đó, rút ra một số cá tính tượng trưng cho văn phong của các cây bút miền Nam thì e rằng lập luận của các nhà phê bình có phần hơi vội vàng và đơn giản.

Thật thế, nếu để ý đến một khía cạnh khác: trong khi các tác giả gốc Trung hay có khuynh hướng dùng tiếng *chuẩn* (từ Xuân Diệu, Huy Cận... đến Võ Phiến, Nguyễn Mộng Giác...) thì các tác giả gốc Bắc và Nam (nhất là khi họ viết về dân quê, về phong tục... như Ngô Tất Tố, Nguyên Hồng, Nam Cao, Tô Hoài, Vũ Bằng, Hồ Biểu Chánh, Bình Nguyên Lộc...) hay dùng tiếng địa phương. Do đó, người đọc dễ *nhận diện* các tác giả Bắc và Nam qua một số tác phẩm (một số thôi) chứa đựng ngôn ngữ địa phương của họ. Riêng về phía các cây bút gốc Nam, cái ngôn ngữ địa phương ấy rất giàu, rất vui, hợp với thính giác, một mặt làm phong phú thêm cho ngôn ngữ Việt, một mặt bộc lộ thái độ hãnh diện về nguồn gốc, bản sắc và sự hiện diện của miền Nam trên một thị trường chữ nghĩa bấy lâu nay thường bị các nhà văn gốc Bắc và Trung "thao túng".

Đương nhiên, cá tính văn học của tác giả gốc Nam không vì các ngôn ngữ địa phương ấy mà trở nên *"xuề xòa dễ dãi, nhanh nhẹn, hoạt bát, không sâu sắc, không tỉ mỉ..." như những tác giả Bắc và Trung, vì cá tính văn học của người cầm bút không những tùy thuộc vào địa phương mà còn tùy thuộc nhiều yếu tố khác như hoàn cảnh sinh sống, môi trường giáo dục, hành trang tri thức... và nhất là bản chất con người của nhà văn.*

Hơn nữa khi chúng ta so sánh Hoàng Ngọc Phách với Hồ Biểu Chánh, Nguyễn Du với Nguyễn Đình Chiểu... chúng ta sẽ làm công việc gượng ép vì văn tài, trình độ và sự nhạy bén của họ không giống nhau. Những gì Nguyễn Du làm được, không phải ai cũng làm được. Do đó, cái sâu sắc, tế nhị, bóng bảy của Nguyễn Du không tượng trưng cho văn phong miền Bắc cũng như cái bộp chộp, xuề xòa của Đồ Chiểu không tượng trưng cho văn phong hay cá tính văn học của người miền Nam. Đồ Chiểu và Đông Hồ là hai thể chất tương phản.

Nếu thực sự muốn so sánh một tính chất văn học nào đó như *sâu sắc* thì *Rừng Mắm* của Bình Nguyên Lộc có thể sâu sắc tương đương với một số truyện ngắn giá trị của Võ Phiến và vượt xa nhiều tác phẩm văn học giá trị khác của các tác giả miền Bắc. Bình Nguyên Lộc không sở trường về truyện dài. Ngoài ra, khi viết nhanh để đăng nhật trình, Bình Nguyên

Lộc và Hồ Biểu Chánh đã sản xuất ra những tác phẩm hời hợt, dễ dãi đó lại là một chuyện khác không liên hệ đến gốc Nam hay Bắc.

Ở hải ngoại, một số truyện ngắn trong *Nụ Cười Tre Trúc* như *Em Điên Xõa Tóc*... của Kiệt Tấn không những sâu sắc mà còn mang dấu vết quằn quại nội tâm, nặng trĩu giá trị suy tưởng. Hồ Trường An không sâu sắc, không phân tích tâm lý vòng vo, nhưng tỉ mỉ thì đôi khi ông tỉ mỉ gần bằng Võ Phiến.

Cho nên khi đưa ra một khuynh hướng chung cho các nhà văn gốc miền Nam, chúng ta đã coi trọng phần phụ tùng là nguồn cội địa lý hơn phần thiết yếu là hành trang tri thức và bản chất con người của mỗi nhà văn.

*

Phần lý thú nhất của Tạp Bút nằm trong những bài tựa sách, những bài phỏng vấn Võ Phiến và những bài tùy bút sở trường.

Võ Phiến có biệt tài viết tựa, ông viết để khuyến khích các nhà văn trẻ hoặc mới, Võ Phiến dùng cảm quan bén nhậy của ông để rút tỉa những nét độc đáo – nếu có – của tác giả. Giới thiệu những nhà văn có thực tài, ông chọn những đặc điểm của họ để trưng ra, khơi hướng cho độc giả bước vào tác phẩm. Giới thiệu những ngòi bút ít tài hoa hơn, ông bàn phiếm về cuộc đời, về văn chương chữ nghĩa, cố tình đi vòng vo để tránh khỏi phải viết nhiều điều không tâm đắc.

Về Cao Tần, Võ Phiến bảo: "*Thơ hay đấy. "Tới" lắm*". Vì sao "tới"? Vì: "*Giữa những kẻ đớp sao uống trăng... Cao Tần không chọn kiểu quái dị nhất. Vậy mà Cao Tần vẫn gây được cảm tưởng đột ngột độc đáo. Có phải chính vì thế mà cái kỳ lạ này đâm ra ít sáo hơn cả?*" (Tạp Bút, tr.329)

Về Nguyễn Mộng Giác, ông nhận xét: "*Trong hoàn cảnh bát nháo ấy phải là một cái gì thật giật gân mới mong được dư luận chú ý đến, mà văn chương của Nguyễn Mộng Giác không phải là thứ văn giật gân. Ồ không! Giác không nhằm giật gân giật cốt ai cả. Giác viết những điều thật tinh tế giữa một thời thật náo nhiệt*". (Ngựa Nản Chân Bon, tr.11)

Rồi ông lật trở cả cuốn album kỷ niệm gói trọn dĩ vãng quê hương chung của hai người, từ cái cười *thàng* riêng của Quách Tấn đến cái *thàng* chung của những người Bình Định. [*Thàng* hay *thàng hậu* là tiếng địa phương chỉ vẻ hiền hậu hiện ra bên ngoài]:

"*Mà người "thàng" thì trời ơi, trong trí nhớ của tôi, tôi mường tượng mọi*

người Bình Định đều "thàng" hết: anh Ba, chị Bốn, ông Bảy, bà Năm, cô Tư, cậu Tám... Hết thảy, không ai là không "thàng". Muôn người như cùng một vẻ, một giọng". (Ngựa Nản Chân Bon, tr.14)

Trí nhớ của Võ Phiến quả là thiên vị. Chúng ta tiếp nhận và tận hưởng cái thiên vị đó như một khía cạnh đẹp ít khi hé mở của tâm hồn.

*

Trong những bài phỏng vấn Võ Phiến, chúng ta tìm thấy cung cách sống và viết của ông, biết rõ "lý lịch" ông, hoàn cảnh nào đã đưa ông tới lập trường chính trị đấu tranh mất còn với chế độ Cộng sản. Võ Phiến cởi mở vừa phải các ngõ ngách tâm tư với độc giả. Người đọc mường tượng một Võ Phiến dung dị mà hiền hòa – rất "thàng hậu" – xa với ngọn bút đôi khi châm biếm đến cay độc của Võ Phiến nhà văn. *Người* và *bút* đôi khi không giống nhau: một khám phá bất ngờ mà lý thú.

*

Chúng ta tìm lại sở trường của Võ Phiến qua những nhận xét hóm hỉnh và độc đáo trong những bài tùy bút *Ăn và Đọc, Ăn và Yêu*...

Khi ông phân tích tâm lý bát bún bò hay đĩa bánh lá, người đọc không khỏi vừa nghiền, vừa ngẫm, bụng thầm bảo dạ: quả *miếng bánh lá* đã tìm được ngòi bút tri kỷ, thấu triệt đến cả tâm can mình:

"*Bún bò, bánh lá, ngày nay lưu lạc khắp nơi, nhưng tôi tưởng tượng ở một góc chợ Trương Minh Giảng, ở một hẻm Bàn Cờ, thỉnh thoảng miếng bánh lá mỏng mà gặp một cái lưỡi Huế có phảng phất mùi thuốc Cẩm Lệ nó sẽ mừng rơn*". (Tạp Bút, tr.62)

Ăn và yêu là những nhu cầu thiết yếu, thường trực và đôi lúc cấp bách của con người. Luận về hai tác động cơ bản đó của cơ thể, Lâm Ngữ Đường chậm rãi đi từ nguồn:

"*Khổng Tử hiểu rõ thiên tính của con người, cho nên chỉ kể có hai thị dục lớn nhất là dinh dưỡng và sinh dục, tức như nói nôm na thì là ăn uống và trai gái. Nhiều người đã khắc chế được sắc dục nhưng chưa có vị thánh nào khắc chế được ẩm thực, quên được sự ẩm thực quá bốn năm giờ liền. Cứ cách ít giờ thì trong óc ta nhất định nổi lên điệp khúc bất biến này: "Bao giờ ăn đây?*". (Sống Đẹp, Lâm Ngữ Đường, Nguyễn Hiến Lê dịch, tr.47)

Võ Phiến – về khía cạnh hóm hỉnh, không xa Lâm Ngữ Đường – dùng hình thức so sánh để luận về "cái yêu" và "cái ăn" của hai thế hệ xưa và nay. Đối với thế hệ Tản Đà, Thạch Lam, Vũ Bằng... Ăn là gì?

– "Ăn là để sống? – Không! Ăn là một cách sống. Thái độ ăn uống của người nào là một khía cạnh trong thái độ sống của người ấy [...]. Vì vậy, đó không chỉ là vấn đề sinh lý, đó là nghệ thuật" (Tạp Bút, tr.84)

Nhưng bây giờ? Đối với thế hệ này thì sao? Võ Phiến quả quyết: "Không phải ăn. Thế hệ này dùng tiếng đớp [...]. Đớp ào ào, đớp như điên, không phải là ăn.

Đớp không phải là nghệ thuật. Chuyện đớp không thuộc phạm vi nghệ thuật. Nó không đi vào nghệ phẩm.

Đớp ào ào không phải là ăn, cũng như ngủ với gái không phải là yêu.

Nuốt đầy bụng và giao hoan đều là những nhu cầu sinh lý. Các thế hệ trước không đi thẳng tới nhu cầu, mà đi vòng vo tam quốc. Những vòng vo tam quốc xung quanh cuộc giao hoan, chúng làm ra cái gọi là ái tình. [...].

Ngày này, người ta ghét những chuyện vòng vo. [...]. Kẻ nào len lét, xem ái tình quá thiêng liêng như nhân vật trong Công chúa Clèves, trong Tố Tâm, lại có vẻ cù lần. Thế hệ này không cù lần, không chịu để cho lừa bịp. Họ mở đôi mắt ráo hoảnh, nhìn thẳng, đầy xoi mói vào sự thực, vào "thực chất của vấn đề". Thực chất của vấn đề chỉ là chuyện ấy. Họ xông ngay tới chuyện ấy. [...].

Vậy có một thời kỳ ăn và yêu, có một thời kỳ đớp và mần ái tình" (Tạp Bút tr.85, 86, 87).

Trong bài phê bình cuốn *Thư Nhà* của Võ Phiến (báo Mai tháng 7–1963), Đặng Tiến nói đến thái độ *ngoái lại* của Võ Phiến: *Võ Phiến là nhà văn của dĩ vãng, của ký ức.*

Ở đây, thái độ ngoái lại dĩ vãng đó được đượm hai vẻ: vừa thẳng thắn vừa thiên vị; hai thái độ mâu thuẫn mà không công kích nhau: Võ Phiến nhìn dĩ vãng một cách o bế bao nhiêu thì ông nhìn thực tại với con mắt phũ phàng chừng ấy. Cho nên có thể nói Võ Phiến *thiên lệch* mà vẫn *thẳng thắn.*

Thật vậy, khi chúng ta lần dở kỷ niệm, thời gian đã giúp ta gột rửa, lựa lọc, chỉ lưu lại những kỷ niệm đẹp trong đời. Những xấu xa, mấy ai muốn giữ? Thảng hoặc đôi khi nó hiện đến, cũng cố đuổi đi. Kỷ niệm cũng như văn chương. Thời gian lựa lọc văn chương, gìn giữ những gì đích thực là văn chương, còn những gì giống như văn chương hoặc người ta bốc là văn chương mà không phải là văn chương, tự nó sẽ theo thời gian mà cuốn gói.

Sự lựa lọc của thời gian, đối với văn chương là một *thiên lệch hữu lý*, đối với kỷ niệm là một *thiên lệch cao thượng*, hai thứ thiên lệch ấy thúc đẩy tính nghệ thuật hay tính vươn lên sự cao đẹp, trong mỗi con người.

Võ Phiến thể hiện cái *thiên lệch* nghệ thuật đó khi ông nhìn "yêu và ăn" trong quá khứ; đồng thời ông diễn đạt cái *thẳng thắn*, đốp chát, một thể cách sống – rất sượng – của con người trong thế hệ này, khi ông xét "yêu và ăn" trong hiện tại.

Thật ra, yêu và ăn, xưa và nay, không khác gì nhau vì bản chất con người từ thượng cổ thời đại đến nay không hề thay đổi, nhưng cách thức hiện hữu của yêu và ăn đã thay đổi theo môi trường sống:

Nếu chỉ nhìn đến một yếu tố của đời sống hiện thời như *thiếu thì giờ* chẳng hạn: chúng ta không có thì giờ để nịnh, nấu món ăn, không có thì giờ để viết... thư tình; nhưng thèm muốn nhâm nhi một món ngon thì thời nào cũng có người thèm, ở đâu cũng có thể thèm mà nhiều khi không được toại nguyện. Nhớ người yêu thì có lẽ đến... vạn kiếp sau, người ta vẫn nhớ nhau như thế. Không có thì giờ nhâm nhi chậm rãi thì phải ngốn, phải đớp. Không có thì giờ nghiền ngẫm nhớ nhung thì không thể đi vòng vo tam quốc, phải đi thẳng vào... "*thực chất của vấn đề*".

Võ Phiến đã nhìn thẳng vào hai vấn đề chính yếu của con người trong thế hệ này với con mắt thực tế, trần trụi của xã hội tiêu thụ (tiêu thụ ăn uống, tiêu thụ tình yêu), cái nhìn tàn nhẫn mà chính xác: "*Con người quay lại vòng vo thân xác mình, tận hưởng nó đồng thời hành hạ đầu độc nó. Tình cảnh ngộ nghĩnh và tội nghiệp*". (Tạp Bút, tr.88)

Đó là tình cảnh của những cá thể tự tạo ra những nhu cầu, rồi thúc đẩy và dập vùi thân xác và tận hưởng những nhu cầu ấy. Mâu thuẫn và phi lý ư? Không! Đó là thực trạng của thế hệ "hôm nay".

Võ Phiến không theo thời, không theo "hôm nay", chỉ muốn là người ngoại cuộc nhận diện bộ mặt của hôm nay – nhưng dù muốn dù không – ông cũng đã bị lôi kéo, trầm mình trong cái thực trạng rất đỗi "hôm nay" đó.

Thành công của Võ Phiến là ông đã nhìn thấy thực chất của vấn đề. Cái *bất mãn* và *bất lực* của ông cũng là chính chúng ta. Cho nên, ngọn bút của Võ Phiến càng châm biếm, cay độc với hôm nay bao nhiêu thì càng gần gụi với chúng ta dường ấy.

*

Qua những quân *bài chòi*, Võ Phiến biểu hiện hình ảnh quê hương một cách tha thiết và thê thiết, tìm về khởi điểm của trò chơi cũ kỹ, nghiêng mình xuống lai lịch bài chòi, trò chơi của mảnh đất nghèo nàn Bình Định, quê hương ông, quê hương của những người di dân từ Bắc vào Nam, quê hương của cơ cực, quê hương của vay mượn: vay mượn phần cốt tử như miếng cơm manh áo đã đành, thậm chí còn phải dật tạm ký ức cả phần phụ tùng như quân bài, lá bạc:

"*...Và các tên quân bài nữa: tại sao từ hình vẽ này lại phát sinh ra Ngũ dút, Ngũ dụm? Tại sao hình kia lại dẫn đến ý niệm Ba gà? Nhì nghèo? Tam quăng? Bảy thưa? những tiếng ấy vô nghĩa chăng? Chính vì thế mà càng đáng lưu ý. [...]. Lối đánh bài chòi mượn ở tam cúc điếm một chút, ở tài bàn một tí, mượn chỗ này một tên gọi, chỗ kia một kiểu chơi... Giá họ nhớ được đây đủ lối chơi tam cúc điếm chẳng hạn, thì có phải giản dị cho họ biết bao nhiêu. Tội nghiệp! Cỗ bài xưa họ cũng không tìm ra, không xoay ở đâu được, đành hì hục vẽ lấy bộ mới, in lấy, lem nhem, bôi bác*" (Tạp Bút, tr.282, 293)

Phần thâm u và thê thiết ấy của đất nước, Võ Phiến gói ghém trong cỗ bài chòi, gửi đến chúng ta.

Võ Phiến đã đi đến cái cùng và cái cực của quê hương theo cả hai nghĩa đen và bóng.

*

Trong bài viết, chúng ta đã nhiều lần nhận xét sự mâu thuẫn trong tư tưởng Võ Phiến không phải để trách móc, cũng không phải là một nhược điểm của nhà văn. Cái mâu thuẫn trong tư tưởng Võ Phiến hiện thân cái bình thường và sự tầm thường nhất trong mỗi con người. Nhà văn "sống" sự bình thường đó qua các tác phẩm, nhìn thấy những phi lý của cuộc đời rõ hơn chúng ta: mâu thuẫn giữa mơ và thực, giữa lạc thú và đau khổ, giữa trần gian và thiên đường...

Võ Phiến đã thành công khi ông thể hiện những mâu thuẫn sâu xa ấy, ông thấy sự phi lý, muốn tỏ một thái độ dửng dưng, bàng quan... với tất cả nỗi sướng, niềm đau của đất nước và của cuộc đời, nhưng chính ông cũng không thể dửng dưng được. Cái bất mãn và bất lực của mỗi chúng ta: sự thành công của Võ Phiến nhà văn trùng hợp với sự bất mãn của Võ Phiến con người□

phong vũ tiêu tiêu lôi vũ động

CHƯƠNG VII

NGUYỄN ĐỨC LẬP

Một đêm, trăng sáng vằng vặc, trời không gợn chút mây, ông Chủ Thạnh xăm xúi đi ra cái chòi của sư Tâm Đức. Cảnh vật lung linh huyền ảo chung quanh không làm cho ông phải bận trí. Ông cúi mặt mà đi, đầu óc nghĩ ngợi lung tung. Ông muốn một lần nói chuyện với sư Tâm Đức để giải tỏa tất cả những nỗi thắc mắc làm vướng bận lòng ông. Thà như vậy đi. Thà một lần nói thẳng mà cất đi được hết gánh lo, còn hơn cứ để cho bao nỗi ưu tư đóng hòn đóng cục trong bụng khiến cho ăn không thấy ngon, ngủ cũng không yên giấc. Ông nghĩ, ông có thể hỏi hết mọi sự với sư Tâm Đức mà không ngại miệng. Tuy khoác áo tu hành, nhưng nhà sư hành sự như một khách giang hồ kỳ sĩ, dẫu có đôi lời trái ý, chắc cũng chẳng để vào tâm...

Với ý nghĩ như vậy, ông Chủ Thạnh cứ hăng hái mà cất bước. Nhưng, khi tới bờ tre bao quanh khu thổ mộ, bỗng ông Chủ Thạnh cảm thấy như muốn chồn chưn. Ông lần quần đi qua đi lại mấy lần. Cái ý chí cương quyết của ông coi bộ có mòi sụt giảm vài phân.

Ở trong chòi của sư Tâm Đức, ánh đèn vẫn còn thắp sáng. Chợt có tiếng sư Tâm Đức ngân nga:

Vợ Tiên là Trực chị dâu

Chị dâu, em bạn có đâu lỗi nghì...

Ông Chủ Thạnh giật mình. Thì ra, sư Tâm Đức đã biết sự có mặt của ông và dường như nhà sư có dụng ý mượn lời Vương Tử Trực nói với Võ Thái Công trong truyện Lục Vân Tiên để giãi bày tâm sự cùng ông.

Biết rằng dầu muốn dầu không, đã lâm vô cảnh nầy rồi, cũng phải ra mặt mà gặp nhau, ông Chủ Thạnh tằng hắng một tiếng, nhắm về phía cái chòi mà bước tới. Ông chưa qua khỏi đám cỏ trước sân, cửa chòi đã hé mở, sư Tâm Đức đã đứng sừng sững giữa cửa...

Nhà sư chào như cất tiếng reo:

– Mô Phật, bẩm chủ. Đêm hôm trăng thanh gió mát như vầy, chủ quá bộ đến thăm, thiệt là thú vị.

Ông Chủ Thạnh có hơi bối rối. Sự vồn vã của nhà sư, vốn ít khi thấy, làm cho ông có cảm tưởng rằng nhà sư đang đợi ông. Ông lúng túng:

– Tuổi già khó ngủ, bạn tri kỷ để tâm sự không có...

Sư Tâm Đức cười thành tiếng:

– Duyên phận nào mà tôi được chủ để mắt xanh tới, coi là tri kỷ?

Ông Chủ Thạnh, cảm thấy cơn lúng túng đã qua, gật gù:

– Hiểu được nhau, nửa câu cũng trở thành tri kỷ.

Sư Tâm Đức không né mình qua một bên, như mọi lần, để mời ông Chủ Thạnh vô chòi, nhà sư như cố ý giữ ông Chủ Thạnh đứng lại trước cửa. Nhà sư chỉ tay lên vầng trăng, rồi chỉ tay lên những ngọn tre phất phơ theo gió. Giọng nhà sư nhẹ nhàng:

– Ông coi, cảnh vật như vầy, nếu lòng mình không bị dằn vặt bởi trăm mối ngổn ngang, mươi điều tính toán, cứ bình tịnh mà an hưởng, sẽ cảm thấy thanh thoát biết bao nhiêu.

Nói xong, nhà sư mới ra dấu mời ông Chủ Thạnh vào chòi. Ông Chủ Thạnh hơi khựng lại một chút. Ông cúi mặt bước nhanh, ngồi gọn vào ghế. Sư Tâm Đức bước ra sau chái cặm cụi nấu nước, pha trà.

Ông Chủ Thạnh chống cùi chỏ lên bàn, hai bàn tay đỡ lấy hai bên má, suy nghĩ mông lung. Tại sao mà chuyện gì sư Tâm Đức như cũng nhìn thấy rõ bụng ông? Coi cái vèo này, thiệt khó cho ông mở miệng. Những điều ông nhẩm trong bụng, sư Tâm Đức đã chận họng mất rồi, làm sao ông nói được nữa. Nhưng, không lẽ đi không rồi lại về không. Bất giác, ông buột miệng thở dài...

– Bẩm chủ, chắc bụng ông đang có nhiều điều rối rắm? Tiếng thở dài của ông nghe thắt thẻo tận tâm can...

Sư Tâm Đức đã trở lên và đã đứng cận kề một bên mà ông Chủ Thạnh không hay. Trước câu hỏi của nhà sư, ông Chủ Thạnh bối rối. Ông đành phải bâng quơ:

– Nói rằng rối rắm thì cũng không hẳn là đúng. Ai mà lại không có những điều phải lo nghĩ...

Ngồi đối diện với ông Chủ Thạnh, sư Tâm Đức bắt đầu rót trà vô chén. Liếc ông Chủ Thạnh, nhà sư mỉm cười:

– Chủ đã khó ngủ, đêm hôm khuya khoắt lại mời chủ uống nước trà...

Ông Chủ Thạnh nói mau:

– "Tửu phùng tri kỷ thiên bôi thiểu; thoại bất đầu cơ bán cú đa" (1). Đã coi nhau là tri kỷ, đầu thức suốt đêm mà nói chuyện chắc cũng chưa đủ. Tôi với thầy, tuy gặp nhau nhiều, nhưng chưa một lần cạn tỏ tâm sự cùng nhau...

Nói chưa dứt câu, ông Chủ Thạnh cầm lấy chén trà, nâng lên bằng hai tay, ngang mày. Sư Tâm Đức vội vã cũng nâng chén trà lên như vậy. Nhà sư ngập ngừng:

– Bẩm chủ, chủ là người trên trước...

Ông Chủ Thạnh cười lớn:

– Đã là "vạn vật giai không", sao lại có trưởng thượng với tiểu bối. Đây là tri kỷ thủ lễ với nhau. "Tới đây thủ lễ nghiêng mình..." mà.

Sư Tâm Đức cũng cười xòa:

– Chủ thiệt là phóng khoáng. Té ra tôi vẫn chưa thoát khỏi cái lễ thiên hạ thường tình.

Hai người nhìn vào mắt nhau, cùng một lúc, đưa chén trà lên môi.

Để chén trà xuống mặt bàn, ông Chủ Thạnh lại thở dài một tiếng nữa. Lần nầy, ông có chủ ý. Ông ngậm ngùi:

– Chớ chi đây là một tiệc rượu để luận anh hùng thì thú vị biết mấy...

Sư Tâm Đức như muốn chận lại:

– Bẩm chủ...

Ông Chủ Thạnh cướp lời, tiếp luôn:

– Xưa kia, Minh Thái Tổ xuất thân từ chốn thiền môn mà lấy được thiên hạ. Cửa thiền, đôi khi chỉ là nơi cho hào kiệt ẩn thân trong lúc vị ngộ, cũng thể như đáy vực dung chứa rồng nằm...

Sư Tâm Đức nghiêm giọng:

– Châu Ngươn Chương là anh hùng cái thế, có chí nuốt trời mửa đất, cho nên mới từ thiền môn mà tung hoành thiên hạ được. Trường hợp thế gian hãn hữu đó, đâu dễ mà thấy được hai lần.

Ông Chủ Thạnh hơi khựng lại. Ông nhấc tới Minh Thái Tổ là có chủ ý. Tất cả những người dính líu tới các tổ chức "phản Thanh phục Minh" không bao giờ dám gọi tên tộc của vị vua khai sáng ra nhà Minh. Mỗi lần đề cập tới vị vua nầy, ai nấy đều kính cẩn gọi là "Thái Tổ". Ông cố tình gợi lại cái tên "Minh Thái Tổ" để hy vọng tìm ra được gốc tích của

sư Tâm Đức, nhưng nhà sư lại thẳng thừng gọi là "Châu Ngươn Chương". Ông lúng túng khi thấy rằng có thể những điều ông nghĩ về sư Tâm Đức không được đúng lắm.

Sư Tâm Đức nói thêm:

– Vả chăng, "thần long kiến thủ bất kiến vĩ" (2). Đã gọi là rồng thì trăm biến vạn hóa, mất phàm làm sao mà thấy hết đặng. Có lúc rồng chìm đáo để, nằm sâu đáy vực. Có lúc rồng hiện trên đồng, mừng mà gặp bực đại nhơn. Rồi có lúc rồng bay trên trời, thiên hạ hò reo đón mừng thánh chúa... Bởi vậy, cái chân dạng của rồng, ai dám tự hào là đã nhìn thấu suốt...

Ông Chủ Thạnh nói như reo:

– Thầy ở cửa thiền mà cũng làu thông quẻ Diệc.

Sư Tâm Đức chưa kịp nói gì, ông Chủ Thạnh bỗng ngậm ngùi ngang:

– Thầy nói đúng. Bởi vì là rồng thì biến hóa vô lường, cho nên nhiều khi hành tung của người anh hùng thiệt là khó mà hãn tường trong đục... Hơn nữa, giữa thời buổi nhiễu nhương nầy, chơn, giả thiệt khó phân, ngay, gian thiệt khó biết.

Vừa nói ông vừa nhìn trực thị vào mắt sư Tâm Đức. Ông mong đợi một nét thay đổi nào đó trên mặt nhà sư. Nhưng, ông thất vọng. Sư Tâm Đức không mảy may xúc động hay bối rối. Cặp mắt nhà sư vẫn sáng trong, vẫn ngó thẳng. Ông Chủ Thạnh vội vã nói thêm:

– Hai câu thơ của ông Đỗ Chiểu ở Ba tri "xe ngựa lao xao giữa cõi trần, biết ai thiên tử, biết ai thần" chính là cái cảnh nhiễu nhương điên đảo nầy đây.

Sư Tâm Đức tủm tỉm cười, rồi thủng thẳng:

– Con chim cú, ban ngày, cái núi Thái Sơn trước mặt, nó cũng không nhìn thấy; ban đêm, sợi tóc xa trăm thước, nó cũng thấy rõ ràng. Người đời gọi nó là giống thú chỉ thấy cái nhỏ mà không thấy cái lớn, chỉ sáng ban đêm mà không sáng ban ngày.

Ông Chủ Thạnh rùng mình. Ông hít vô một hơi dài. Giọng ông trở nên cứng:

– Nói như vậy cũng có hơi ép. Có chuyện nhỏ nhặt khuất lấp vào ban đêm đôi khi lại lợi hại vô cùng. Thanh thiên bạch nhựt, chuyện gì xảy ra, còn có người biết được. Còn chuyện tối tăm khuất lấp thì...

Sư Tâm Đức không để cho ông Chủ Thạnh nói hết câu, tuy giọng của nhà sư vẫn từ tốn:

– Ngày hay đêm, rõ ràng hay khuất lấp, cũng không dễ mà phân định được... Vả lại, nếu "chơn diện mục" mà dễ dàng nhìn thấy thì "Lư Sơn" không phải là mối than thầm vạn cổ của thiên hạ.

Ông Chủ Thạnh nâng chén trà lên, uống một hớp, như để tự trấn tĩnh. Sư Tâm Đức vẫn đều giọng:

– Cây sen, cây súng, củ của nó khuất lấp dưới bùn đen tăm tối, nhưng bông thì phô sắc, khoe hương giữa bạch nhựt. Còn cây vạn niên thanh, cây thiết mộc lan được nâng niu trong chậu quý, nhưng cả đời không thấy một cái bông...

Ông Chủ Thạnh cười gượng:

– Thầy nói cao siêu quá.

Sư Tâm Đức, dường như, không cần tìm hiểu đó là một lời khen thiệt tình hay chỉ là một sự mỉa mai, hăng hái nói tiếp:

– Sự đời đã khó xét như vậy, mà người đời còn khó xét hơn. Muốn xét về một người nào phải gạn dục lóng trong, phải đào sâu gốc rễ, mới hăn tường cơ sự... Người ta thường ví cuộc đời như một cuộc hí trường, người đời là đào, là kép. Có "người trung mặt đỏ, đôi tròng bạc", lại có "đứa nịnh râu đen, mấy sợi còi" (3), rồi cũng có cái cảnh "mượn màu son phấn ông kia nọ, cởi lớp cân đai chú điếm đàng" (4). Đâu là chân? Đâu là giả? Cái nào thiệt? Cái nào hư?

Ông Chủ Thạnh ú ớ ra mặt. Xoay tròn chén trà trên hai bàn tay, ông không biết nên nói gì cho phải.

Sư Tâm Đức cười buồn:

– Bởi vậy, thế gian thường nói sự chân hay sự giả, sự ngay hay sự gian, phải đợi tới lúc tấm ván thiên đậy lại mới xét đoán, kết luận được. Nói tới như vậy mà cũng đâu đã chắc. Nhiều người thân đã nằm sâu dưới ba thước đất, mà hồn vẫn chưa tan vì vẫn chưa giải tỏa được những uẩn khúc trong đời mình...

Ông Chủ Thạnh như người đang bị cuốn trôi, ngụp lặn, chới với giữa dòng nước xiết. Ông vội chụp lấy câu nói của sư Tâm Đức như chụp một tấm ván trôi ngang. Ông lắp bắp:

– Khi tấm ván thiên đậy lại... Nằm sâu dưới ba thước đất mà hồn vẫn chưa tan... Những uẩn khúc đời mình...

Ông dằn mạnh cái chén xuống mặt bàn, mặt cúi xuống. Sư Tâm Đức ôn tồn:

– Nói tự nãy giờ là nói theo miệng lưỡi của thiên hạ thường tình. Chớ còn dưới con mắt "đạo" mà nhìn. Cái thân mình sờ sờ ra đây, mình ngồi uống trà đàm đạo tận mặt với nhau đây, cũng là "không", thì cái chân hay cái giả phân biệt mà chi?

Ông Chủ Thạnh nuốt nước miếng, chống chế một cách khó khăn:

– "Đạo" quá cao, quá xa. Chuyện thế gian gần gũi bên mình.

Sư Tâm Đức chân thành:

– Bẩm chủ, chủ nghĩ sao, tôi không biết đặng. Theo thiển ý của tôi, chân hay giả, quan trọng không phải đối với người thiên hạ, mà là đối với chính lòng mình. Nhìn lên không thẹn với trời, cúi xuống không thẹn với đất, soi gương không thẹn với bóng, nhắm mắt không thẹn với lòng, cần gì để ý tới miệng lằn lưỡi mối... Cái tích "tứ tri khước kim" không phải là một bài học để đời hay sao?

Ông Chủ Thạnh rùng mình một cái nữa. Cái tích mà sư Tâm Đức vừa nhắc tới, ông đã thuộc nằm lòng, nhưng, ông làm bộ ngây ngô:

– Thầy vừa nói cái tích... "tứ tri khước kim". Đó là cái tích gì vậy? Sao tôi chưa từng nghe qua.

Sư Tâm Đức cầm lấy bình trà rót vào chén của ông Chủ Thạnh trước, rồi mới rót vào chén của mình... Hai người lại nâng chén trà lên, nhìn thẳng vào mắt nhau mà uống. Sư Tâm Đức vui vẻ:

– Tích nầy tôi được nghe thầy tôi kể lại. Hồi đời nhà Tống, ông Dương Chấn làm Tể tướng, tiến cử Lý Mật làm chức huyện lệnh. Nhơn một kỳ đi kinh lý, Dương Chấn ghé ngang qua nhiệm sở của Lý Mật. Đang đêm, Lý Mật mang vàng tới dâng cho Dương Chấn để đền ơn tiến cử trước đây. Viên huyện lệnh nầy nói rằng: "Đang đêm thanh vắng, có ai biết đâu mà ông hồng sợ". Dương Chấn trả lời: "Trời biết, đất biết, tôi biết, ông biết, không đủ rồi sao?" "Tứ tri" là vậy...

Giọng nhà sư thấp xuống:

– Đôi khi, đâu có được đến bốn người biết. Có biết chăng, chỉ có trời, đất và chính riêng mình mà thôi.

Ông Chủ Thạnh làm như quên có sư Tâm Đức ở trước mặt. Mắt ông mơ màng, xa xôi. Ông lẩm bẩm:

– Ôi, chỉ vì cái chuyện một mình mình hay, một mình mình biết, mà mình phải ôm mối lo âu dằn vặt suốt cả đời...

Than chưa dứt câu, ông Chủ Thạnh mới giựt mình. Ông chợt nhớ lại cái mục đích khiến cho ông, nửa đêm nửa hôm, đi tìm sư Tâm Đức. Coi mòi cái mục đích nầy khó mà đạt được. Những thắc mắc về sư Tâm Đức, ông đã chưa nói hết ra được. Nói chuyện suốt cả giờ lâu mà ông với sư Tâm Đức chỉ mới như hai con cá trừng mang hay hai con gà nòi xửng cồ vờn bóng của nhau. Nỗi hoài nghi, ấm ức trong bụng ông chưa giải tỏa chút nào. Trái lại, những lời lẽ của sư Tâm Đức lại khơi động vào những niềm riêng của ông, khiến cho ông càng thêm ấm ức.

Sư Tâm Đức, vin vô lời than của ông Chủ Thạnh, còn buông nhẹ:

– Còn trời biết, đất biết nữa chi. Vả lại, có thiệt là chỉ có một mình mình hay biết hay không?

Ông Chủ Thạnh còn ngơ ngác, sư Tâm Đức đã chắp tay:

– Bẩm chủ, uống trà mà chủ muốn làm như uống rượu, luận anh hùng; chủ lại muốn sáng đêm rạch ròi tâm sự. Nhưng, anh hùng thì như vậy đó, như con rồng thần, thấy đầu mà chẳng thấy đuôi, nắp ván thiên chưa đậy, làm sao mà luận? Còn tâm sự thì một mình mình biết, một mình mình hay kể đã quá đủ rồi.

Sư Tâm Đức vụt đứng dậy, như có ý muốn tạ khách. Ông Chủ Thạnh còn muốn ngồi thêm, nhưng coi bộ tình hình khó có thể nấn ná lại. Ông vội đứng lên, cúi đầu chào sư Tâm Đức, rồi thong thả bước ra ngoài. Khí đêm mát lạnh. Trán ông lấm tấm mồ hôi...

*

Tai họa ở đâu, thình lình đổ xuống làng Thạnh Hòa, khiến cho ai nấy đều xửng vửng.

Chuyện bắt đầu vào một buổi sáng, mấy chị đờn bà gánh gồng ra chợ sớm, khi đi ngang qua cầu Bà Cả Dù, thấy một "thằng chồng" chết trôi nằm dưới chưn cầu. Mấy chị la làng tri hô chói lọi. Hương quản Thành dắt một đám thanh niên chạy ra quan sát. Đó là cái xác của một người đờn ông, tuổi tác bao nhiêu không biết, chết hồi nào, chết ở đâu cũng chẳng ai hay, chắc là đêm hôm khuya khoắt theo con nước mà tấp vào.

Có người bàn với Hương quản Thành là xác chết vô thừa nhận, nếu kéo lên bờ, thì ắt phải trình báo khám nghiệm, chạy tờ chạy giấy lôi thôi. Chi bằng, "nó" đã theo con nước mà trôi tới, thì cứ lấy sào chống "nó"

ra giữa dòng, cho "nó" theo con nước mà đi luôn. Lời bàn nầy, nhiều người cho là hợp tình hợp lý, vừa đỡ mất công mất linh, vừa khỏi phải trách nhiệm, mà rồi lại khỏi tốn hòm tốn bộng, tốn nhang tốn đèn chôn cất ma chay. Nhưng, Hương quản Thành không chịu. Ông nói:

– Ai cũng phải chết một lần. Người ta chết bữa nay, mình chết bữa mai. Nay, thấy người ta lỡ sa chưn nơi sông nước, trở thành cái xác không ai nhận, mà mình nỡ ngó lơ, nghĩ sao cho phải. Sợ mất công mà trong bụng cứ phải bất nhẫn hoài, đâu phải là lối giải quyết của người khôn.

Vậy là ông đốc thúc đám thanh niên khiêng cái xác chết đem về nhà việc. Ông ngồi ghe lên quận phi báo và dẫn mã tà về làng để khám nghiệm. Thủ tục mất hai ngày thì mới có lịnh của quận dạy hương chức làng Thạnh Hòa, xuất công nho ra mà mai táng xác chết. Lúc đó, cái xác đã sình.

Hương quản Thành chạy lại nhà ông Chủ Thạnh xin một cái hòm. Cái gì chớ quan tài đóng sẵn trong trại hòm của ông Chủ Thạnh không bao giờ thiếu. Ông Chủ Thạnh vẫn luôn luôn ra tay tế độ, bố thí quan tài cho những gia đình nghèo, có thân nhơn quá vãng.

Hương quản Thành đốc thúc thanh niên chôn liền xác chết.

Mấy ngày sau, một thanh niên, đã tích cực trong việc khiêng xác chết từ bờ sông về nhà việc, rồi lại tích cực trong việc tẩm liệm, chôn cất, đang mạnh sân sẩn, bỗng lăn ra thượng thổ hạ tả, chỉ có một ngày một đêm, chết thẳng cẳng. Hai ngày sau, thêm tám người trong làng, già có trẻ có, cũng đã bị cùng chứng bịnh như người thanh niên, chết cấp kỳ. Nhiều người khác thỏn mỏn lấy hơi lên, chờ tử thần tới rước. Thiên hạ bảo nhau là dịch tể hoành hành, phen nầy không khéo cả làng sẽ chết hết, không còn một mống. Có người thắp nhang lạy trời lạy đất xin phù hộ. Có người bày nhang đèn ra giữa sân, cúng ôn hoàng dịch lệ. Có người lại kêu tên Hương quản Thành ra mà chửi:

– Tổ cha thằng Hương quản Thành, nó muốn làm người khôn, nó rước cái xác của ông cố nội nó về, báo hại cả làng chết hết.

Gặp những lúc khác, một câu như vậy mà lọt tới tai Hương quản Thành, người nói không dễ gì yên thân với ông, không bị đem ra đóng trăn ở nhà việc, thì cũng bị vài chục roi quất đít. Nhưng lần nầy, ông lặng im. Cũng như các hương chức khác, ông lo tới méo mặt.

Ông Cả Bường cho nổi trống đình, mời các hương chức ra họp. Ngồi

vô bàn họp, giữa chốn đình trung, mấy ông hội tề, ông nào ông nấy mặt mày hớt hãi thảm hại, nhứt là ông Hương sư Tòng. Ông là thầy thuốc duy nhứt và có danh trong làng. Nay dân trong làng gặp phải nạn lớn, cần tới tài năng của ông. Suốt mấy ngày, hết nhà nầy mời, tới nhà kia thỉnh, ông đi chưn không bén đất. Thét rồi, ông ra ngồi sẵn ở đình, dãy thuốc kè kè bên lưng, chờ nghe nhà nào nổi mõ hay gõ thùng thiếc thì tất tả chạy tới. Ông nói "cứu bịnh như cứu hỏa", người ta lâm vào cảnh thập tử nhứt sanh, mình không thể giải đãi được. Nhưng, ông chạy thét tới nỗi râu tóc xuội lơ, mà mõ vẫn đánh, thùng thiếc vẫn gõ vô hồi kỳ tận, tám bên bốn phía. Thiện chí tới đâu, ông Hương sư Tòng cũng đành khoanh tay ngồi thở dốc.

Ông Hương giáo Kiểm ra chốn đình trung, phụ tay với ông Hương sư. Hai ông bàn với nhau, bịnh nầy là bịnh thiên thời, ai cũng bị một chứng như nhau, không cần bắt mạch ra toa gì hết, vì thuốc trị chỉ cần có một phương.

Bởi vậy, hai ông cho nổi lửa bên chái đình, sắc một lần cả chục siêu thuốc. Ông kêu gọi đám trai làng còn mạnh khỏe túc trực ở sân đình, đem thuốc phân phát cho người bịnh. Lửa cháy liên miên trên bếp, siêu thuốc nầy nhắc xuống, siêu thuốc kia bắc lên, ông Hương sư và ông Hương giáo làm việc liền tay, mệt muốn thở không ra hơi.

Khổ một nỗi, thuốc dự trữ của ông Hương sư Tòng có giới hạn. Về thuốc Nam thì trong lúc bất cập, đâu có thể tìm hái cho đủ. Còn thuốc Bắc, phải có tiền bạc bộn bàng, phải ra tới chợ Rạch giá mua mới có.

Nghe ông Hương giáo Kiểm nói cớ sự như vậy, ông Chủ Thạnh ra tay liền. Ông lận tiền vô lưng, kêu Hai Quờn chèo ghe, đưa ông ra chợ Rạch giá liền. Hai Quờn và một thằng bạn chèo liền tay mà ông Chủ Thạnh cứ hối liên thinh. Ra tới chợ, ông đi lùng hết tất cả các tiệm thuốc Bắc, An Hoà đường, Di Sanh đường, Hồi Xuân đường... mua hết tất cả những vị thuốc mà ông Hương sư Tòng đã dặn. Thuốc chất đầy ghe, ông hối Hai Quờn lui ghe trở về, không kịp ghé lại chợ ăn vài miếng đỡ dạ hay uống vài hớp nước cầm hơi. Ghe đi ngang bến nhà ông, ông cũng không ghé vô. Ghe đi ngang qua trại hòm của ông, nghe tiếng búa đóng chan chát, ông gật đầu hài lòng. Quan tài đóng sẵn, chứa trong trại hơn một chục cái, nhưng bố thí không kịp. Suốt mấy ngày nay, ông đốc thúc gia đình xẻ gỗ, cưa ván làm việc đêm ngày.

Chiếc ghe tấp vô cầu Bà Cả Dù, ông đi vội lên đình, hối các thanh niên xuống ghe lấy thuốc.

Ngó ông Hương sư và ông Hương giáo, ông Chủ Thạnh muốn trào nước mắt. Ông lắc đầu:

– Hai anh thiệt là vất vả, gian nan.

Ông Hương sư Tòng cười gượng:

– Anh cũng đâu có thua gì bọn tôi. Ngó anh xơ xác cũng thể như lão tướng đi trận mới về...

Trong khi ông Hương sư Tòng, ông Hương giáo Kiểm, ông Chủ Thạnh vì muốn cứu người mà mệt cầm canh, các ông hương chức khác cũng đâu có ngồi yên. Ông Hương Cả Bường và ông Hương chủ Sảnh lo tổ chức lễ tống ôn. Hương quản Thành và ông Chánh lục bộ thì lo việc ma chay, nghe ai chết ở đâu thì tới nhà ông Chủ Thạnh khiêng hòm, chạy tới, chôn liền cấp kỳ. Dân làng, người nào còn khỏe, phải chạy như cờ lông công...

Tới ngày làm lễ tống ôn, đình làng nổi chiêng, nổi trống, cờ quạt hực hở, nhang đèn nghi ngút. Ông Cả Bường đứng chưn chánh bái, ông Hương chủ Sảnh làm bồi bái, lạy muốn sói trán.

Lễ ở đình xong, các ông hương chức khăn áo chỉnh tề đi trước, một đám trai làng khiêng bè chuối đi sau. Trống đánh lùng tùng, chiêng khua lẻng xẻng.

Chiếc bè chuối được hạ thủy ở dưới chưn cầu Bà Cả Dù. Trên bè, cũng nhang cũng đèn, cờ ngũ sắc bằng giấy cắm chung quanh, một con heo đã cạo lông trắng hếu nằm chính giữa. Mấy chiếc chiếu cạp điều được trải xuống cạnh bờ sông. Ông Cả Bường và ông Chủ Sảnh lại lên gối, xuống bộ sì sụp lạy. Chiếc bè được đẩy bằng sào dài ra giữa dòng, trôi phăng theo nước. Những ngọn cờ phe phẩy theo gió...

Ai nấy đứng nhìn theo chiếc bè cho đến khi nó khuất bóng. Ôn thần đã nhậm lễ, đã theo bè mà đi. Làng nầy rồi sẽ yên ổn lại. Ai cũng tin như vậy.

Mọi người lục tục đi về. Ông Chủ Thạnh, ông Hương sư và ông Hương giáo thong thả đi sau cùng. Nhờ thuốc đem về đây đủ và kịp lúc, bịnh có mòi đã bị chận đứng. Cả ba ông bắt đầu thở lại ra hơi. Ông Cả Bường, đã đi được một đỗi xa, đứng lại chờ. Khi ba ông tới gần, ông Cả Bường nói như than:

– Lạy Trời lạy Phật, xin cho cả làng được bình yên trở lại. Để vài bữa nữa, không khéo mà tụi mình cũng sụm luôn...

Ông Chủ Thạnh ngó ba người bạn già. Người nào cũng xuống sắc thấy rõ. Ông như muốn trấn an:

– Thôi, rồi chắc cũng yên. Một đàng ôn thần đã được tống đi. Một đàng thuốc thang cũng đủ. Mình cố vài ngày nữa...

Chợt ông thở dài:

– Rồi còn bao nhiêu nhà có người chết, mình cũng phải liệu thế mà giúp rập cho họ. Nhiều nhà mất cả trụ cột của gia đình, còn lại mẹ vá con mồ côi, thiệt là thảm thiết...

Đang nói, ông Chủ Thạnh như bị khựng lại. Ông chăm chú nhìn vô cái quán bên đường. Quán trống trơn vì trong cơn dịch tễ hoành hành, Hương quản Thành đã ra lịnh cấm không cho dân làng bán thức ăn nước uống gì hết. Ở một góc quán, có một người đờn bà đang ngồi trên một chiếc ghế đẩu. Người đờn bà coi bộ lạ mặt, ông Chủ Thạnh chưa từng gặp qua một lần ở trong làng. Mặt mày người phụ nữ nầy còn trẻ, chắc trạc tuổi trung niên, nhưng mái tóc trên đầu lại trắng xóa. Bà đang hờ hững nhìn trời, trên tay phe phẩy một chiếc quạt.

Ông Chủ Thạnh nhìn kỹ chiếc quạt. Đây là loại quạt tròn như mặt nguyệt, phất lụa trắng, trên nền lụa có vẽ cảnh sơn thủy hữu tình.

Ông Chủ Thạnh cúi mặt bước mau theo các bạn. Ông nghe nghèn nghẹn, tức tức ở ngực. Ông hít mạnh một hơi. Ông nhìn ba người bạn già. Ông Cả Bường đang nói gì đó với ông Hương sư Tòng. Chắc là tinh thần đang phấn chấn, nên ông nào mặt cũng có sắc vui.

Ông Chủ Thạnh chợt nhớ lại, suốt mấy ngày hoạn nạn cả làng, sư Tâm Đức không hề thấy xuất hiện...

Ông Chủ Thạnh như muốn kêu lên: "Trời ơi! Hồng Côn! Bạch Phiến! Còn bao nhiêu người nữa sẽ kéo tới làng này?"□

Chú Thích:

(1) Rượu mà không gặp tri kỷ, ngàn chung cũng là ít
Lời mà không gặp người đáng nói, nửa câu cũng là nhiều
(2) Con rồng thần, thấy đầu không thấy đuôi
(3) Trong bài Vịnh Hát Bội của ông Cử nhơn Phan văn Trị
(4) Trong bài Vịnh Hát Bội của ông Tú tài Phan Quì

thư bạn đọc

●

* Xin được góp ý với Nguyễn Hưng Quốc về một điểm nhỏ trong bài phê bình "Những Họa Phẩm Của Trần Vũ" (Văn Học số 53&54). Nguyễn Hưng Quốc nhận xét Trần Vũ đã dùng sai một số từ ngữ trong tác phẩm đầu tay của nhà văn trẻ này: "...Tiêu biểu hơn cả là trường hợp Trần Vũ dùng chữ "xẩm" để chỉ những người phụ nữ gốc Hoa trong truyện "Biển Rợn San Hô". Thật ra, "xẩm" không phải là người Tàu mà là những người mù đi ăn xin. "Xẩm chợ" là điệu hát rong của những người mù..." (tr.179). Nguyễn Hưng Quốc là một nhà phê bình xuất sắc với những nhận xét rất sắc bén và một kiến thức sâu rộng. Tuy nhiên, chúng tôi nghĩ anh đã thiếu chính xác ở đây – "Xẩm" có những ý nghĩa như mù lòa, mờ tối và choáng váng – Tuy nhiên, tiếng Quảng đông còn gọi "thím" là "xẩm" – Từ đó tiếng ta có từ ghép "thím xẩm" để chỉ những phụ nữ gốc Hoa. "Xẩm" cũng mang ý nghĩa này trong những từ như "ả xẩm", "xẩm hầu", "áo xẩm"... Tương tự, chúng ta có "chú chệt" để chỉ đàn ông Tàu vì "chệt" là cách phát âm Triều châu để gọi "thúc" của Hán Việt, tức là "chú". Ông Alexander Barton Woodside trong cuốn "Vietnam and the Chinese Model" (Đại Học Harvard, 1988) đã lầm khi cho rằng chữ "chệt" là do đọc trại từ "chuột", một tiếng khinh bai người Tàu ở Việt nam. Sau này, khi Việt nam tiếp xúc với người Pháp thì lại xuất hiện những từ ghép tương tự như "bà đầm" chỉ vì "dame" trong tiếng Pháp là quý bà của chúng ta.

* Vì không nhận được Văn Học số 52 nên chúng tôi không rõ đã có đính chính về hai sơ xuất về bỏ dấu chính tả trong bài viết "Tỳ Bà Hành, Một Kiệt Tác Dịch Thơ Hán Ra Thơ Việt" của ông Trần văn Tích (Văn Học số 51) chưa. Đôi khi lỗi chính tả nhỏ cũng đưa đến hiểu lầm khá tai hại (Nói cho đúng, lỗi này không chỉ do người đánh hay xếp chữ, mà còn do cách viết tháu của người viết bài). Trang 67 ghi: "...Đấy là trường hợp

Nguyễn Du trong Truyền Kỳ Mạn Lục". Nguyễn Du, tác giả truyện Kiều, không hề viết bộ Truyền Kỳ Mạn Lục. Tác giả của Truyền Kỳ Mạn Lục thường được ghi trên các sách báo là Nguyễn Dữ. Ngoài ra còn được ghi là Nguyện Tự, Nguyễn Dư, Nguyễn Dự và Nguyễn Dũ. Chính Bác sĩ Tích cũng đã lưu ý về điểm này trên một số báo Làng Văn gần đây – khảo cứu kỹ lưỡng hơn cả, có Giáo sư Nguyễn Khắc Kham – Trên tờ The Vietnam Forum số 9, Giáo sư Kham cho biết căn cứ vào Nghệ Văn Chí và Kiến Văn Tiểu Lục của Lê Quý Đôn cùng với Văn Tịch Chí của Phan Huy Chú thì chỉ có hai hình thức quốc ngữ chính xác hơn cả là Nguyễn Tự và Nguyễn Dư. Giáo sư Kham cũng lưu ý là Truyền Kỳ Mạn Lục thường bị ghi sai hay dịch ra Anh và Pháp ngữ với ý nghĩa không đúng thành Truyền Kỳ Man Lục (không phải là Mạn). Cũng trong bài viết này, ông Tích đã nhầm lần khi cho rằng dịch giả bài Tỳ Bà Hành là Phan Huy Vịnh. Đây là một nhầm lần trong văn học, do chỉ dựa trên truyền thuyết, đã được các nhân vật trong dòng họ Phan Huy nhiều lần lên tiếng cải chính nhưng vẫn xảy ra. Lần này, cũng trên số Văn Học 51, ông Phan Huy Đạt phải lặp lại dịch giả bài thơ này phải là ông cụ thân sinh ra Phan huy Vịnh, căn cứ trên gia phả dòng họ Phan Huy. Điều đáng tiếc là Văn Học ghi tên vị này là Phan Huy Thục, trong khi đúng ra phải là Phan Huy Thực, là con trai thứ hai của Phan Huy Ích, anh của Phan Huy Chú và cha của Phan Huy Vịnh. Trong gia phả dòng họ Phan Huy cũng có ghi một vị tên là Phan Huy Thục, quyền tri phủ Nghi Xuân, nhưng ông này thuộc nhánh họ Phan cũ ở Hà tĩnh chứ không thuộc chi phái thiên ra làng Thụy khuê, Sơn tây như các ông Phan Huy Ích, Phan Huy Thực □

NGUYỄN ĐÔNG THÁI

TÌM ĐỌC

cánh cửa

tập truyện Nhật Tiến

Thời Văn xuất bản 1990

THƯ TÍN

Chị Nguyễn thị Hoàng Bắc (Virginia): Dọn nhà không phải là lý do để đánh bài lười, lờ Văn Học hơi lâu. Xuống Cali kỳ này không mang theo bài chắc chắn sẽ không được ngồi nhẩm phé nại ở "Amigo" đâu.

Anh Hoài Việt (Pháp): Cám ơn sự đóng góp của anh. Mong nhận được những sáng tác mới. Thân.

Anh Trần Đông Nhân (Trung quốc): Bài Ký anh gửi có lẽ đã thất lạc vì cho đến giờ này Văn Học vẫn chưa nhận được. Xin anh một bài khác. Độc giả đang mong được đọc tiếp hồi ký của anh về Thiên An Môn. Có thể sẽ lại phải gửi thêm cho anh quyển Nho Giáo. Thân.

Anh Tưởng Năng Tiến (San Jose): Từ dạo cổ cồn cà vạt áo vét đi làm, coi bộ chữ nghĩa đã bỏ đi theo bộ jogging màu cháo lòng mà đi rồi chăng. Thỉnh thoảng cũng nên tìm mặc lại cái bộ áo quần cháo lòng ấy cho anh em nhờ. Hy vọng.

Nhắn tin chung: Văn Học thành thật cáo lỗi cùng quí độc giả mua báo dài hạn về sự chậm trễ hoặc thất lạc hàng tháng. Trong vòng ba bốn số gần đây, báo bị thất lạc hơi nhiều mà hoàn toàn không do lỗi của tòa báo, mà do cái ông bưu điện Mỹ hình như càng ngày càng tệ. Văn Học xin bạn đọc nào không nhận được báo, xin cho biết để chúng tôi gửi bù. Thành thật cám ơn.

SÁCH BÁO MỚI

- **Hạnh Phúc Là Viên Mãn Yêu Thương**

của Cao Tấn Tĩnh, Nhà Cao Bùi xuất bản 1990. Sách dày 150 trang. Giá 8.00 Mỹ kim

- **Lênh Đênh Hải Ngoại**

của Cao Tấn Tĩnh. Nhà Cao Bùi xuất bản 1990. Sách dày 162 trang.. Giá 7.00 Mỹ kim

- **Ba Chàng Tị Nạn Độc Thân**

Tiểu thuyết của Hoàng Việt. Xuân Thu xuất bản 1990 . Sách dày 284 trang. Giá 12.00 Mỹ kim

PHÂN ƯU

Được tin thân phụ anh Trương Đình Nho, giám đốc nhà xuất bản Đại Nam là cụ:

TRƯƠNG ĐÌNH CHI

vừa thất lộc tại Sàigòn ngày 27 tháng Bảy năm 1990
(nhằm ngày 6 tháng Sáu năm Canh Ngọ)
Hưởng thọ 72 tuổi

Ban chủ biên Văn Học xin thành thật chia buồn cùng anh Trương Đình Nho và gia quyến.

Văn Học

Muốn an tâm khi đi mua máy Computer, không gì bằng đến

ACS ADVANCED COMPUTERS

1714 E. Mc. FADDEN Ave. SUITE 0
SANTA ANA, CA. 92705
Tel. (714) 648-0325 Fax. (714) 648-0326
STORE HOURS MON - SAT: 9AM - 7PM.
• Bán si và lẻ computer giá hạ
Nhận VISA & MASTER CARD & Trả Góp
Nhận gửi đi xa qua UPS
IBM COMPATIBLE 100%
• XT/AT $475/$675
• AT 286/VGA/20Mb HD $1395
• AT 386-20/65Mb HD $1695
(All System Include 1 year Part & Labor Warranty)

Đặc Biệt
• *LaserJet printer memory upgrade:*
1Mb. **$249.00**/*2Mb.* **$369.00**/*4Mb.* **$579.00**
(Expansion board & Ram)

CÓ HAY KHÔNG:

- **một cao trào văn nghệ phản kháng trong nước?**
- **một khuynh hướng phủ nhận 40 năm văn học hiện thực xã hội chủ nghĩa?**
- **một tâm lý muốn phủ nhận, xóa sạch...?**

Muốn trả lời những vấn đề trên, xin độc giả tìm đọc tuyển tập:

TRĂM HOA VẪN NỞ TRÊN QUÊ HƯƠNG

một tuyển tập 800 trang khổ lớn, bìa bốn màu: 121 tiết mục: sáng tác và tham luận ● văn ● thơ ● ký ● kịch ● điện ảnh ● tài liệu báo chí trong và ngoài nước

★ phạm việt cường ● nguyễn mộng giác ● vũ hạ ● phan tấn hải ● christian hoche ● nghiêm xuân hồng ● phạm kim khải ● thụy khuê ● thập lang ● nguyễn đức lập ● trương đình luân ● hoàng sử mai ● thân trọng mẫn ● léa mùa xuân ● hoàng chính nghĩa ● đỗ thái nhiên ● hoàng khởi phong ● nguyễn hưng quốc ● nguyễn văn sâm ● đỗ hữu tài ● nguyễn trần ngọc thu ● nhật tiến ● phạm trần ● bùi bảo trúc ● nguyễn bá tùng ● thi vũ ● trương vũ ●

viết và đọc về 79 tác giả trong nước

Giá sách: US$25.00, ngoài Bắc Mỹ xin kèm thêm US$4.00 cước phí
Check hay Money Order xin đề và gửi về:

LÊ TRẦN PUBLISHING CO.
P.O. BOX 2145
RESEDA, CA 91335
USA

Nhà Xuất Bản VĂN NGHỆ

Quí vị đã đọc: *Hành Trình Về Phương Đông*
Mời đọc tiếp:

Hoa Sen Trên Tuyết

do Nguyên Phong tuyển dịch
Văn Nghệ xuất bản 1990
Giá 7 Mỹ kim, ngoài nước Mỹ giá 8 Mỹ kim

Văn Nghệ
P.O. Box 2301
Westminster, CA 92683
Tel (714) 527 5761

Thời Văn

Đã phát hành:

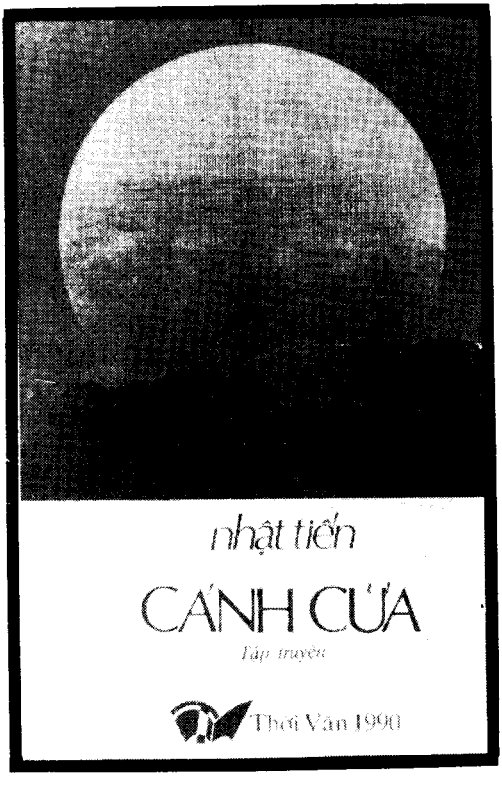

CÁNH CỬA

tập truyện Nhật Tiến

giá 12 mỹ kim
ngoài Hoa Kỳ thêm
2 mỹ kim cước phí

Thư từ bưu phiếu xin đề:

Cao Xuân Huy
P.O. Box 3192
Tustin, CA 92680 USA

TRUNG TÂM CHUYÊN KHOA

BỆNH TRĨ

- CHỮA TRỊ BẰNG TIA LASER DỨT TUYỆT
- PHƯƠNG PHÁP TỐI TÂN NHẤT ĐỂ ĐỊNH BỆNH VÀ TRỊ BỆNH
- KHÔNG CẦN NẰM BỆNH VIỆN
- KHÔNG RA MÁU, KHÔNG ĐAU
- TRĨ NỘI, TRĨ NGOẠI, TRĨ SA
- MẠCH LƯƠN, SA RUỘT, MỒNG GÀ
- UNG THƯ ĐƯỜNG RUỘT, BỆNH BAO TỬ, SẠN MẬT
- CƠ VÒNG SUY YẾU, SỬA ÂM ĐẠO, CẮT QUY ĐẦU
- SỬA LẠI BỘ PHẬN SINH DỤC NHƯ THỜI SƠN TRẺ

BÁC SĨ TRẦN TIẾN HUYẾN, MD, FACS

tốt nghiệp bằng chuyên khoa giải phẫu tổng quát tại university pittsburgh
tốt nghiệp siêu chuyên khoa giải phẫu đường ruột và trĩ tại ferguson clinic, mi
nguyên giảng sư y khoa đại học sàigòn

NHẬN MEDICAL - MEDICARE - TẤT CẢ CÁC LOẠI BẢO HIỂM
GIÁ ĐẶC BIỆT CHO NHỮNG NGƯỜI TRẢ TIỀN MẶT

14571 MAGNOLIA St # 207	1905 N. COLLEGE Ave # C
WESTMINSTER, CA 92683	SANTA ANA, CA 92706

CENTRAL VALLEY
MEDICAL CLINIC

7227 RESEDA Blvd, RESEDA, ca 91335

Tel **(818) 708-7227**

Bs NGUYỄN VĂN HƯNG MD
Bác sĩ Điều trị Olive Medical Center
(khu cấp cứu và quang tuyến)
BS TRƯƠNG NGỌC THẠCH MD
Bác sĩ điều trị Olive View Medical Center
(khu theo dõi nội khoa và chương trình săn sóc toàn diện)
GIỜ LÀM VIỆC
Thứ Hai - Thứ Sáu 9Am đến 8 Pm
Thứ Bảy - Chủ Nhật 9Am đến 3Pm
Nhận MEDICAL & BẢO HIỂM
Bãi đậu xe rộng rãi và miễn phí

Bãi dậu xe rộng rãi và miễn phí

BÁC SĨ

TRẦN TRÚC QUANG

CHUYÊN KHOA NỘI THƯƠNG

LEOHMANN'S PLAZA

7309 Arlington # 314

Fallchurch, VA 22042

(703) 560-0388 / 0389

- tốt nghiệp chuyên khoa nội thương hậu đại học chương trình Georgetown
- hội viên hội y sĩ đoàn hoa kỳ
- bác sĩ điều trị cho đài tiếng nói Hoa kỳ (VOA), sở di trú và nhập tịch Hoa kỳ (INS), và cơ quan bảo vệ môi trường (EPA) tại Washington DC

GIỜ LÀM VIỆC (theo hẹn)

Thứ Hai - Thứ Sáu: từ 9 giờ sáng đến 7 giờ tối

Thứ Bảy: từ 9 giờ sáng đến 3 giờ chiều

Chủ Nhật: Theo hẹn

NHA Y SĨ

ƯTHỊ MỸ LAN

GENERAL DENRISTRY

Chữa Bệnh Nướu Răng

9141 Bolsa Ave # 302 .

(714) 898-6449

Giờ Làm Việc:

Ngày Thường: Từ 10Am đến 7Pm

Thứ Bảy: Từ 9Am đến 6Pm

Chủ Nhật: Từ 10Am đến 2Pm

Bác sĩ

NGUYỄN VĂN THẾ M.D

Y KHOA TỔNG QUÁT & BÁC SĨ GIA ĐÌNH

ĐIỀU TRỊ

• CÁC BỆNH NỘI NGOẠI THƯƠNG TỔNG QUÁT • BỆNH TOÀN KHOA NGƯỜI LỚN, TRẺ EM • BỆNH PHỤ NỮ VÀ THĂM THAI • KẾ HOẠCH HÓA GIA ĐÌNH • CHÍCH NGỪA • KHÁM BỆNH NHẬP HỌC • TIỂU GIẢI PHẪU •CÁC LOẠI TAI NẠN •HỢP TÁC VỚI CHƯƠNG TRÌNH BÔNG SỮA WIC •

NHẬN LÀM BÁC SĨ GIA ĐÌNH

NHẬN MEDICAL & BẢO HIỂM

GIỜ LÀM VIỆC

– Ngày Thường: 9:30 Am – 6:30 Pm

– Thú Bảy: 9:30 Am – 3:00 Pm

– Thứ Tư – Chủ Nhật Nghỉ

9196 Bolsa Ave • Westminster, CA 92683

(714) 898.5951 / 898.2967

Bác sĩ

TÔN THẤT NIỆM, M.D.

BÁC SĨ Y KHOA - CHUYÊN KHOA TÂM THẦN

PSYCHIATRIST

Tel: (714)531-8720
Khám bệnh theo hẹn

9533 Bolsa Ave
Westminster, CA 92683

TÂM
AUTO CENTER

1610 N. Fairview St, Sangta Ana, CA 92706
(Góc Westminster và Fairview)

(714) 554.2314

LÀM ĐỒNG - SƠN
SỬA CHỮA VÀ BÁN TẤT CẢ CÁC LOẠI XE

Đặc Biệt Làm Máy Xăng - Dầu - Tune Up
Làm Thắng - Rebuild Hộp Số - Carburaror
mở cửa từ 7 giờ sáng đến 7 giờ chiều
chủ nhật từ 7 giờ sáng đến 12 giờ trưa

Bác Sĩ

VŨ ĐÌNH MINH

DIPLOMATE AMERICAN BOARD OF INTERNAL MEDICINE AND PULMONARY DISEASES

CHUYÊN TRỊ: BỆNH NỘI KHOA, BỆNH PHỔI

- Bệnh Nội Khoa: Tiểu Đường - Máu Cao...
- Bệnh phổi: Ho - Suyễn - Đau Ngực - Lao - Khó Thở

NHẬN MEDICAL VÀ BẢO HIỂM

Giờ làm việc: (gọi lấy hẹn)
Ngày thường: 9 - 12 am & 1 - 6 pm
Thứ Bảy: 9am - 1pm

Tel: **(714) 641-0263**
2720 S. Bristol # 118 Santa Ana, CA 92704

PHIẾU MUA BÁO DÀI HẠN

(giá biểu kể từ 5 - 1987)

Họ và tên bạn đọc .....
Địa chỉ .....
Zip Code .....

Đồng ý mua dài hạn Văn Học từ số..... đến số .....

Mua dài hạn tại Hoa kỳ và Canada (gửi hạng tư)

Sáu tháng 15Mk
Một năm 30Mk

Mua dài hạn tại Hoa kỳ và Canada (gửi hạng nhất)

Sáu tháng 21Mk
Một năm 42Mk

Giá biểu cho bạn đọc ở Âu châu

Sáu tháng, gửi tàu thủy 21Mk
Một năm, gửi tàu thủy 42Mk
Sáu tháng, gửi máy bay 33Mk
Một năm, gửi máy bay 66Mk

Giá biểu cho bạn đọc ở Á và Úc châu

Sáu tháng, gửi tàu thủy 21Mk
Một năm, gửi tàu thủy 42Mk
Sáu tháng, gửi máy bay 40Mk
Một năm, gửi máy bay 80Mk

Đính kèm số tiền .....

(trả bằng Mỹ kim, ngoài Hoa kỳ xin trả bằng international money order hoặc bưu phiếu, đề tên Văn Học)

Văn Học • P.O. Box 3192 • Tustin • CA, 92680 • USA

PHIẾU TẶNG BÁO VĂN HỌC

Họ và tên .....
Địa chỉ .....
.....

Muốn mua: * Sáu tháng báo Văn Học .....
* Một năm báo Văn Học .....
Để tặng cho .....
Địa chỉ .....
.....

Đính kèm ngân chi phiếu ..... Mk

Văn Học • P.O. Box 3192 • Tustin • CA, 92680 • USA

khánh trường

CÒ YÊU EM KHÔNG?

tập truyện

TÂN THƯ xuất bản 1990

Phụ bản: Võ Đình, Thái Tuấn, Nguyễn Đồng,
Nguyễn Thị Hợp, Nguyễn Trọng Khôi
Bìa: Tác giả.

Giá 14 Mỹ kim
ngoài Hoa Kỳ thêm 2 mỹ kim cước phí

Thư từ ngân phiếu xin đề:
KHÁNH TRƯỜNG
13081 Hope St., Garden Grove, Ca 92643, USA.

văn nghệ

P.O. Box 2301, Westminster, CA 92683. U.S.A.
Phone: **(714) 527-5761**
Ngân. chi phiếu xin đề VĂN NGHỆ

SÁCH 1990

- **HOA SEN TRÊN TUYẾT** — **7.00MK**
  Nguyên Phong phóng tác
- **LỊCH SỬ NỘI CHIẾN Ở VIỆT NAM**
  Biên khảo Tạ Chí Đại Trường
- **KHI NHỮNG LƯU DÂN TRỞ LẠI**
  Biên khảo Nguyễn văn Xuân
- **ĐÓA SEN VÀ NỤ CƯỜI** — **12.00MK**
  Việt Anh Pháp Sự tích Đức Phật tranh và truyện Võ Đình
- **NGOÀI GIẤC NGỦ**
  Thơ Thường Quán
- **ÁNH SÁNG VÀ BÓNG TỐI**
  Hồi ký tù của Hoàng Liên
- **VÀI CHÚ GIẢI VỀ THIỀN ĐỐN NGỘ**
  Nguyên Giác Phan Tấn Hải

TỔNG PHÁT HÀNH

- **ĐỊA NGỤC SÌNH LẦY** — **14.50MK**
  Trần Nhu
- **SỢI CHỈ TRONG HỒN** — **13.00MK**
  Truyện dài Nguyễn Ý Thuần
- **NHẤT BIỆT, NHỈ QUEN** — **12.00MK**
  Truyện dài Nguyễn Đức Lập

Nhà xuất bản AN TIÊM:

- **ĐỌC KINH** — **6.00MK**
  Vũ Khắc Khoan
- **HOÀNG TỬ BÉ** — **6.00MK**
  Le Petit Prince của Saint Exupéry
  Bùi Giáng dịch
- **MÙI HƯƠNG XUÂN SẮC** — **6.00MK**
  Bùi Giáng dịch
- **TỪ CHỐN LƯU ĐÀY** — **13.00MK**
  của Hoàng Nguyên Nhuận

Ngoài nước Mỹ mỗi cuốn thêm 1MK